

Đời mở đầu

Chúng ta đang cầm trong tay một ấn bản đặc biệt đã được ấp ủ nhiều năm qua; là thành quả có được từ trái tim, khối óc và bàn tay của những người xuất sĩ trẻ mang đầy hoài bão và nhiệt huyết trên con đường lý tưởng xuất gia và phụng sự. Xin giới thiệu đến quý thầy, quý sư cô và quý vị độc giả ấn phẩm: GIẾNG NƯỚC THƠM TRONG - TẬP SAN ĐẠO BỤT ỨNG DỤNG LÀNG MAI THÁI LAN.

GIẾNG NƯỚC THƠM TRONG là một tập san xuất bản định kỳ dưới hình thức của một tạp chí Phật học nội chúng. Về cơ bản, trong mỗi số cấu trúc của tập san sẽ bao gồm sáu mục với nội dung như sau:

VĂN HÓA LÀNG MAI

Gồm những bài viết nhằm làm rõ và tôn vinh những nét đẹp trong truyền thống Làng Mai và trong văn hóa xuất sĩ Làng Mai. Mỗi số của tập san sẽ xoay quanh một chủ đề nhất định, có thể là một sự kiện hoặc là một sinh hoạt đặc trưng ở Làng Mai.

CHUYÊN ĐỀ

Là phần trọng tâm của tập san. Mỗi một (hoặc một vài) số báo sẽ tập trung trình bày, triển khai, và phân tích trên nhiều góc độ một vấn đề thuộc phạm trù tư tưởng, giáo lý, thực tập hoặc tổ chức đời sống mà đại chúng thường quan tâm.

LƯỢC VĂN

Là diễn đàn nơi những cái thấy, những quan điểm, những cách nhìn của các tác giả về sự thực tập, về giáo lý, cũng như những vấn đề khác trong đời sống tăng thân được trình bày.

NGHIÊN CỨU

Là sân chơi cho những tìm tòi, nghiên cứu, khám phá mới.

VĂN NGHỆ

Góc riêng cho những sáng tác thơ, văn, truyện ngắn, bình thơ, âm nhạc, hội họa...

VÒNG TAY NHẬN THỨC

"Vòng tay nhận thức ôm năng sở". Lấy tên một bài thơ của Thầy Làng Mai, chuyên mục này có mong ước giới thiệu các bài viết và nghiên cứu ngoài Làng Mai cũng như ngoài đạo Bụt để có thể nối một nhịp cầu nhận thức giữa pháp môn của chúng ta và các chủ đề mà xã hội đương đại đang quan tâm. Từ thế đứng của Làng Mai nhìn ra ngoài hoặc từ bên ngoài nhận định giáo lý Làng Mai, trong tinh thần năng-sở, trong-ngoài bất nhị; hy vọng những bài viết đăng tải ở đây sẽ làm cho độc giả có cái nhìn rõ ràng và đầy đủ hơn về chính pháp môn Làng Mai trong bối cảnh chung của thế giới Phật giáo cũng như thế giới khoa học tự nhiên, khoa học xã hội.

Tôi lớn lên ở Thanh Hoá, miền Bắc Việt Nam.

Một ngày nọ, thầy giáo chúng tôi thông báo là chúng tôi sẽ có một chuyến dã ngoại lên núi Na, một ngọn núi trong vùng. Thầy nói là ở trên đỉnh núi đó có một ông đạo-một người tu sống một mình và ngồi yên suốt đêm ngày để đạt được sự an tĩnh như Đức Bụt. Tôi chưa bao giờ được gặp ông đạo, nên trong lòng rất háo hức.

Cái tên GIẾNG NƯỚC THƠM TRONG gợi cho chúng ta nhớ đến câu chuyện thời niên thiếu của Sư Ông khi Người đi tìm ông Đạo trên núi Na, được uống nước trong một cái giếng thiên nhiên bằng đá và có được trải nghiệm tâm linh đầu tiên. Bắt nguồn từ đó, dòng suối tâm linh trong lành tuôn chảy không ngừng qua Thầy cho đến những người học trò xuất gia và tại gia, lan tỏa ra khắp năm châu bốn biển cho đến tận hôm nay. Lấy cảm hứng từ câu chuyện ông Đạo và giếng nước thơm trong, tập san này mong muốn góp một phần nhỏ giúp cho những người tu trẻ được trở về tìm hiểu, tắm mát lại nơi mạch nguồn thơm ngọt đó để cùng trau dồi và khơi mở dòng chảy tâm linh của pháp môn Làng Mai.

Thay cho lời giới thiệu, chúng con xin phép được trích lại ở đây một đoạn văn được chuyển ngữ từ cuốn sách “At home in the world” của Sư Ông Làng Mai:

Ông Đạo

và giếng nước thơm trong

Một ngày trước chuyến đi, chúng tôi đã chuẩn bị thức ăn để đi đường. Chúng tôi thổi cơm, vắt lại và gói trong lá chuối, làm đậu phộng muối mè để ăn với cơm vắt. Chúng tôi cũng nấu nước để đem theo. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi bắt đầu một cuộc hành trình dài để đến chân núi. Khi đã đến nơi, tôi và các bạn bắt đầu leo núi rất mau. Hồi đó chúng tôi chưa biết cách đi trong chánh niệm, chỉ đua nhau leo núi cho nhanh.

Khi lên tới đỉnh, mọi người ai cũng mệt nhoài, nước mang theo thì đã uống hết trên đường lên núi. Tôi nhìn quanh, kiếm ông đạo mà chẳng thấy đâu, chỉ thấy một túp lều nhỏ được làm bằng tranh và rơm. Bên trong túp lều có một cái chõng nhỏ và một cái bàn thờ làm bằng tre, nhưng tôi không nhìn thấy ông đạo ở đâu cả. Cũng có thể Người đã nghe tiếng chúng tôi đến và lánh mặt ở đâu đó để tránh đám con nít ồn ào.

Giờ cơm trưa đã đến, nhưng tôi không cảm thấy đói. Tôi rất thất vọng vì đã không gặp được ông đạo. Tôi bỏ lại đám bạn và một mình leo tiếp lên núi, với

hy vọng sẽ tìm được ông. Tôi đi sâu vào trong rừng và bỗng nhiên nghe tiếng nước chảy róc rách. Tiếng nước chảy thật trong trẻo, thật êm tai. Tôi bắt đầu leo theo hướng tiếng nước chảy, một lúc sau tôi tìm thấy một cái giếng thiên nhiên, nó một cái hồ nhỏ với những tảng đá lớn nhiều màu vây quanh. Nước trong hồ rất trong, có thể nhìn thấy rõ tới đáy. Vì đang rất khát nên tôi quỳ xuống và dùng hai bàn tay bưng nước lên mà uống. Nước rất ngọt. Tôi chưa bao giờ uống thứ nước nào ngon như vậy. Tôi cảm thấy vô cùng mãn nguyện, chẳng còn muốn gì hay cần gì hơn nữa, ngay cả cái ý muốn được gặp ông đạo cũng phút chốc tan biến. Tôi có cảm tưởng như tôi đã gặp được rồi. Tôi tưởng tượng có thể ông đã tự mình biến thành cái giếng này.

Mệt nhoài nên tôi ngã mình nằm xuống đất nghỉ ngơi vài phút bên cạnh cái giếng. Đưa mắt nhìn lên tôi thấy một nhánh cây in hình trên nền trời. Nhắm mắt lại, và chẳng mấy chốc tôi đã chìm vào giấc ngủ. Tôi không biết mình đã ngủ thiếp đi trong vòng bao lâu. Khi tỉnh dậy, mới đầu tôi không nhận ra là mình đang ở đâu, rồi tôi nhìn thấy nhánh cây in trên nền trời và cái giếng kỳ diệu, sau đó tôi đã nhớ lại tất cả.

Đến lúc phải trở về với các bạn trong lớp, tôi lưu luyến chào tạm biệt cái giếng và bắt đầu đi xuống núi. Trong khi rời khỏi khu rừng ấy, sâu thẳm trong lòng tôi bỗng dưng vang lên một câu nói. Nó giống như một câu thơ vậy: “Tôi đã nếm được hương vị của thứ nước ngon nhất trên đời.”

Sau đó, tôi ngồi ăn trưa cùng với các bạn. Thấy tôi trở về, các bạn rất vui và hỏi tôi đã đi đâu nhưng tôi không muốn thổ lộ. Tôi nâng niu và muốn gìn giữ những gì mà tôi vừa trải nghiệm cho chính mình lâu hơn một chút nữa, bởi vì nó đã thật sự đã làm tôi chấn động sâu sắc. Tôi lặng lẽ ngồi ăn trưa trên cỏ. Cơm vắt chấm muối mè thật là ngon.

Mặc dù đã leo ngọn núi đó nhiều năm về trước nhưng hình ảnh cái giếng cùng tiếng nước nhỏ xuống trong sự tĩnh lặng ấy vẫn sống mãi trong lòng tôi. Có lẽ bạn cũng đã gặp được ông đạo của bạn rồi. Có thể đó là một tảng đá, một cội cây, một vì tinh tú, hay cảnh mặt trời lặn cuối ngày...

Đó là trải nghiệm tâm linh đầu tiên của tôi...

Mục lục

VĂN HÓA LÀNG MAI

Pháp môn soi sáng	6
Bụt cầu soi sáng	14

CHUYÊN ĐỀ

Tiếng hét xưa đến tiếng hát nay	18
---------------------------------	----

LUẬN VĂN

Thò và rùa	36
Xuất sĩ Làng Mai và Internet	40

NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu các câu đối chùa Từ Hiếu	50
Danh sách thuật ngữ Duy Biểu	68
Giải nghĩa thuật ngữ Duy Biểu	72

VĂN NGHỆ

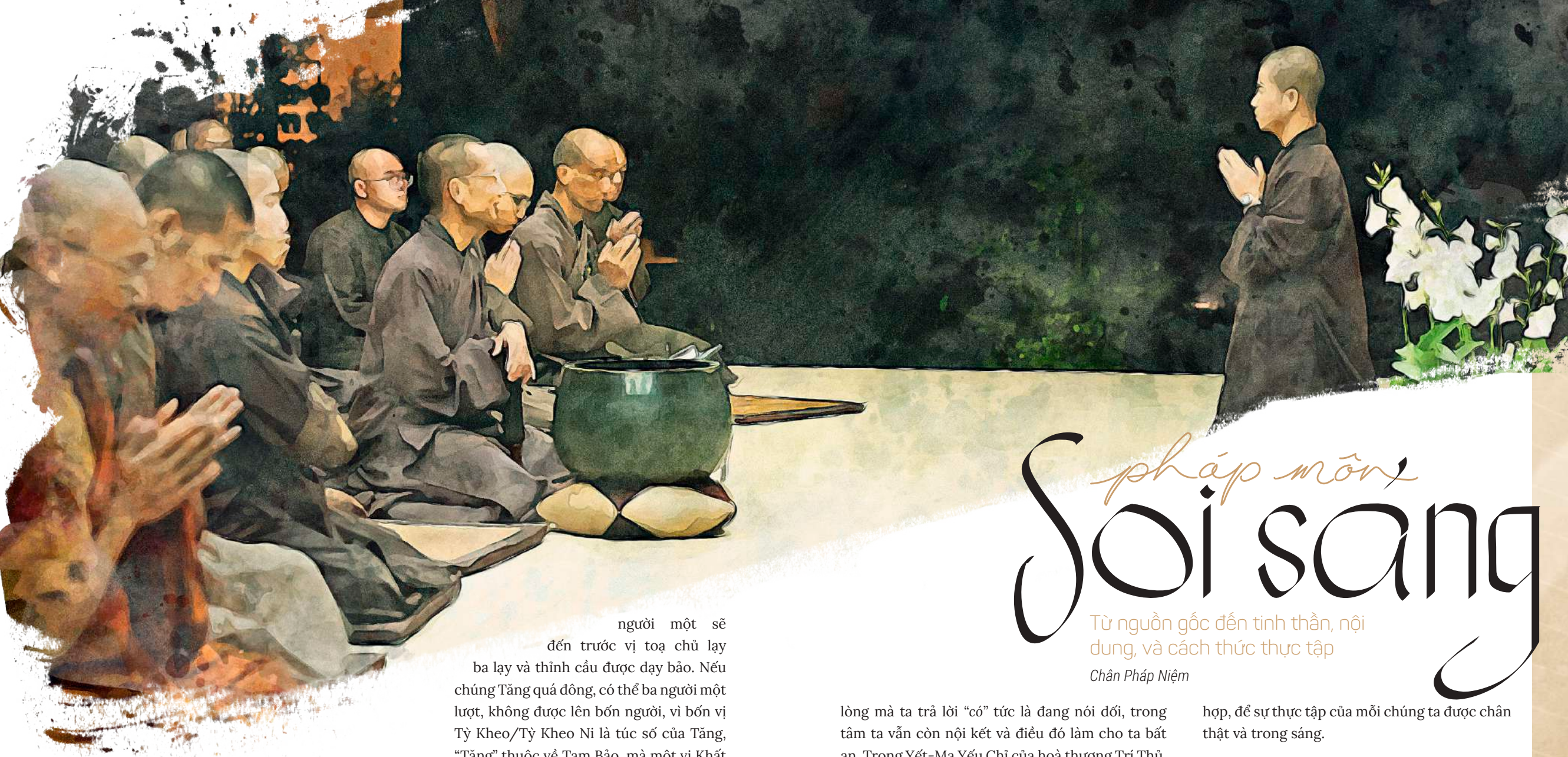
Thơ Nguyên xưa	80
Truyện ngắn Sơ ú	82
Thơ Tình sách	

VÒNG TAY NHẬN THỨC

Niên biểu Đạo Bụt	86
Đúc Bụt trong mắt nhân loại	94
Tiểu sử ngài Long Thọ	95
Tiểu sử ngài Thế Thân	96

Văn hóa Làng Mai

Tăng thân đang trong giai đoạn hệ thống lại những giá trị đã dần thành hình trong suốt bốn mươi năm xây dựng Làng Mai để giữ gìn và tiếp nối con đường của Thầy. Trong đó một phần quan trọng là nhận diện được những nét đẹp của đời sống người tu để cùng nhau nhắc nhở thực tập, nuôi lớn những giá trị quý giá ấy trong xu hướng bị mai một dần những giá trị căn bản của người xuất sĩ do tác động của thời gian, xã hội biến đổi và sự thất thoát trong quá trình trao truyền. Chuyên mục này mong muốn được góp phần vào công cuộc giữ gìn bản sắc ấy bằng cách gửi đến quý thầy, quý sư cô những bài viết tổng kết lại theo chủ đề những nét nổi bật về văn hóa trong sinh hoạt mà tứ chúng Làng Mai đã và đang duy trì.



I. TRUYỀN THỐNG TỰ TỨ TRONG ĐẠO BỤT

Pháp môn Soi Sáng đã có thời Bụt, thường được thực tập vào cuối mùa An Cư, trước buổi lễ Tự Tứ. Từ “Tự Tứ” có nghĩa là thỉnh nguyện, cầu xin được dạy bảo. Vào ngày Tự Tứ, chư Tăng sẽ tập hợp lại, thỉnh cầu một vị Pháp Chủ (thượng toạ) mà ta cảm thấy gần gũi và có thể soi sáng cho mình được, vị đó không nhất thiết phải lớn nhất. Các trưởng hạ của truyền thống Phật Giáo thường thỉnh vị toạ chủ lớn nhất làm chỗ nương tựa và soi sáng cho quý Thầy, quý Sư Cô an cư nơi đó. Từng

người một sẽ đến trước vị toạ chủ lay ba lay và thỉnh cầu được dạy bảo. Nếu chúng Tăng quá đông, có thể ba người một lượt, không được lên bốn người, vì bốn vị Tỷ Kheo/Tỳ Kheo Ni là túc số của Tăng, “Tăng” thuộc về Tam Bảo, mà một vị Khất Sĩ thì không thể soi sáng cho Tăng. Sau khi các vị Tỷ Kheo, Tỳ Kheo Ni được soi sáng, dạy bảo, thấy được sự thực tập của mình có những lầm lỗi, vụng về, sai phạm trong giới luật, lối sống hay uy nghi... thì họ sẽ sám hối (sám-ma), để được thanh tịnh.

Theo quy định, buổi Tự Tứ phải hoàn toàn thanh tịnh. Trong khi vị Yết Ma hỏi: “Đại Chúng có hoà hợp và thanh tịnh không?” nếu ta còn buồn giận, bức bối hay hiềm hận, chưa được thanh tịnh ở trong

lòng mà ta trả lời “có” tức là đang nói dối, trong tâm ta vẫn còn nội kết và điều đó làm cho ta bất an. Trong Yết-Ma Yếu Chỉ của hoà thượng Trí Thủ, khi Tự Tứ mình quỳ lay tác bạch rằng:

“Đại đức nhất tâm niệm, hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi Tỷ-Kheo... cũng Tự Tứ. Nếu có tội được thấy, được nghe, được nghĩ, nguyện đại đức thương tưởng dạy dỗ tôi, nếu tôi thấy có tội sẽ như pháp sám hối”. Nói như vậy ba lần.

Sau đó vị được thỉnh cầu soi sáng nói: “Thiện!” (tốt)

Và vị kia đáp lại: “Nhĩ” (ạ vâng).

Cứ như vậy lần lượt cho đến hết. Nhiều sách có cách trình bày hơi khác nhưng nội dung thì không khác. Hình thức thực tập là như vậy. Chúng ta thực tập như thế nào để có sự thanh tịnh, hoà

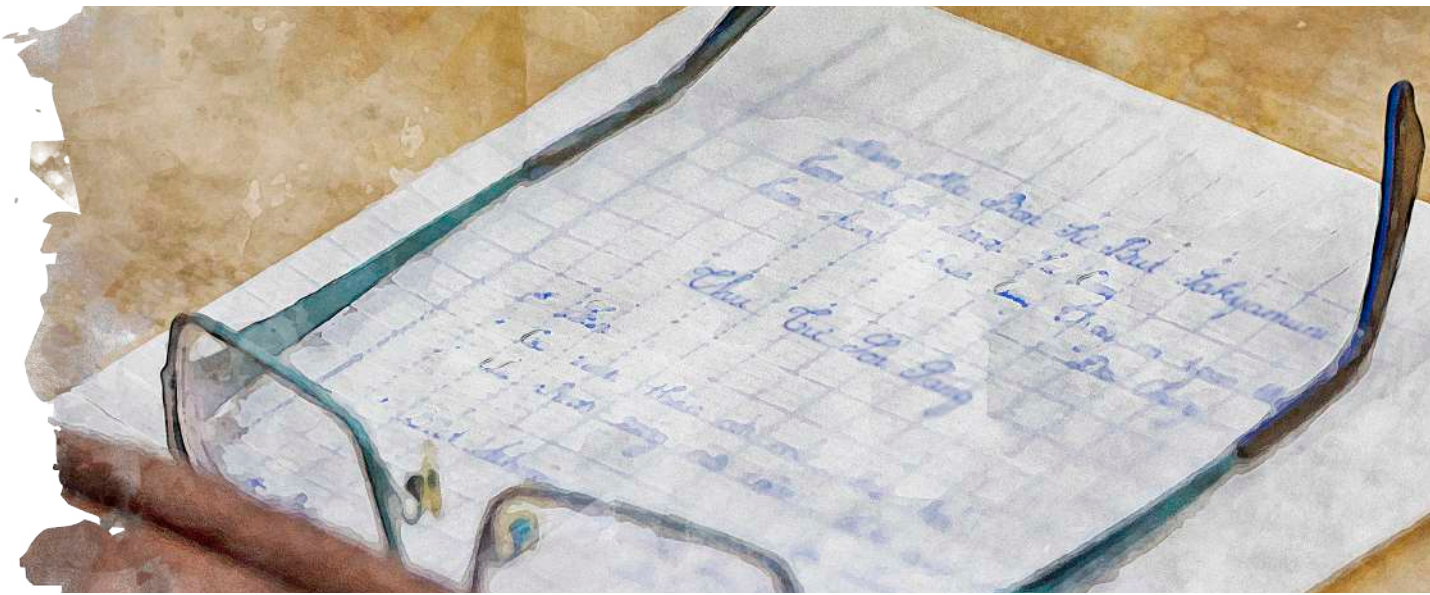
hợp, để sự thực tập của mỗi chúng ta được chân thật và trong sáng.

II. TỪ TRUYỀN THỐNG TỰ TỨ ĐẾN PHÁP MÔN SOI SÁNG Ở LÀNG MAI

Theo thời gian, Sư Ông Làng Mai đã chỉnh sửa lại cho phương pháp trở nên sống động và thực tiễn, hơn là chỉ mang tính chất hình thức. Ở Làng Mai, thay vì chỉ thỉnh cái thấy của một vị, chúng ta sử dụng cái thấy của Tăng Thân, gọi là Tăng Nhân, con mắt tuệ của Tăng. Mỗi người đều có mắt tuệ nhưng mắt tuệ của một người thì không sáng, không toàn vẹn. Nếu gom con mắt của Đại Chúng lại, con mắt đó sẽ rất sáng,

pháp môn Soi sáng

Từ nguồn gốc đến tinh thần, nội dung, và cách thức thực tập
Chân Pháp Niệm



có thể thấy đầy đủ hơn về mình. Khi ta soi sáng cho một thành phần trong chúng cũng là đang soi sáng cho mình, và Đại Chúng còn lại cũng tự soi sáng cho bản thân qua lời chia sẻ của ta. Trên hình thức ta đang soi sáng cho một người, nhưng nội dung thì tất cả mọi người đều đang được soi sáng. Nếu soi thì phải sáng, chữ soi luôn đi đôi với chữ sáng. Không phải soi mói, soi mói nghĩa là ta tìm vết để nói cho người khác khổ đau. Vì vậy ta phải sử dụng ngôn ngữ cho khéo léo để sự soi sáng không trở nên vụng về. Có một sư chú soi sáng cho một thầy rằng: “Con thấy thầy có một điểm sen, đó là thỉnh thoảng thầy đi thời khoá đầy đủ”; mọi người đều tưởng rằng sư chú nói nhầm. Mọi người hỏi lại: “Sư chú có nhầm không? Có sử dụng nhầm ngôn ngữ không?” Sư chú trả lời: “Dạ không, ngôn ngữ đó là chính xác”; có nghĩa là thầy ít đi thời khoá ngồi thiền, nhưng nếu nói thầy không đi ngồi thiền sẽ không khéo bằng nói “thỉnh thoảng thầy đi thời khoá đầy đủ!”. Câu nói đó làm cho buổi soi sáng vui vẻ và có tiếng cười, không gây thương tổn cho người kia, mà người được soi sáng cũng có thể hiểu được ý của sư em mình.

Trên nguyên tắc ta phải tự phấn đấu để thấy những khuyết điểm, tài năng, vụng về của tự thân, để ta bước những bước thật vững chắc trên con đường tu tập chuyển hoá. Nhưng cái thấy của ta về bản thân vẫn còn yếu, không ai trong chúng ta dám nói “tôi đây rất là hiểu tôi” cả. Có bao giờ ta tự

hỏi là mình đã hiểu được mình chưa? Ta biết rằng cái hiểu về bản thân còn nhiều giới hạn, hướng hồ là cái hiểu cái biết của ta về người khác. Đó là lý do ta phải nương vào cái thấy của Tăng, nương vào Tăng Nhân. Từ “Tăng Nhân” do Sư Ông sáng tạo ra, trước đây trong Phật học không có chữ Tăng Nhân (Sangha eyes).

Khi thực tập “con về nương tựa Tăng” thì ta phải biết nương tựa vào cái thấy của Tăng. Bởi vì chúng ta có tập khí rất thâm căn cố đế, tập khí chấp ngã, tự hào (arrogant) âm thầm chi phối cách tư duy, hành động, lời nói và cả cách sống của chúng ta. Thầy Giác Thanh là một Sư huynh lớn của chúng ta, thầy đã tịch rồi; ngày xưa trước khi gặp Sư Ông, trong thời gian thầy còn đi học thiền ở nhiều nơi, nếu thầy gặp một vị nữ cư sĩ giỏi, thầy sẽ lạy trước vị đó để cầu pháp. Một vị thượng toạ mà đánh lễ một vị nữ cư sĩ để cầu pháp thì ta biết vị đó đã vượt qua được cái tôi ở trong bản thân. Thế thì việc ta thỉnh cầu sư em soi sáng cho ta là chuyện có thể làm được. Chính cái tự ái của ta làm cho ta khổ, nên trước hết ta phải vượt qua cái tôi, cái tự hào, tự ái của mình.

Nếu ta biết học cách tiếp nhận điều chia sẻ từ người khác, ta sẽ không khổ. Đôi khi sau buổi soi sáng, huynh đệ không còn khả năng nhìn mặt nhau, có người đi thiền hành cả đêm vì sự ấm ức của họ vẫn còn đầy. Ta không ngu được, tê liệt, có

vị cố gắng đi thời khoá nhưng về mặt vẫn lộ ra vẻ rầu rĩ giống như bánh bao chiều. Như vậy ta được soi sáng mà lại tối thêm. Và ta sợ soi sáng, ngán soi sáng, đó là ta thực tập chưa đúng.

Pháp môn Soi Sáng là môn pháp môn rất hay, bởi vì không phải bất cứ cộng đồng nào cũng có thể thực tập pháp môn này theo cách của Làng Mai. Theo cách của Làng Mai, soi sáng phải có tính chân thực, có tình thương và có mối liên hệ tốt với nhau ta mới thực tập được. Và ở Làng Mai chúng ta đã có thể thực tập được như vậy từ năm 1997 cho đến bây giờ. Pháp môn Soi Sáng được thành lập vào mùa An Cư năm 1997-1998, đó cũng là mùa thực tập soi sáng đầu tiên. Chúng ta đã nói về Mất Tăng và lợi ích của Mất Tăng, cũng nói về xuất xứ và năm thiết lập pháp môn Soi Sáng. Kinh Tư Lượng (Tỳ Kheo Thỉnh) là một kinh rất cổ nói về vấn đề dựng tăng, nội dung kinh là một hình thức soi sáng: “Nhu là vị tỳ kheo đó tự cao, cứng đầu, bị vướng vào tà dục,...không liên lạc, không chơi với ai...nếu thấy như vậy nên phát tâm hổ thẹn, xấu hổ và đi thỉnh cầu các vị tỳ kheo khác thương tưởng, chuyện trò, dạy bảo, soi sáng cho.” Như vậy, soi sáng cũng là pháp môn dựng Tăng. Chúng ta hàng ngày đều tụng “Con về nương tựa Tăng”, chúng ta có về nương tựa Tăng thật không?

III. THỈNH CẦU SỰ SOI SÁNG.

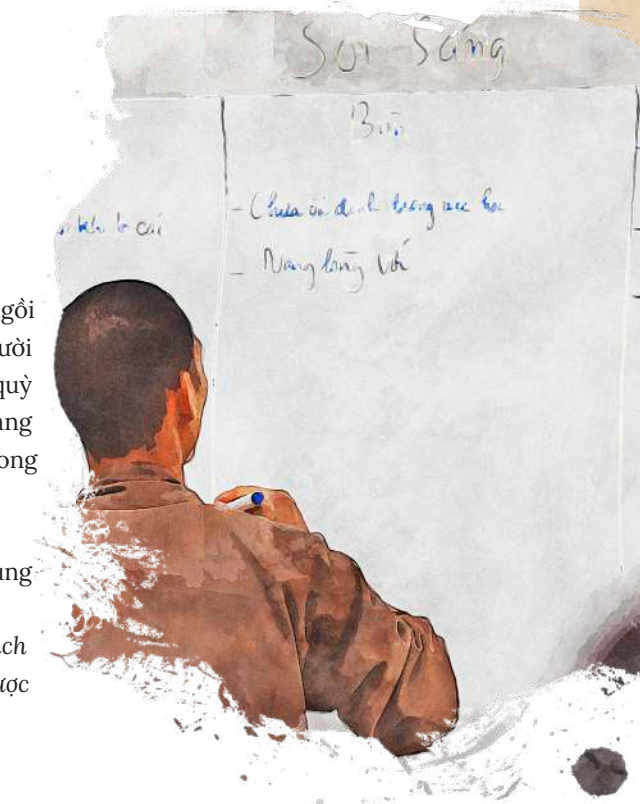
Thông thường, khi Soi sáng mọi người đều ngồi dưới sàn mà không được ngồi trên ghế. Tất cả mọi người an trú trong thế ngồi vững chãi, vị thỉnh soi sáng quỳ lạy trước mặt Đại Chúng và thỉnh đại chúng soi sáng cho mình. Chúng ta có văn bản soi sáng để đọc lên trong trước khi thực tập soi sáng.

Văn bản thỉnh cầu soi sáng năm 1997 có nội dung như sau:

“Nam Mô Đức Bồn Sư Bụt Shakyamuni, kính bạch quý Thầy quý Sư chú. Con là (giới phẩm, pháp tự) xin được đánh lễ tác bạch.” (Lạy xuống một lạy, quỳ lên):

“Kính bạch đại chúng đem lòng từ bi soi sáng cho con. Chỉ cho con thấy đâu là những điểm tích cực để con tiếp tục duy trì và nuôi dưỡng. Đâu là những tập khí yếu kém và khó khăn cần được tu tập, chăm sóc và chuyển hoá nơi con, để con có thể sống có an vui, hạnh phúc, tự do, yêu thương hơn. Con biết con mắt của riêng con không thể thấy được trọn vẹn bản thân mình. Con biết con mắt của Đại Chúng rất sáng và trọn vẹn, cho nên con rất tin tưởng nơi con mắt của Đại Chúng. Xin đại chúng từ bi soi sáng cho con.” (ba lần).

Đọc câu cuối ấy ba lần là để tạo cho ta sự tha thiết thỉnh cầu. Khi thỉnh cầu sự soi sáng, chúng ta phải hết lòng thành khẩn và tha thiết. Huynh đệ xung quanh soi sáng cho ta vì họ thương yêu, trông chờ và tin cậy nơi ta. Họ muốn ta trở thành một người tu có phẩm chất, có thể làm lợi lạc cho mình và cho người. Họ là ai? Là sư anh, sư chị, sư em của mình, là Thầy, chư Tổ. Ta phải có yếu tố thành khẩn, tha thiết và hết lòng, ta phải đem cả trái tim của mình ra để thỉnh cầu được soi sáng.



III. NGƯỜI SOI SÁNG

Khi chúng ta là người được thỉnh cầu, bằng tư cách của một sư anh, sư chị, sư em, thì trong ta còn có một vị thầy, có Sư Ông, có Chư Tổ và cũng có người đang thỉnh cầu ta. Chúng ta không thể từ chối: “*Thôi! Con còn nhỏ*” hay “*soi làm gì để người ta giận không thèm nhìn mặt mình nữa*”. Người soi sáng phải có trách nhiệm, bốn phận và đức vô úy trong khi soi sáng. Ta phải tự hỏi: “*Cái thấy này có xuất phát từ tình thương, sự lân mẫn trong lòng mình không?*” hay chỉ có nội kết, thành kiến về người đó, nếu vậy tốt nhất chúng ta không nên soi sáng, không nên biến buổi soi sáng thành nơi để mình trút giận. Soi sáng không chỉ cho người kia sáng thôi mà cũng chính là soi sáng cho ta, nếu chúng ta trút ra những khó chịu, bức bối với người kia, thì cả ta, người kia và Đại Chúng đều phải chịu trận. Ngược lại, khi cái thấy của ta xuất phát từ tình thương thì đương sự có thể tiếp nhận được một cách dễ chịu, những người xung quanh cũng cảm thấy dễ chịu. Chúng ta phải có cái thấy nhiều tình thương thì chúng ta sẽ không sợ hãi trong khi thực tập soi sáng. Mục đích của sự soi sáng là giúp cho sư anh, sư chị, sư em của mình tiến bộ, đi xa hơn trên con đường thực tập chuyển hoá, nếu soi sáng sai mục đích, ta sẽ nhấn chìm người đó.

Ngày xưa trong truyền thống chỉ cần thỉnh cầu một người, nhưng Làng Mai thấy rằng nếu một vị hoà thượng đạo cao, tuệ giác lớn nhưng vị hoà thượng đó không gần gũi với các thầy các sư chú, làm sao biết hết được cách sống, hành vi, uy nghi của họ. Chỉ những người sống chung mới thấy rõ được. Người ta nói rằng vua ở trên cao khó hiểu được lòng dân. Trừ khi vị vua cải trang thành thường dân vi hành, sống chung thì mới hiểu được những khó khăn của người dân. Nói như vậy không có nghĩa vị hoà thượng đó không quan trọng. Vị này nhiều khi chỉ cần nói một câu thôi lòng mình cũng đủ mát rượi.

Buổi soi sáng đầu tiên diễn ra ở Làng Mai có thỉnh cầu sáu vị. Tức ta đi tới với sáu vị mà ta có niềm tin, sự cung kính nơi sự thực tập và cái

thấy của họ để thỉnh cầu họ soi sáng hoặc tới từng sư anh, sư chị thỉnh cầu soi sáng cho mình. Sau đó, Sư Ông dạy cái thấy của sáu vị có thể chưa sáng lắm, nên thỉnh cầu Đại Chúng. Càng đông góc nhìn càng rộng, thấy được ta rõ hơn. Thời kì đầu soi sáng không có mặt của đương sự (trong buổi soi sáng đương sự chỉ vào thỉnh cầu và sau đó lui ra), vì vậy mọi người không chú ý đến ngôn ngữ khi soi sáng. Khi xem lại thư soi sáng thấy chỉ toàn điều tiêu cực, Sư Ông đã dạy trước khi phát thư phải đưa cho Sư Ông đọc. Về sau, đương sự được mời có mặt trong vòng tròn. Khi đương sự có mặt nghe trực tiếp, người soi sáng cẩn thận hơn với ngôn ngữ, làm sao để người khác nghe được, hiểu được và tiếp nhận được. Dù thế, các trường hợp va chạm có thể gây tổn thương trong khi soi sáng không thể tránh khỏi hoàn toàn. Cho nên khi lạy xuống thỉnh cầu soi sáng, có nghĩa là: “*Con xin trải lòng chấp nhận mọi lời soi sáng từ đại chúng*.” Ta phát tâm như thế và tự chuẩn bị tâm mình cho những xác xuất vụng về có thể xảy đến trong lúc soi sáng.

Khi soi sáng, có những lời vừa ý thì ta hân hoan, có những lời không vừa ý thì ta phản ứng, có lúc phản ứng ngay trong buổi soi sáng. Trên nguyên tắc, dù vừa ý hay không ta cũng thực tập tiếp nhận như đất, dù ai nói gì đất cũng tiếp nhận mà không phản ứng. Đừng nghe như một cái lưới, lời

“ Soi sáng không chỉ cho người kia sáng thôi mà cũng chính là soi sáng cho ta, nếu chúng ta trút ra những khó chịu, bức bối với người kia, thì cả ta, người kia và Đại Chúng đều phải chịu trận. ”



khen thì cho vào nhưng lời khó nghe ta ngăn lại. Chúng ta nghĩ những lời khó nghe đó không hợp với mình, điều đó chưa chắc. Chúng ta nên đem những lời soi sáng ấy ra để quán chiếu và thực tập thử lời đó đúng bao nhiêu phần trăm. Nếu không đúng thì ta hiểu rằng người kia có tri giác sai lầm về mình, ta nên mỉm cười thôi. Nếu lời đó đúng thì ta thực tập để chuyển hoá. Thực tập nhìn lại thì ta sẽ có cơ hội thấy rõ hơn. Chúng ta có thể đến với người kia để hoá giải các tri giác sai lầm của người đó về mình, đồng thời ta cũng điều chỉnh tri giác của bản thân về người soi sáng.

Thông thường khi soi sáng cho người khác chúng ta sẽ nói rằng: “*Theo cái thấy của tôi...*”. Hơn nữa, sau khi nghe đại chúng soi sáng cho người kia, ta có thể rút lại lời soi sáng của ta nếu thấy lời chia sẻ của ta còn hạn hẹp về người đó. Ngay trong buổi soi sáng, ta được soi sáng một cách gián tiếp để điều chỉnh lại cái thấy, nghe và cái nghĩ của mình. Người được soi sáng thực tập lắng nghe, khiêm cung, tiếp nhận trọn vẹn. Còn người soi sáng phải cởi mở và trung thực. Lời nói trung

thực thường khó nghe, “*trung ngôn nghịch nhĩ*”, bởi chúng ta có thói quen nghe lời mật ngọt. Nhưng một món ăn có chút chua cay thì mới ngon, đó là nghệ thuật.

Soi sáng có một phần gọi là phản đề. “*Đề*” có nghĩa là tri giác của ta. Ta có nhận thức về đối tượng được soi sáng, nhưng người khác có nhận thức đối ngược lại với ta. Có nhiều phản đề với điều ta chia sẻ. Điều đó có nghĩa cái thấy của ta không chính xác lắm. Phản đề không có nghĩa là tranh luận, chỉ là chia sẻ cái thấy của mình một cách trung thực. Có khi cái thấy của ta và phản đề của người khác kết hợp với nhau, đưa tới hợp đề - cái thấy tổng hợp, cái thấy đó rất sáng. Vị ngồi chuông hay một sư anh lớn có thể đề nghị người soi sáng chia sẻ cụ thể hơn hoặc rút lại lời soi sáng nếu cảm thấy vị đó chia sẻ không rõ ràng hoặc khó chấp nhận. Chúng ta có thể giải oan cho đương sự bằng cách đưa ra những câu hỏi cho người soi sáng về tính chính xác của những lời soi sáng ấy. Đó là sự thực tập kiến hoà đồng giải.

IV. NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT SOI SÁNG

Trong khi soi sáng, chúng ta nêu lên những điểm nằm trong bốn lĩnh vực: Tu - học - chơi - phụng sự. Tu là cách sống, hành vi, tiếp xử với mọi người xung quanh, sự thực tập uy nghi giới luật... Học là học nội điển, ngoại điển... Chơi là một nghệ thuật, ta thường được nhắc nhở chơi làm sao để nuôi dưỡng sự đoàn kết của tình huynh đệ. Và phụng sự là chấp tác, làm việc trong chúng và tổ chức, hướng dẫn những khóa tu cho người cư sĩ. Đời sống hằng ngày ta có thể đến với huynh đệ mình để yểm trợ nhắc nhở mà đừng lạm dụng các buổi soi sáng để nhắc nhở.

Chúng ta có ba đề mục trong khi thực tập soi sáng: điểm tích cực, tiêu cực và đề nghị thực tập. Ta có thể đưa ra đề nghị cụ thể và thực tiễn sau khi đưa ra điểm sen, điểm bần cho huynh đệ ta. Trong khi chia sẻ, ta nên đưa ra những lời trung thực và từ bi, để vị huynh đệ đó hoan hỷ chấp nhận được và thực tập chuyển hoá. Ví dụ thay vì nói: “*Tại sao sư chú thúc dậy mà không xếp mền?*”, ta nói: “*Nếu mỗi buổi sáng sư chú thúc dậy xếp mền thì hình ảnh đó đó rất đẹp và nuôi dưỡng Tăng Thân rất nhiều*”. Cùng một nội dung nhưng cách nói thứ hai sẽ được chấp nhận nhiều hơn. Ta phải luôn kiểm tra tâm mình có tình thương và mong muốn người đó tốt đẹp hơn không trong khi soi sáng. Cái thấy luôn đi đôi với tình thương. Cái thấy của ta có thể không chính xác, tình thương sẽ bù đắp lại cho cái thấy đó. Đừng biến buổi soi sáng thành một buổi thực tập làm mới, để ta đưa ra những khó chịu, bức xúc. Không đưa ra những điều ta chỉ thấy, nghe, nghi lần đầu về huynh đệ mình. Chúng ta phải thực tập không mắng nhiếc, phê bình, lên án, chê bai. Không nên vì nội kết, thành kiến, hiềm hận mà soi sáng. Nếu có nghe và nghi về người huynh đệ kia, thì ta nên tới tìm hiểu trước. Sau khi tìm hiểu và đã khuyên bảo vị huynh đệ đó nhiều lần mà vị đó không thay đổi, thì mới soi sáng. Chỉ nên chia sẻ hai điểm tích cực, một điểm tiêu cực mà chúng ta cảm thấy quan trọng cho đương sự. Chia sẻ điểm soi sáng đúng trọng tâm, súc tích, ngắn gọn, điều gì không chắc chắn thì không nên chia sẻ, ta chỉ nên chia sẻ điều gì ta đã trực tiếp trải nghiệm về người được soi sáng.

1. Cách tiếp nhận soi sáng

Chúng ta nên thực tập lấy đi năng lượng tự ái trong ta, thực tập mở lòng, trân quý, biết ơn, khiêm hạ và chấp nhận những gì đến với ta trong buổi soi sáng. Không nên để cho tâm tự hào, tự ái, kiêu ngạo... phát khởi, nó sẽ ngăn cản ta tiếp nhận những lời soi sáng một cách trọn vẹn. Chúng ta thực tập không phản ứng và quay trở về theo dõi hơi thở, thực tập chấp nhận dù lời soi sáng chỉ đúng năm, sáu phần thôi, điều này sẽ khiến ta nhìn lại bản thân rõ hơn. Ta không nên xem nhẹ những lời soi sáng, cũng không lý luận trong suy nghĩ khi nghe soi sáng. Ta lý luận có thể là do nội kết, cái thấy lệch lạc của ta. Nếu ta có nội kết với một huynh đệ trong đời sống hằng ngày, ta cũng không nên lý luận với vị đó khi họ soi sáng. Chúng ta phải luôn an trú trong chánh niệm, vì nếu thất niệm, ta sẽ lạc vào tư duy đúng sai, nó sẽ làm cho ta mệt mỏi và bị tê liệt sau khi soi sáng. Đôi lúc lời soi sáng không làm ta khổ mà chính cái tư duy đúng sai đó làm cho ta khổ. Đó là lý do ta không nên nghe bằng ý mà ta phải thực tập thấy mình là đất khi lắng nghe soi sáng. Buổi soi sáng không nên dài hơn một tiếng.

2. Đối tượng soi sáng

Trong cái thấy tương tức và vô ngã, tất cả mọi người đều là đối tượng được soi sáng. Khi nghe soi sáng cho người kia, ta thấy ta cũng có những điểm như vậy, chỉ là có nhiều hay ít mà thôi. Nên khi soi sáng cho đương sự, ta cũng có cơ hội nhìn lại chính mình.

3. Cách tổ chức buổi soi sáng

Buổi soi sáng cũng là một buổi công phu tu tập giống như ngồi thiền. Chúng ta ngồi thiền để hiểu được huynh đệ ta, vậy thì buổi soi sáng cũng là buổi để ta sử dụng tuệ giác tập thể, nhìn sâu và hiểu hơn về huynh đệ. Chúng ta có thể soi sáng theo giới phẩm hoặc theo hội đồng, theo xóm...

Chúng ta nên biết người mà ta đang soi sáng là sự tiếp nối của Tổ, của Thầy và của ta, trong ta có người kia và ngược lại. Thấy như vậy, việc soi sáng cho huynh đệ trở nên quan trọng. Bởi soi sáng cho người đó cũng là soi sáng cho chính mình. Chúng ta không muốn bản thân đau, vậy sao lại muốn làm cho huynh đệ ta đau? Chúng ta chỉ có một tâm là mong ước huynh đệ của ta tốt hơn, vì vậy khi thấy người kia hoàn thiện tốt hơn thì ta cũng được hoàn thiện và tốt hơn. Ngoài ra, ta phải xem huynh đệ là đồng nghiệp, là bạn. Dĩ nhiên ta không muốn bạn mình đau, nên chúng ta có thể đem tình bạn ra thực tập trong khi soi sáng cho nhau. Tóm lại là ta có tình thương đích thực với huynh đệ của ta.

V. TỔNG KẾT

Xin nhắc lại, nếu trong lòng có thành kiến, nội kết, bức tức đối với người kia thì ta không nên soi sáng. Chúng ta chỉ nên ngồi nghe để hiểu thêm về người đó. Một khi đã mở lời soi sáng thì phải có chất liệu của hiểu biết và từ bi, có như vậy mới hiệu quả.

Trước khi soi sáng, chúng ta đọc văn quán nguyện trước mỗi buổi soi sáng. Văn quán nguyện soi sáng được sư ông viết vào năm 1997, văn quán nguyện giúp chúng ta ý thức hơn những gì ta chia sẻ. Và ta phải thực tập khiêm cung, chỉ hiển tặng những gì ta nghe, thấy và cảm nhận mà không nói quá. Cũng đừng quá tin vào cái thấy của mình. Chúng ta nên soi sáng theo tinh thần anh em như thể tay chân. Khi lời soi sáng của ta làm cho người kia đau khổ tức là ta đang chặt bớt một cánh tay. Khi quán chiếu được như vậy, ta sẽ biết cách sử dụng ngôn từ không làm tổn thương huynh đệ ta. Văn quán nguyện có câu: “*Chúng con nguyện đem hết tình thương, sự hiểu biết của chúng con để thực tập công việc soi sáng*.” Nói như thế nào để người kia tiếp nhận mà không giận dữ là một nghệ thuật. Ngôn ngữ từ bi bất bạo động (non-violent compassionate communication) rất quan trọng. Ta phải thông minh để cố gắng hiến cho huynh đệ ta một nẻo thoát khỏi những khó khăn, thói quen chưa tốt chứ không phải thêm một ngục tù. Buổi soi sáng không phải nơi trút giận, ta cần biết quay về chăm sóc cảm xúc. Khi nào có bình yên và tình thương thì ta mới soi sáng. Nhờ buổi soi sáng mà ta học hiểu thêm được huynh đệ và bản thân mình. Trong khi soi sáng nếu có căng thẳng thì vị điều hợp chúng, các vị lớn hoặc vị nào có đủ tinh tế dù còn nhỏ có thể nhấp chuông dừng lại.

Lá thư soi sáng phải được viết như một bức thư tình. Chúng ta nên viết những điều mà đại chúng trân quý sự có mặt của người đó, những lời hướng dẫn thực tập thở trong chánh niệm khi đọc và tiếp nhận nội dung thư soi sáng. Sau đó là những điểm còn yếu kém và vùng về. Kể đến chúng ta đưa ra đề nghị thực tập cụ thể.

Soi sáng là một sự thực tập rất sâu sắc, chúng ta có thể phải dành ra nhiều buổi chia sẻ thì mới mong học hết chi tiết của sự thực tập này. Pháp môn soi sáng có công năng xây dựng phẩm chất của một con người và tạo dựng một Tăng Thân có phẩm chất tu học. Vì vậy hạnh phúc và khổ đau không phải là vấn đề cá nhân. Trong khi soi sáng, chúng ta nên mang tâm niệm mong muốn huynh đệ của ta càng ngày càng sáng hơn, có phẩm hạnh hơn, và Tăng thân của ta ngày càng đẹp hơn. Cho nên, chúng ta phải thực tập soi sáng cho có tình thương và tình huynh đệ. Để sau mỗi buổi soi sáng, ai cũng có thể cười với nhau trong hạnh phúc, đó là một buổi soi sáng thành công.

Bụt cầu soi sáng

Nguyễn Thủy

Lễ tự tứ là một sự kiện quan trọng trong sinh hoạt tăng thân Làng Mai. Ngày hôm đó toàn bộ bốn chúng sẽ cùng tập hợp tại thiền đường và cử hành những nghi thức trang trọng trong đó có việc hai vị lớn cùng quỳ lên để thỉnh cầu soi sáng, sau đó là sự thỉnh cầu soi sáng của toàn đại chúng. Tìm lại không khí của lễ tự tứ thời Bụt còn tại thế, chúng ta có thể thấy rõ những nét tương đồng như được ghi lại trong kinh số 32.5 Tăng Nhất A-Hàm, Phẩm Thiện Tự:



Bây giờ, ngày mười lăm tháng bảy, Thế Tôn cùng năm trăm vị Tỳ-kheo ở vườn Lộc Mẩu, nước Xá-vệ. Thế Tôn trải tọa cụ ngồi giữa khoảng đất trống, có các Tỳ-kheo trước sau vây quanh. Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan: “Nay nơi đất trống, thầy hãy đánh kiền chùy. Vì sao vậy? Vì ngày rằm tháng bảy là ngày làm lễ tự tứ.” Lúc ấy, Tôn giả A-nan gối phải quỳ sát đất, chấp tay hỏi: “Thưa Thế Tôn, tự tứ nghĩa là gì?” Thế Tôn đáp: “Tự tứ là lúc cả đại chúng cùng xem xét sự thanh tịnh của ba nghiệp thân, miệng, ý. Hai tỳ kheo đối mặt nhau, xưng tên và nói lên mong muốn người kia chỉ ra lỗi sai của mình”.

Sau khi nghe những lời này rồi, Tôn giả A-nan vui mừng, liền lên giảng đường đánh kiền chùy nói: “Hôm nay, tôi đánh kiền chùy thông báo lời của Như Lai, chúng đệ tử Như Lai hãy tập hợp đầy đủ.”

Bấy giờ, Thế Tôn ngồi xuống tọa cụ bằng cỏ, bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy hãy ngồi xuống tọa cụ bằng cỏ”. Thế Tôn im lặng quán sát đại chúng, rồi nói: “Hôm nay Ta muốn tự tứ. Ta có gây lỗi lầm gì với

mọi người chăng? Thân, miệng, ý nơi Ta có phạm lỗi gì chăng?” Thế Tôn nói những lời này xong, các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Ngài hỏi các Tỳ-kheo đến lần thứ ba: “Hôm nay Ta muốn tự tứ. Ta có gây lỗi lầm gì với mọi người chăng?”

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất quỳ gối, chấp tay thưa: “Chúng Tỳ-kheo quán sát, Như Lai không có lỗi nơi thân, miệng, ý. Thế Tôn đã độ cho người chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, đưa tới Niết-bàn cho người chưa được Niết-bàn, đã cứu giúp cho người chưa được cứu giúp, làm con mắt cho người mù, vì người bệnh làm đại y vương, khiến phát đạo tâm cho người chưa phát đạo tâm. Mọi người chưa thức tỉnh, Thế Tôn lay cho thức tỉnh; người chưa được nghe, khiến cho được

nghe; vì người mê mà tạo đường tắt, luôn đưa về Chánh pháp.”

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Thế Tôn: “Nay con hướng về Như Lai, tự phát lồ. Không biết đối với Như Lai cùng chúng Tăng, con có lỗi lầm gì không?” Thế Tôn bảo: “Này Xá-lợi-phất, nay những việc làm thân, miệng, ý của thầy hoàn toàn đúng hạnh. Thầy là bậc trí tuệ, thành tựu giới, định, tuệ, thành tựu giải thoát, đừng mãi hay nhân, không nói lời ác, không làm điều phi pháp, không vội vàng hấp tấp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa với Thế Tôn: “Thế Tôn thấy năm trăm Tỳ-kheo ở đây đều không có lỗi gì chăng? Đều xứng đáng tự tứ chăng?” Thế Tôn nói: “Cũng không có gì đáng trách nơi thân, miệng, ý của năm trăm Tỳ-kheo này. Này Xá-lợi-phất, đại chúng đây rất thanh tịnh, không có tỳ vết.”

Kết thúc kinh, có một vị tên là Đa-kỳ-xa xin phép Bụt và chúng Tăng đọc lên một bài kệ ca ngợi ý nghĩa của ngày tự tứ. Cùng nội dung với kinh này còn có khoảng bảy kinh khác¹, trong đó ngoài sáu bản kinh chữ Hán có *Pavāraṇāsutta* trong Tương ưng bộ kinh của tạng Pali mà nội dung kinh cũng nằm gọn trong bản kinh vừa trích dẫn trên, với rất ít sai biệt. Sự truyền thừa theo hai hướng Nam, Bắc sau hàng ngàn năm mà vẫn còn giữ lại nội dung tương đồng cho phép chúng ta vững tin hơn vào tính xác thực của điều được trình bày trong kinh. Kinh trong tạng Pali ngắn gọn hơn, đi thẳng vào nội dung, ít những lời lẽ ca ngợi hoa mỹ hơn.

Hình ảnh ghi lại trong các kinh A-hàm và Nikaya này giống như bài tường thuật một lễ Tự tứ điển hình sau ba tháng an cư thanh tịnh và thành công của Bụt và chúng Tăng ở vườn Lộc Mẩu, trong đó có hình ảnh Bụt ngồi trước các vị đệ tử

¹ Pavāra āsutta trong Tương ưng bộ kinh, Trung A-hàm kinh Thịnh Thịnh (Đại phẩm 121), Tạp A-hàm 1212 kinh Tự tứ; Biệt dịch Tạp A-hàm 228 kinh Tự tứ; Phật thuyết tân tuế kinh do ngài Đàm Vô Lan dịch thời Đông Tấn; Phật thuyết thọ tân tuế kinh của ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn; Phật thuyết giải hạ kinh của ngài Tống Pháp Hiền dịch

và nói lên thỉnh cầu đại chúng chỉ ra những sai sót về thân khẩu ý của mình; sau đó đến lượt thầy Xá-lợi-phất và năm trăm thầy cũng theo nghi thức đó Tự tứ. Tuy nội dung “soi sáng” trong kinh chỉ thuần túy là những lời ngợi khen tốt đẹp dành cho Bụt, thầy Xá-lợi-phất và Thánh chúng, nhưng nếu nhận xét kỹ chúng ta còn thấy được rằng Bụt là một bậc thầy rất mực gương mẫu trong đời sống giáo đoàn. Bụt có thể chỉ cần có mặt chứng minh việc các thầy soi sáng cho nhau nhưng Bụt đã tham gia vào buổi lễ như một thành viên của Tăng, tự mình xin chúng Tăng chỉ ra lỗi như một cách mô phạm cho các đệ tử. Đáp lại, Đại chúng đã “tưới hoa” rất đúng khi thưa lại rằng Bụt là một vị thầy tâm linh mở ra con đường độ sinh, người đi thức tỉnh những người còn chìm trong mê mờ. Còn thầy Xá-lợi-phất cũng được Bụt nhận xét là một đại đệ tử gương mẫu, thành tựu giới hạnh, trí tuệ, sống hòa thuận trong chúng.

Trong số tám kinh thì có nội dung của kinh Thỉnh Thỉnh (Trung A-hàm Đại phẩm 121) chỉ có thầy Xá-lợi-phất và chúng tăng cầu soi sáng, không có chi tiết Bụt thỉnh cầu soi sáng. Có thể các dịch giả của kinh trên cho rằng việc để Bụt thỉnh cầu soi sáng vào ngày Tự tứ là hạ thấp giá trị của Bụt nên đã cắt bỏ chi tiết đó. Tuy nhiên có thể xem rằng hành động đó của Bụt xuất phát từ mong muốn nâng đỡ cho chúng đệ tử và xây dựng một Tăng đoàn có nề nếp, có thực chất và cùng nhau tu tập. Như trong tạng Pali² còn ghi lại những suy tư của Bụt trong một lần xa Đại chúng: “Chúng Tỳ-kheo đã được Ta làm cho vững mạnh. Nhưng ở đây có một số tân Tỳ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Như con bê, nếu không thấy bò mẹ, có thể thay đổi, đổi khác. Cũng vậy, ở đây có một số tân Tỳ-kheo, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này. Nếu họ không thấy Ta, họ có thể đổi khác, biến đổi. Ví như những hạt giống non, nếu không có nước, có thể đổi khác, biến đổi... Như trước đây chúng Tỳ-kheo đã được Ta giúp đỡ, cũng vậy, nay Ta hãy giúp đỡ cho chúng Tỳ-kheo!”

Từ đó chúng ta còn có thể thấy hình ảnh của Bụt thời giáo đoàn nguyên thủy như một vị thầy tâm linh cẩn mẫn và dành nhiều tâm huyết cho việc xây dựng chúng tăng. Sự có mặt và tham gia của Bụt và các thầy lớn trong các sinh hoạt Tăng đoàn như lễ Tự tứ sau an cư mỗi năm đã khẳng định tầm quan trọng của sự kiện này, tạo tiền đề quan trọng để suốt hơn hai ngàn năm trăm năm sau đó Tự tứ vẫn còn là nếp sinh hoạt truyền thống hàng năm của Tăng đoàn Phật giáo khắp nơi.

“ Tự tứ là lúc cả đại chúng cùng xem xét sự thanh tịnh của ba nghiệp thân, miệng, ý. Hai tỳ kheo đối mặt nhau, xưng tên và nói lên mong muốn người kia chỉ ra lỗi sai của mình. ”

² Tương ứng bộ kinh 22.80: Tương Ứng Uẩn, Phẩm Những Gì Được Ăn, Kinh Người Khất Thực; bản dịch của HT Minh Châu



Những nét đặc thù của thiền tập tại Làng Mai là gì? Liệu phương pháp Thiền tập mà Làng Mai áp dụng có phải là phương pháp thiền chính thống của Phật giáo, hay là một sự sáng tạo hòa toàn mới mẻ? Thiền Làng Mai đứng ở đâu trong dòng chảy lịch sử truyền thừa của thiền tập Phật giáo? Và Làng Mai đã kế thừa, phát huy được những gì mà các thế hệ tổ tiên tâm linh đi trước để lại? Để đi tìm lời giải cho những vấn đề trên, xin mời quý độc giả cùng đón đọc chuyên đề: **Thiền tập Làng Mai trong dòng chảy lịch sử Đạo Bụt** – Đi tìm gốc rễ tâm linh của thiền tập Làng Mai – với chủ đề thứ nhất: **Làng Mai trong sự tiếp nối của tông Lâm Tế**, phát hành vào các số thứ nhất, thứ hai và thứ ba của Giếng Nước Thơm Trong – Tập san Đạo Bụt Ứng Dụng Làng Mai Thái Lan.

tiếng tiết tiếng tiết nay

Nguyễn An



Tư tưởng thiền trong Lâm Tế Lục và giáo lý Làng Mai

Một buổi quan thường thị họ Vương mời thiền sư Lâm Tế lên toà giảng pháp, có vị tăng bước ra hỏi:
Sư xướng lên khúc hát của truyền thống nào, tiếp nối tông phong của ai?

Đến nay, ở Làng Mai trong các lễ truyền giới, các giới tử vẫn được cấp giới điệp của thế hệ thứ bốn mươi ba tông Lâm Tế và thứ chín phái Liễu Quán. Chữ Tâm trong pháp danh Năm giới của thế hệ chúng ta là chữ thứ chín trong bài kệ truyền pháp của ngài Thật Diệu Liễu Quán ở đất Thuận Hoá (**Thật tế đại đạo, tánh hải thanh trường, tâm...**). Thiền sư là người quê Phú Yên, học trò của thiền sư Minh Hoằng Tử Dung - người gốc Trung Quốc sang Việt Nam truyền đạo, thế hệ thứ ba mươi tư tông Lâm Tế. Chúng ta biết rằng bài kệ truyền đến ngài Tử Dung chỉ thực sự bắt đầu từ một thiền sư thế hệ thứ hai mươi mốt của tông Lâm Tế sống ở thế kỷ XIII, tức khoảng năm trăm năm sau khi Tổ thị tịch¹. Việc để lại kệ truyền pháp chưa thịnh hành trong thời Đường. Tổ Liễu Quán nhờ thực hành thoại đầu mà ngộ đạo. Nhưng đó cũng không phải là phép thực tập ở thời Tổ Lâm Tế mà chỉ được phát triển sau đó mấy trăm năm. Chúng ta cũng biết rằng trong thế kỷ trước, các chùa của tông Lâm Tế Việt Nam trong đó có tổ đình Từ Hiếu, thực hành của chúng tăng đều pha trộn Mật, Tịnh và ngồi thiền. Việc dùng tiếng hét, đánh bằng gậy (hát bông) hay xiển dương các pháp môn đặc trưng của tông Lâm Tế như tam huyền,

tam yếu, tứ tâm chủ, thậm chí công án, thoại đầu... đều không được ghi nhận. Vậy sau gần mười hai thế kỷ từ Tổ Lâm Tế đến thế hệ chúng ta còn lại gì hơn hai chữ "Lâm Tế" không? Nếu nhìn lại xem chính xác thiền sư Lâm Tế đã giảng dạy điều gì vào thế kỷ IX, chúng ta có cơ hội biết giáo lý của chúng ta có nét gì gọi là Lâm Tế không. Dĩ nhiên tông Lâm Tế bắt đầu từ thiền sư Lâm Tế nhưng không chỉ có vậy. Qua quá trình truyền trao đã có sự rơi rớt và cải biến, phát triển. Trong ba số báo liên tiếp chuyên mục này xin đăng lần lượt ba bài viết về liên hệ giữa tư tưởng thiền trong Lâm Tế lục và Làng Mai: Người Vô sự (về không khí và tư tưởng thiền thời mật Đường), Người đã về đã tới (về không khí và tư tưởng thiền Làng Mai), Người đầu và ta đầu (về liên hệ giữa Lâm Tế lục và giáo lý Làng Mai).

¹ Về lịch sử truyền thừa các bài kệ xin tìm theo từ khóa "kệ truyền thừa tông Lâm Tế" trên internet.

Người Vô Sự

Nguyễn An

Biết Định sư huynh thích dùng trà, nhân có thầy Tuệ Nhiên về Giang Nam, sư đệ gửi biếu sư huynh một ít trà quý. Thầy Tuệ Nhiên là sư huynh lớn của tăng chúng ở đây nhưng năm nay thầy xin về an cư cùng chúng Hòa Thượng Hoàng Bá ở Hồng Châu. Sau an cư, thầy hứa sẽ ghé qua thăm chùa mình, mong sư huynh tiếp đãi như người trong nhà. Gần đây sư huynh còn làm tri điền không? Sư đệ đi đã ba năm, chưa biết khi nào mới có dịp về Nam và đi làm ruộng với sư huynh.

Hành trình

của đệ mấy năm qua kể ra thì quả dài dòng, đến rồi đi mấy nơi, cuối cùng dừng chân ở viện Lâm Tế này. Thiền viện cổ ba trăm tuổi này xưa vốn ở Đông Nam thành Trấn Châu nhìn ra bờ sông Hồ Đà nên mới có cái tên Lâm Tế, tăng nhân và thị dân cũng tôn kính gọi Sư phụ đây là ngài Lâm Tế. Hôm tới phương trượng xin Sư ở lại làm chúng thường trú, ngài nói đệ tuổi trẻ nhanh nhẹn, có thể làm thị giả cho ngài. Năm nay có được thêm Tiểu Tam, cũng người vùng Hà Bắc đây phụ giúp đệ. Cũng nhờ vùng này có Vương thường thị là quan phủ Hà Bắc, mến mộ tuệ giác của Sư mà hết lòng yểm trợ cho tăng chúng tu học. Người tìm đến thỉnh giáo Sư cũng đông dần lên. Vì giặc giã loạn lạc nên quan Thường thị khuyên Sư dời viện vào trong thành để chúng được yên ổn. Đệ tới nơi thì chùa mới tạm xong. Thiền viện thời nay quan trọng là chỗ chúng tăng tập hợp nghe giảng nên kiến trúc cũng khác xưa, pháp đường cần xây lớn hơn và là trung tâm của chùa. Nếu huynh lên viện Lâm Tế bây giờ thì vẫn còn chỗ đấy. Ý đệ viết thư này cũng là muốn khuyên Định huynh cùng về đây học đạo. Ngày còn ở chùa quý hiền huynh tính tình chất phác, ham tu, dù không nói ra nhưng đệ luôn khâm phục huynh có chí xuất trần. Còn nhớ ở chùa hôm nào đệ đến thiền đường cũng thấy sư huynh ngồi đó rồi; huynh đọc sách có chỗ nào không hiểu cũng gắng hỏi huynh đệ, không bao giờ sợ người khinh thường mình. Có lần thầy phạm đầu bảo với đệ: “*Định thượng tọa mà thấy ở đâu có thể tu thành Phật là sẽ tìm đến*”. Thầy phạm đầu giờ sao rồi hiền huynh? Hồi hai mươi tuổi mới vào chùa, chính thầy ấy dạy đệ cách nấu ăn và làm thị giả. Hẳn là Định huynh muốn nghe kể trên pháp đường Lâm Tế Sư phụ đây dạy những gì? Huynh chọn ý chỉ sư cũng kĩ càng, phải tìm hiểu họ dạy pháp gì huynh mới xin theo. Ở đây Sư thường thăng toà dạy chúng vào buổi chiều.

“Quý vị nghe nói có lão già Lâm Tế từ khắp nơi tìm về đây cầu Phật cầu Pháp. Pháp của ông thấy tu núi này nói ra với pháp của người trong thiên hạ rất khác. Ông thấy tu núi này chỉ khuyên quý vị đừng để cho người ta mê hoặc.”

Thiền viện đây ở ngay trong thành, nhưng Sư vẫn tự xưng là “*sơn tăng*”. Có lẽ do Sư từng mười năm ở trên núi với ngài Đại Ngu. Sư là pháp tử của Hòa Thượng Hoàng Bá nhưng kẻ ngộ nhờ sư thúc của mình là Hòa Thượng Đại Ngu. Hết thời biến loạn, Sư mới tìm lên Hà Bắc giáo hóa. Sư nói Pháp là để trị bệnh cho thiên hạ, là để đả phá, nên những lời này không phải để nghe, để tin. Sư bảo đời nay người tu chân chính thì đừng để bị mê mị loạn hoặc bởi chuyện hô thần gọi quỷ, bởi bọn đạo sĩ chỉ Đông vẽ Tây, cầu mưa cầu tạnh. Đừng bị mê hoặc bởi những hứa hẹn thần thông phép lạ. Đừng bị mê hoặc bởi cõi thiên đường này, cõi niết bàn kia, bởi những mỹ từ về Phật, Bồ tát, La hán, Hoá thân, Báo thân. Đừng bị mê hoặc bởi vẻ long trọng của giới cấm và uy nghi. Cũng đừng bị mê hoặc bởi những ông thiền sư đạo mạo, giảng thuyết kinh luận thao thao bất tuyệt, nói cho hay rồi tự hào tự đắc và sinh ra khinh miệt kẻ khác. Sư dạy đến nghe pháp thì phải nhìn kĩ xem lông mày của họ còn có bao nhiêu sợi! Ha, ha. Sư huynh cũng tin là nếu pháp sư nào giảng sai kinh thì lông mày sẽ bị rụng chứ? Các buổi giảng của Sư không cho cư sĩ, chỉ có các thiền tăng nên Sư dạy rất mạnh. Sư gọi những ông thiền sư không nói được lên sự thật là “*một bọn đầu trọc mắt mù*”.

“Bọn đầu trọc mắt mù ấy, ăn no liền ngồi xuống thực tập thiền quán, nắm giữ tâm niệm không cho phát khởi, chán ồn ưa tĩnh. Pháp đó chẳng qua chỉ là ngọa đạo. Chớ để bị mê mị bởi các trạng thái thiền định vắng lặng, có chăng đó chỉ là những hăm tối đáng sợ. Dù cho quý vị có tu một mình trên đỉnh cô phong, mỗi ngày một bữa, tọa thiền suốt đêm không đặt lưng xuống, sáu thời tinh chuyên, quý vị cũng chỉ đang tạo nghiệp.”





Có kẻ nghe nghịch lỗ tai, xách đẩy xin đi. Nhưng cũng có người nhờ lời của Sư mà tỉnh ngộ. Huynh có thấy là thời loạn lạc này mà có được chánh kiến để không bị mê hoặc đâu có dễ phải không!? Không rõ phủ mình gần đây có được thái bình chứ vùng đất trên này gần biên địa nên vẫn chưa có năm nào an ổn. Cảnh thảo khấu sơn tặc cướp bóc thấy khắp nơi. Hoàng cung nhiều loạn, hoạn quan thực quyền hơn vua, mấy năm lại giết Hoàng Đế này để đưa người khác lên. Triều Đường một thời cực thịnh giờ đã như mặt trời sắp lặn. Thời Vũ Tông phá chùa bắt tăng ni hoàn tục, khinh Phật trọng Lão đã qua được vài năm, vua Tuyên Tông nối ngôi cho phép khôi phục Phật pháp, nhưng tàn tích mấy ngàn ngôi chùa kia chẳng để gì một sớm một chiều thấy cảnh sùng hưng trở lại. Hoàng đế tuy tín Phật nhưng lúc bệnh hoạn, cái chết cận kề càng lo sợ, tin theo phép trường sinh đến độ ngộ độc đan dược mà băng sớm. Chẳng trách dân đen hoang mang không còn biết tin vào đâu. Nhân gian trăm bề hỗn loạn, hư hư thực thực. Lúc sư đệ trên đường hành cước tìm đạo, nghe qua không biết bao nhiêu thứ kì bí. Có tin đạo sĩ cốc này luyện được thuốc tiên, hang kia

có cây thần chữa bá bệnh. Thầy này giỏi yểm bùa, thầy kia hay niệm chú trừ ma. Trong đạo thì nghe có ông tăng dạy nín ăn nhịn thở, ngồi thiền thoát xác nhiều ngày; núi thiêng kia nghe đồn có Bồ-tát thị hiện. Ai cũng xưng là đạo sư nắm được bí quyết mật truyền, đại diện thần phật đến để cứu rỗi, thấy rõ quá khứ vị lai, hứa hẹn dẫn về cõi trên, cực lạc, niết bàn. Ai cũng có ít nhiều tín đồ đi theo. Ngẫm lại cũng thấy náo nhiệt không khác các món hàng ở chợ. Hiền huynh! Thời mặt pháp, nói như Sư thế này thì thiên hạ mấy ai để vào tai:

“Theo chỗ tôi thấy thì quý vị đâu cần làm gì, chỉ sống cho bình thường thôi. Hãy cứ mặc áo, ăn cơm, ngủ qua ngày làm một người vô sự. Người học đạo thời nay, phần lớn đều không hiểu pháp, giống như con dê mất mồi, chúi mũi vào người, gặp gì cũng cho vào mồm, không phân biệt được thực hư. Chưa một ai tới đây chứng tỏ được rằng mình có tự do, tất cả đều vướng vào bầy sập của cổ nhân. Tôi đây không có pháp nào để tặng thêm cho quý vị. Tôi chỉ giúp trị bệnh, cõi trời.”

Phàm tâm con người phải có cái gì bí hiểm cao siêu thì mới cho là quý, là đúng phải không Định huynh. Đề nghị các Tổ đi trước không có ý đặt bẫy, nhưng ta tự biến phương tiện thì thiết của các ngài thành cái bẫy rồi ngon lành nhảy vào đấy. Sư bảo nếu thoát được sự mê hoặc của ngoại giáo tà đạo thì cũng khó mà thoát bầy sập của văn tự trong kinh điển; nếu nghiền ngẫm từng câu từng chữ uyên áo trong giáo điển để tìm tuệ giác thì cũng như đi tìm nước tủy trong khúc xương khô. Huynh cũng nên biết về thời hán vi của Sư. Hồi xuất gia Sư học rất nhiều kinh luật nhưng không tới được chỗ tự tại. Lúc rời chúng sư ông Hoàng Bá đến hỏi đạo ngài Đại Ngu, Sư trình bày hết sở học của mình về luận Du già với Duy thức và hỏi ngài những câu rất hóc búa. Ngài Đại Ngu chỉ im lặng ngồi nghe. Sư nói cạn ý, ngài Đại Ngu mới mở lời: “Ta tiếp đãi người cũng không tệ mà người lại nhai suốt một đêm làm bắn thối của ta. Mau cút ra ngoài”. Coi vậy nhưng sau này Sư ở mười năm hầu Hòa Thượng tới tận khi ngài tịch. Sư nói: “Ân đức của Đại Ngu với ta rất lớn. Tham học đến trày da tróc vẩy với sư phụ Hoàng Bá vẫn không ngộ. Nhờ mấy lần Đại Ngu từ bi đập vỡ đi cái vỏ cố chấp, ta mới được đại ngộ”. Còn sư ông Hoàng Bá, sư phụ vẫn

thường khen sư ông hiền. Có buổi phổ thỉnh, cả chúng đi chấp tác, Sư dám xô ngã cả sư ông mà ngài không giận. Chắc sư ông muốn thử đệ tử. Nghe nói năm rồi về thăm, thấy sư ông đọc kinh, Sư bảo: Hóa ra miệng sư ông phun ra toàn đậu đen. Thầy trò nhiều khi vẫn còn thử nhau như vậy.

“Vì người ta không có đủ tín tâm nên mới hướng về phía văn tự để tìm cầu giác ngộ. Theo như chỗ ông thấy tu núi này thấy thì quý vị nên chặt đứt mọi Báo thân, Hoá thân của Phật, dẹp hết những kẻ làm muốn mang danh Bồ tát, những tên tu đeo gông Đẳng Giác Diệu Giác, những cái hố xí La hán, Bích chi, những cái cọc buộc lừa Bồ đề với cả Niết Bàn.”

Đệ thấy mắc kẹt vào văn tự của kinh không phải chỉ là căn bệnh lớn của mỗi thời nay. Huynh có thấy là mình đọc kinh xong đều hình dung ra Phật có hảo tướng phóng hào quang, muốn là có mặt khắp mọi cõi, làm Bồ-tát thì tùy ý hóa hiện muôn hình trạng, nếu đắc La-hán thì sẽ đọc được tâm ý người phạm... Văn tự có khả năng tài tình là vẽ lên tâm người những hình ảnh hứa hẹn đó. Mà nhiều khi sư đệ cũng ao ước, chẳng biết mình tu đến bao nhiêu kiếp nữa mới được như thế. Ngài Phổ Hóa kể

了，普化每白在街市，擊風，擊頭，知他是凡，是聖，言猶
師，丁日興，河陽水塔長老，同在僧堂，地爐內坐，因

là chùa Lâm Tế xưa từng có một viện sách lớn. Ngày ấy kinh đô Trường An và khắp châu trấn, các trưởng dịch kinh, viết số giải rất hưng thịnh. Đến Hoàng đế như Võ Hậu còn muốn nghe giảng kinh Hoa Nghiêm trong cung. Mỗi đời căn cứ trên kinh lại viết thêm luận, thêm giải nên tư tưởng của cả chục tông phái như Thiên Thai, Thành Thật, Câu-xá, Pháp tướng... dần chất lên thành núi. Giáo lý mênh mông, tâm thì chia tám, pháp thì chia trăm. Nếu ai nói khác đi cái mô hình đẹp đẽ đã thiết lập ra trong đầu thì ta phật ý, muốn phân bua đúng sai. Ngày nay vẫn còn học tăng dành cả đời cần mẫn nghiên cứu kinh luận, dẫu có thành tam tạng pháp sư thì đến đây bị Sư hỏi một câu không ghi trong kinh như: Bỏ tát ngàn mắt ngàn tay, con mắt nào là con mắt chính, hay Tâm người trước khi cha mẹ sinh thì chia làm mấy phần? thì thầy đều ú ớ. Trong lúc tâm tư còn lục lọi thì đã ăn một đập của Sư rồi.

“Tam thừa và mười hai thể tài giáo pháp chỉ là que chui dít. Phật là thân huyền hóa. Tổ là mấy ông tỳ kheo già. Cái quan niệm quý vị có về Phật ấy cũng thối như cái hố xí. Bỏ tát và La-hán cũng chỉ là những kẻ đem tới gong cùm. Phật nào có giống quý vị tưởng tượng. Muốn biết bản tâm thì phải thấy được Phật với mình không hợp cũng không ly. Bất cứ nội hướng hay ngoại hướng, hễ gặp cái gì thì dùng sợ hãi mà phải tìm cách diệt ngay cái đó. Gặp Phật thì giết Phật, gặp Tổ thì giết Tổ, gặp La-hán thì giết La-hán, gặp cha mẹ thì giết cha mẹ, gặp thân quyến thì giết thân quyến, như vậy mới giải thoát được.”

Pháp đường im phăng phắc, ai cũng rúng động, lắc đầu le lưỡi; khuya về còn thì thẩm bàn tán. Có vị thầy nào lại bảo học trò là hễ gặp giáo chủ của mình thì phải giết cho sạch đầu. Bây giờ có nhiều người hiểu kì tìm tới tận chùa ghé tai hỏi: Có phải ngài Lâm Tế bảo gặp Phật thì giết Phật không? Đấy, hiền huynh thấy không, thiên hạ chỉ đồn có câu đó thôi, có ai chịu hiểu Sư nói giết Phật nào và trong hoàn cảnh nào đâu.



Vương Thường thị có thời gian rảnh cũng đến hỏi đạo Sư. Có khi ngài mời Sư đến phủ giảng pháp, có khi đích thân đến chùa nghe pháp. Dịp tăng đường khánh thành, Sư có dẫn ngài đi một vòng giới thiệu các sinh hoạt của chúng. Hôm đó sư đệ thị giả, mới biết ông quan này cũng không phải chỉ là dân tín mộ suông. Lúc đi qua thiền đường, Vương Thường thị hỏi Sư:

Vương Thường thị: Tăng chúng ở đây có học kinh không?
Sư đáp: Ở đây không học kinh.
Vương Thường thị: Thế có học thiền không?
Sư: Không học thiền. Chỉ học làm Phật làm Tổ thôi.
Vương Thường thị cười nói: Bụi vàng tuy quý, rơi vào mắt cũng xoắn lăm.
Sư nói: Vậy mà xưa nay cứ ngỡ ông là một kẻ tầm thường.

Cái gì dùng đúng chỗ đúng lúc thì mới là quý phải không hiền huynh! Nhưng huynh đừng tưởng tượng là ở đây tăng chúng bỏ ngồi thiền. Vẫn sớm tối đều đặn, nhưng chỉ có điều Sư nói ngồi thiền thì phải biết làm gì khi ngồi thiền. Huynh đệ ở đây thường kể câu chuyện này: “Sau khi ngài Đại Ngu tịch, sư phụ Lâm Tế về lại núi Hoàng Bá. Một hôm Sư nằm ngủ trên thiền sàng, sư ông Hoàng Bá đi qua, thấy vậy gõ đầu gây xuống phân ba cái. Sư tỉnh giấc, nhìn lên thấy sư ông thì nằm lại ngủ tiếp. Sư ông thấy vậy, gõ xuống sàn một cái rồi đi lên lầu. Trên đó gặp thầy thủ tọa đang ngồi thiền, sư ông mắng: Ở dưới có người đang tham thiền, người ở đây mà chạy theo vọng tưởng”. Vậy Định huynh đã đoán biết cách hành thiền ở đây chưa?! Chỗ ngồi thiền ở đây mới cất xong, cũng làm theo lối thiền sàng sát nhau thành dãy dài như ở các tông lâm khác. Cách tổ chức đời sống cũng vậy: ngồi thiền, pháp thoại, quét lá, gánh nước, chẻ củi, thợ trai, Bỏ tát... Đến mùa cấy thì đi cấy, mùa gặt thì đi gặt. Thi thoảng buổi sáng sớm sẽ có những buổi tảo tham, hoặc chiều thì có văn tham. Vì tăng chúng đông nên tảo tham là cơ hội quý cho huynh đệ phơi bày cái tâm của mình ra, thấy mình còn kẹt chỗ nào Sư sẽ đoạt ngay cái đó cho mình tỉnh ngộ. Phải là người vững vàng, can đảm, có học có tu mới có cơ may thành công.

Một hôm thầy duy na lên trước chúng hỏi Sư: Đại ý của Phật pháp là gì?
Sư hét lên.
Thầy ấy lay.
Sư hỏi: Khuyết điểm là ở chỗ nào?
Thầy ấy nói: Nếu tái phạm sẽ không tha thứ lần nữa.
Sư liền hét lên.

Sư huynh có hiểu gì không? Hiểu cũng ăn của Sư ba mươi gậy như thường thôi. Khi ấy đệ mới vào chúng, thấy những cảnh đối thoại kì dị như thế không khỏi tò mò. Tiếng hét vang chùa kia chắc phải chứa đựng ý nghĩa gì huyền ảo lắm, sao mà làm

cho người u mê ngộ đạo được? Tối hôm đó đệ mon men đến hỏi thầy duy na, muốn biết vì sao thầy lại lay Sư. Thầy ấy quát đệ: Lo việc của nhà mình đi, hóng chuyện nhà người có ích gì! Đệ xanh mặt. May mà chưa hỏi sư phụ, không thì có khi điếc tai ba ngày. Các buổi tảo tham Sư hay dùng tiếng hét như ngài Mã Tổ nên người ta ví Sư như đại tướng quân. Nếu sau này huynh đến chùa mà nghe tiếng hét thì cũng đừng kinh động, các sư huynh lớn đặc pháp của Sư cũng hay dùng tiếng hét. Có hôm hai thầy đường chủ Đông đường và Tây đường vừa chạm mặt trước sân thì cùng hét lên một lượt. Đệ cũng chưa hiểu ra làm sao. Nhưng mà cũng không cần bận tâm phải không huynh! Đệ lo việc nhà của đệ đã. Ban đầu chùa chỉ xây một tầng xá, sau rồi tăng sinh đông lên, lại xây rộng thêm. Thanh quy của chúng thì cứ theo chỗ sư tổ Bách Trượng đã soạn ra, như mọi chốn tùng lâm nề nếp khác. Tăng chúng cũng có làm ruộng nhiều, để tự túc phần lương thực trong thời mạt pháp này. Năm rồi được mùa, thóc ăn có dư nên chúng mang đi bán cho kho lương của quan phủ. Bán thóc cũng có chuyện vui để kể cho sư huynh. Ở đây thầy viện chủ là người chăm lo kinh tế của chúng.

Hôm thầy đi bán kê về,
Sư hỏi:
Bán hết không?

Thầy viện chủ thưa:
Dạ, bán hết.

Sư dùng gậy vạch chữ nhất
dưới nền trước mặt rồi hỏi:
Cái này bán được không?

Thầy viện chủ hét lên
Sư liền đánh một gậy

Thế nên mỗi lần gần Sư là phải tỉnh táo lắm, lúc nào Sư cũng có thể thử xem trong đời sống tâm mình để ở đâu, lãnh hội được thì rất là hời, không thì ăn liền một gậy. Cách của Sư là luôn quyết liệt, mạnh bạo, tức tốc, được là được liền còn đến câu thứ hai, thứ ba là không cứu được nữa. Thầy Tuệ Nhiên dạy đệ là phải để tâm công phu cho miên mật cả ngày thì lúc nào gặp Sư ứng đáp cũng không trật. Đệ làm thị giả mà, nên thám thía lắm. Có khi mấy hôm sau mới nhận ra mình ngu. Học

thì học, ngồi thiền thì vẫn ngồi nhưng đến trước Sư thì đừng có mang lý thuyết ra. Nhanh như chớp, Sư hoặc là đánh hoặc là hét, không để tư duy của mình kịp làm ăn gì cả. Ở chúng đây Sư chẳng đem bộ kinh nào ra giảng, cũng không viết số giải. Học tăng đến nói về thể tài nào Sư đều biết. Nhưng Sư không định nghĩa giống kinh điển: “*Khi ngưng lại được mọi ý niệm thì đó đã là cội Bồ Đề. Nếu ý niệm mà chưa ngưng được thì đó là cây vô minh*”. Hoặc: “*Quý vị biết ba cõi là gì? Ba cõi chính là đất tâm của chính quý vị. Một niệm tham dục phát khởi, đó là dục giới. Một niệm sân hận phát khởi, đó là sắc giới. Một niệm nghi ngờ phát khởi, đó là vô sắc giới. Mỗi niệm của quý vị sinh ra ba cõi rồi theo cảnh giới đó mà có sáu trần. Những cái ấy đều là bàn, ghế, chiếu, giường đang có mặt trong nhà của quý vị*”. Có khi Sư nói ngược lại cả kinh luật.

“*Phải tạo ra năm nghiệp vô gián là giết cha, giết mẹ, làm Phật chảy máu, chia rẽ tăng đoàn và thiêu đốt linh tượng*” thì mới được giải thoát. Ngừng tìm cầu để giết cha vô minh, quán Không để giết mẹ tham dục, ngừng sự phân xét phân biệt là làm Phật của chấp trước chảy máu... Đâu đâu người ta cũng nói tới đạo, rằng có tu thì có chứng. Dừng làm. Dù có tu chứng đi nữa thì cái đó cũng chỉ là nghiệp sinh tử. Tu lục độ vạn hạnh, cầu Phật cầu Pháp là tạo nghiệp địa ngục, cầu Bồ-tát cũng vậy, học kinh học giáo cũng là tạo nghiệp. Phật và Tổ sư là những người vô sự.”

“Vô sự nhân” là từ ở đây nghe rất thường. Đó là đặc sản của viện Lâm Tế, không giống đạo tràng nào khác, là tiêu chuẩn cho đệ tử của Sư.

Sư coi cao quý nhất là một người vô sự! Huynh có bao giờ nhận thấy rằng qua thời gian các từ ngữ đẹp dễ quen tai trong kinh sách đã thành lối mòn khô cứng, đã bị hiểu lầm, đã bị bệnh, không còn sức sống nữa, không còn là lương được mà thành mầm hậu họa cho người đọc không?! Nên ở đây Sư diễn bày theo cách mới, đệ thấy cuối cùng cũng dẫn người trở về nội tâm của chính họ. Nghe Sư giảng pháp người ta sẽ ít bị đau đầu bởi các danh từ. Sư dùng từ mới để nói chuyện cũ.

sao phải vất vả đi lên Ngũ đài sơn để cầu Văn Thù. Văn Thù là ai? Văn Thù chính là cái diệu dụng trước mặt quý vị, xưa nay vẫn thế, ở đâu cũng không hề nghi ngại. Đó là Văn Thù sống. Cái ánh sáng vô phân biệt của mỗi tâm niệm chiếu tới đâu tức chân Phổ Hiền hiện ra tới đó. Mỗi tâm niệm không bị trôi buộc, chỗ nào cũng tự do thì đó là tam muội của Bồ-tát Quan Thế Âm....”

Viện Lâm Tế này nằm trên tuyến đường đi đến Ngũ Đài Sơn bên Hà Đông. Hàng năm người người vẫn khổ công hành hương đến đó mong gặp Đức Văn Thù. Nhiều vị ghé chùa tá túc hoặc xin bữa cơm chay. Tăng đi hành cước cũng thường qua đây. Dịp làm tri khách tăng, mỗi lần gặp một vị xuất gia tới cửa chùa là sư đệ lại động lòng. Nhớ lại mình năm nào cũng từng vượt núi băng rừng, ăn gió nằm sương. “*Tuyết dày đã nặng nón, giầy cỏ còn thơm hoa*” nghe ra cũng thi vị nhưng mấy ai hiểu những lúc nản lòng, tìm đạo mà đường đạo mịt mờ hun hút. Đến chỗ sư phụ Lâm Tế đây, đệ mới dùng được cái tâm bốn ba phiêu dạt.

giày dép. Chớ có chạy sang nhà người để tìm Phật cầu giác ngộ, như tên Diễn Nhã Đạt Đa có đầu mà chạy cuống tìm đầu, rốt cuộc chỉ vướng vào trần cảnh. Dù có tìm được thứ gì đi nữa cũng chẳng phải chân thật. Nếu muốn không khác với Tổ Phật thì đừng hướng ngoại tìm cầu. Càng cầu càng khổ, tốt hơn hết chỉ nên vô sự.”

“*Dừng sử dụng tâm ý một cách lầm lạc. Nay quý vị, chỉ trong một sát na ta có thể đi vào cảnh giới Hoa Tạng, của Phật Tỳ Lô Giá Na, vào các quốc độ giải thoát, thần thông, thanh tịnh, đi vào pháp giới, đi vào uế, đi vào tịnh, đi vào phàm, đi vào thánh, đi vào ngã quý, sức sinh. Tại*

“*Có người suốt kiếp ở ngoài đường mà không lia nhà. Có người lia nhà mà không ở ngoài đường. Người nào đáng thọ sự cúng dường của trời, người? Đi đó đây tìm Phật Tổ quý vị sẽ bị ma Phật hấp hồn, bị ma Tổ trôi buộc; có ngày sẽ phải trả nợ tiền*

Sư thường dẫn lời của sư cố Mã Tổ: “Cứ tùy duyên mà tiêu nghiệp cũ, cứ thanh thân mặc áo, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, đừng có một khoảnh khắc nào mong cầu quả vị Phật. Nếu nghĩ rằng khổ nhọc có thể thành Phật thì Phật sẽ trở thành điểm báo trước của sinh tử”. Sư biết sẽ có người hiểu lầm, mở cửa bầy tự nhảy vào nên còn từ bi dạy kỹ:

“Quý vị! Khi nghe tôi nói ngoài kia không có pháp gì để cầu, lại có kẻ học nhân nghĩ rằng phải tìm ở bên trong. Họ ngồi bất động, quay mặt vào tường, lưỡi dán dọc họng, cho đó là pháp của Phật, của Tổ. Lầm to! Nếu cho cái tình là đạo thì quý vị chỉ làm tôi tỏ cho chủ Vô minh. Chẳng có Phật, Pháp, Tu, Chứng gì sất. Tất cả đều đang xảy ra ngay lúc này, không cần đợi tương lai. Trong hiện tại đây mà không gặp được Tổ Phật thì không có cơ hội nào khác.”

Sư huynh có tin không? Tiểu Tam ở cùng phòng thắc mắc với đệ: “Xưa sư phụ trong chúng ba lần ăn gậy của sư ông Hoàng Bá mà không lĩnh hội được, chẳng phải là đã mấy bận đến cầu đạo ở chỗ ngài Đại Ngu. Chẳng phải Phật ngày xưa trước khi giác ngộ dưới cội bồ đề cũng từng đến chỗ các đạo sư Uất Đầu Lam Tử và A La La Ca Lam sao? Như sư phụ Lâm Tế đã đại ngộ thì mới nói là không còn tìm cầu gì nữa, chứ như tiểu đệ thì vẫn phải cầu giải thoát chứ. Nếu không thì tiểu đệ đi xuất gia cầu đạo vô ích sao? Thói thường ai cũng phải trải qua, mà sao sư phụ Lâm Tế lại bày người ta không tìm cầu cho được?” Hiền huynh sẽ trả lời cho tiểu Tam thế nào? Anh chàng tuy còn là sa-di nhưng rất thông minh, ham học. Sư phụ đưa cho Cảnh sách văn của sư ông Quy Sơn mới sáng tác thì rất thích. Cậu cũng gần tuổi thanh niên rồi nên lý luận lắm, không phải cứ tin bừa. Tiểu Tam chưa dám lên

hỏi sư phụ. Định huynh à! Trong thiên hạ ai có niềm tin như sư phụ Lâm Tế?! Ngài là người đã kinh nghiệm xương máu, đã tới nơi rồi mới biết đúng chỗ để chỉ cho kẻ cầu đạo đừng lãng phí thời gian.

“Sai lầm căn bản của quý vị là không có đủ tự tin nơi chính mình mà cứ hướng ra ngoài tìm Phật, cầu Pháp. Cổ nhân nói: ‘Hướng ngoại để công phu, toàn là bợn ngu xuẩn.’ Theo cái thấy của tôi đây thì quý vị có khác gì đức Thích Ca đâu? Ngày hôm nay, trong mọi sinh hoạt thường nhật của chúng ta, quý vị còn cảm thấy thiếu thốn điều gì, quý vị muốn tu bỏ chỗ nào nữa? Quý vị có muốn biết Tổ Phật là ai không? Tổ Phật chính là quý vị đang đứng trước mặt tôi mà nghe pháp đây.”

Nói rồi sư đi vào phương trượng. Mai đến hể gặp là lại nghe Tiểu Tam gạn hỏi, nói trong phòng chưa hết, đến khi giặt áo ở bờ sông anh chàng vẫn thao thao: “Lạc Phổ huynh, huynh có tin mình đã là Phật không? Ai cũng sẵn có Phật tánh rồi, các Tổ đều nói thế. Sư phụ nói: Kẻ thiếu lòng tin chẳng có ngày xong. Nghe lời sư phụ, đệ cũng cố gắng tự tin thử nhưng làm sao tự tin được khi mình còn phạm phu điền đảo, tham ái sân si... Mới có một chút an nhiên, tự tại đó nhưng lại mất ngay rồi.” Không phải muốn tự tin là có thể tự tin được phải không Định huynh. Đó là Tiểu Tam bất giác lý luận phản ứng lại thôi. Nếu Tiểu Tam thử nghe lời Sư dừng lại xem. Biện bác bằng ý niệm chỉ dẫn anh chàng đi vòng vòng trở lại trong ý niệm: giác ngộ, Phật, phạm, thánh. Dựa trên những ý niệm đó mà hỏi thì làm sao đứng vững được trước mặt Sư.

Một lần vị chủ tọa của chùa tông Tỳ-đàm ở Hà Đông sang tham vấn, lên pháp đường hỏi Sư:

Thầy Chủ tọa hỏi:
Không lẽ lời Phật dạy trong kinh không có ích lợi gì cho giác ngộ?

Sư nói:
Cỏ hoang chưa từng nở.

Tọa chủ thưa:
Không có lý Phật lại lừa người?

Sư hỏi:
Phật ở đâu?

“Quý vị thiếu thốn cái gì? Trong giờ phút này, cái diệu dụng của quý vị không có khác gì diệu dụng của Tổ của Phật cả. Thời bây giờ người học Phật, chỉ cần có được kiến giải chân chính. Đừng làm như những kẻ dui mù, trên cái đầu của mình lại muốn đặt thêm một cái đầu khác. Những gì đã có sẵn trong nhà mình mà quý vị không tin, lại cứ đi tìm kiếm ở nhà khác? Gặp hoàn cảnh nào cũng bám vào, gặp đối tượng nào cũng nắm bắt, tiếp xúc tới đâu thì bị lừa gạt tới đó, không hề có tiêu chuẩn nhận thức nào cả. Các vị mạng bát, mạng túi và mạng một khúc ruột già đẩy phan đi tới người ta để tìm cầu Phật và Pháp, quý vị có bao giờ đặt lại câu hỏi xem ai là kẻ đang đi tìm cầu ấy không?”

Đệ cũng quên chưa kể về Hòa Thượng Phổ Hóa cho huynh. Trước lúc Sư đến đã có ngài Phổ Hoá ở viện Lâm Tế. Tính ra trong tông môn Hòa Thượng Phổ Hóa cũng là sư thúc của Sư. Hoà thượng hành tung kỳ dị, không ai biết ngài đi đâu thật hay giả đi đâu, ngày lang thang mang cái chuông nhỏ đi rung ngoài đường, khi thì ngủ chùa khi thì ngủ chợ, đến đâu cũng có đám đông hiếu kỳ bu theo trên chóc. Có người nói lúc pháp nạn phá chùa đuổi tăng, phải giả điên giả khùng như ngài

Sư nói chính yếu thánh ghét phạm, trốn Ma cầu Phật làm con người chìm đắm trong biển sinh tử dài dài. Trong công phu quán chiếu không nên bị yêu ghét cuốn đi. Nhiều giảng sư nói: “Phật là cứu cánh. Phải tu trong ba a-tăng-kỳ-kiếp lớn cho công thành quả mãn thì mới thành Phật”. Sư bảo nếu tin lời của những hạng thiên sư ấy là chân lý không thể nghi bàn còn mình chỉ biết khúm núm tự nhận là một kẻ phạm phu không dám đo lường các vị ấy thì quả là cô phụ đôi mắt của chính mình. Làm sao để có thể tự tin sống giữa đời sinh tử như sư phụ Lâm Tế? Thường thì ta tự tin khi có chất Thánh, loại hết chất phạm. Nhưng nếu tự tin chỉ vì ta hơn người thì thứ ấy đâu khác gì sự dối đãi thế tục?

mới còn tu được đến giờ. Khi Sư phụ Lâm Tế muốn nhận đệ tử và dựng chúng tu học thì ngài Phổ Hoá yểm trợ hết lòng. Hai vị rất tương kính. Mà cách đối đãi của những người đã đạt đạo, tục nhãn khó lòng đo lường.



Câu này giờ đây cũng nổi tiếng khắp thiên lâm, vì có cút khô ở trong. Tìm kĩ trong tam tạng cũng không mò ra nó ở kinh nào. Sư bảo để độ đời có khi ta phải mặc đủ thứ y áo: y thanh tịnh, y giải thoát, y giới luật, y vô phân biệt... Có khi ta phải cởi hết y áo ra thành người vô y, để người ta thấy được con người chân thật của chính họ.

Lần đó có thí chủ mời thọ trai trong thành, sư đệ đi thị giả cho hai vị. Đang ăn, Sư dừng đĩa...
Sư hỏi:
Sợ lòng nuốt cả biển cả,
hạt cải đựng được núi Tu Di,
đó là diệu dụng thần thông,
hay sự thực vốn là như thế?

Ngài Phổ Hóa kéo đổ cả mâm cơm,
đệ đỡ bát đĩa không kịp.

Sư chê:
Sao mà thô tháo như thế?

Ngài Phổ Hóa bảo:
Đây là đầu mà nói thô nói tế?

Sư bèn le lưỡi.

Khi chùa đã dời vào thành, xây cất khang trang thì một hôm ngài Phổ Hóa đi ra cửa Bắc rồi không thấy về nữa. Một buổi thượng đường, đại chúng đứng chấp tay lắng nghe,

Sư nói:
Trên đồng thịt đỏ au này
có một con người chân thật không vị trí,
thường đi ra đi vào ngay trước mặt của quý vị.
Ai chưa thấy được
thì hãy nhìn kỹ xem, nhìn kỹ xem!

Lúc bấy giờ
có một vị thiền tăng
đi ra khỏi chỗ, hỏi:

Con người chân thật không vị trí ấy là gì?

Sư liền từ pháp tòa bước xuống,
nắm lấy tay vị ấy, quát:
Là gì, là gì, thầy nói đi, nói đi!

Vị ấy lưỡng lự.

Sư bèn hất tay vị ấy ra rồi bảo:
Con người thật không có vị trí
là cái cọng cút khô gì!

"Đó là một kẻ sống động, linh hoạt, không vướng vào dây mơ rễ má nào cả, lừa thì không vào, xua cũng không đi, chạy tìm thì nó càng lúc càng xa, không tìm thì nó đứng ngay trước mặt, tiếng nói của kẻ ấy đang vọng ngay vào tai quý vị. Cái tâm sáng chói nơi mắt gọi là cái thấy, nơi tai gọi là cái nghe, nơi mũi gọi là cái ngửi, nơi miệng gọi là đàm luận, nơi tay gọi là cầm nắm, nơi chân gọi là cái chạy nhảy, tất cả chỉ từ một cái tinh minh chia ra thành sáu hòa hợp, thấy được thì có khác gì Phật Tổ. Sáu đạo thần quang chưa từng đình chỉ. Nếu quý vị biết sử dụng chính cái sáng rõ ràng này thì đâu đâu cũng là nhà, chỗ nào cũng có thể trở về. Không có đủ niềm tin nơi đây thì thật phí cả một cuộc trăm năm."

Ngày rời chùa mình đi hành cước tìm học, đệ cũng vào thử vài nơi, nghe các vị thầy ai nói cũng hay, trả lời câu nào cũng chí lý, giống lời thánh hiền chẳng khác kinh luận, mừng rỡ xin theo học. Lời đồn nghe từ xa thì hấp dẫn li kì, ở lâu lại thấy quanh mình có vẻ ai cũng trần trụi. Tu không thấy tướng ánh sáng, nhìn Phật hiện, chẳng chạm được mặt trăng, đau ốm không tự tại

lại sinh ra ngờ vực. Hỏi thì các vị đều quy cho nghiệp nặng, tiền kiếp chưa tu. Cũng không cãi được vì nhìn mình, nhìn đám bạn lũ, đâu đâu cũng thấy còn phàm tục. Cõi tiên nước Phật vẫn xa vời. Rút cục đi mỗi chân mòn dép vẫn bán tín bán nghi, tai từng nghe nhưng mắt chẳng thấy. Chưa có nơi nào giúp mình dứt hẳn hoang mang. Sư phụ Lâm Tế ở đây thì khác. Sư không trả lời lý luận, không hứa hẹn, Sư đoạt hết những vẻ vờ bên ngoài để người ta phải quay vào nhìn lại chính họ. Người đời ao ước thần thông, còn Sư nói thần thông không đâu xa lạ. Thần thông là đi trên mặt đất. Thần thông là đi vào cảnh giới của sắc thanh hương vị xúc pháp mà không bị mê hoặc... Muốn đến được chỗ ấy thì phải nắm vững "bí quyết mẫu nhiệm" của Sư.

"Ngồi được những tư tưởng chạy đuổi tìm cầu thì quý vị sẽ thấy giữa quý vị và Tổ Phật không có gì khác nhau. Chỗ nào không còn tà kiến phân biệt đây là ta, đây không phải là ta, cái này là trong, cái kia là ngoài... thì ấy là chỗ giải thoát. Trái lại, nếu càng có ý niệm tìm cầu thì càng cách xa, càng sai trái. Nếu nắm được cái then chốt này thì nên áp dụng ngay vào đời sống hàng ngày, giữ cho miên mật, mắt chạm đến đâu là thấy được đến đấy thì quý vị là những vị Tổ sống."

Ở đất Hà Bắc này cũng có mấy vị Tổ sống đây. Mới ngày qua Bố tát, các Tôn túc ở đất Hà Bắc hẹn nhau cùng đến thăm sư phụ Lâm Tế, ngồi trong tăng đường quanh lò sưởi dùng trà đàm đạo rất thân tình. Chỗ này đi tới núi Triệu Châu cũng không xa mấy. Nên có khi ngài Lâm Tế cũng qua vấn an sư thúc Triệu Châu. Hai vị gặp vẫn còn thử nhau nảy lửa khiến con cháu ù tai chóng mặt. Những chuyện như thế sau này đều nên ghi chép lại cả. Chùa mình thì đâu thiếu trà phải không, nhưng trà sư đệ gửi là quà của ngài Triệu Châu

đó! Nếu Định huynh muốn thăm cây tùng thì sớm lên trên này, kéo ngay mai đệ tử của ngài chặt mất. Pháp ngữ của sư phụ Lâm Tế thì không thi vị như sư ông Triệu Châu, nên cũng đỡ tốn trà với bánh lắm. Chùa còn mới nên có buổi phổ thỉnh cả chúng theo sư phụ đi trồng bách.

"Này các bạn tu, trong Phật pháp không cần có sự dụng công một nhọc. Hãy sống cuộc đời của chính mình một cách rất bình thường, đừng làm đáng làm điếu. Chỉ cần dừng lại và nhận lại cái đầu đã có của quý vị. Nền nghe lời tôi, hãy nghỉ ngơi đi và thực tập làm một người vô sự. Nơi nào cũng làm chủ, nơi nào cũng làm con người chân thật, không để cảnh duyên bên ngoài lôi kéo. Cần mặc áo thì mặc áo, cần ăn cơm thì ăn cơm, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi... Kẻ ngu có thể cười ta nhưng người trí sẽ hiểu ta."

Đệ chép được cho huynh nhiều pháp ngữ của Sư cũng là nhờ thầy Tuệ Nhiên yêu cầu đệ sau mỗi buổi giảng của Sư thì chép lại thành từng bài. Thầy nói phải ghi lại để sau này làm một cuốn ngữ lục, vì lời Sư nói đúng quá, đã quá mà để năm tháng thất tán mất thì hoài phí. Có lần giảng xong Sư vào phòng thị giả tình cờ thấy đệ ghi ghi chép chép, Sư không nói gì. Sư đệ hi hửng mừng thầm, nhưng hôm sau thăng toà Sư dạy chúng:

"Đời này, người tu không đạt được đạo cũng vì cứ nhận lầm danh tự làm kiến giải. Họ ghi chép lại những câu nói, những lời lẽ của các ông già đã chết vào trong một cuốn sách lớn, đem cất dấu trên trọng trọng bốn năm lớp vải, không cho ai nhìn thấy, cho đó là 'huyền chỉ'. Lầm to! Có một bọn không biết thế nào là xấu tốt, từ trong giáo pháp rút ra những huyền đàm lý luận, chế thành văn cú ý nghĩa, giống như bỏ phân vào miệng rồi nhả ra mớm lại cho kẻ khác."

lập chúng giáo hóa. Định huynh tưởng tượng một người tu đạt đạo, trở thành vô sự là như thế nào? Nếu huynh nghĩ vô sự là rảnh rang không động tay vào chuyện gì thì coi chừng đã bị văn tự gài bẫy rồi. Sư phụ Lâm Tế đến đất này đã gần chục năm, cơ phong dũng mãnh, nhưng tính ra số đệ tử đắc pháp mới có vài vị. Người chí tâm cầu đạo đang thừa thốt dần, không còn những đồ chúng từng lâm đồng đến mấy ngàn người như xưa nữa. Tổ đăng hưng thịnh từ Lục Tổ, Mã Tổ đến nay có thể sắp hết trang vàng hai trăm năm. Thế thời tang thương dâu bể, các bậc cao đức chúng ngộ cũng vào núi mai danh ẩn tích. Vô sự mà như sư phụ Lâm Tế đây bất chấp chiến tranh loạn lạc, đứng ra giữa nhân gian u mê, nói thẳng, nói thật để giáo hóa đồ chúng, chẳng còn mấy ai đâu hiền huynh.

Tội nghiệp Tiểu Tam, tối về không nhận được lại phân bua: "Đại huynh! Mới hôm trước sư phụ nói ba cõi như nhà lửa, không thể trú ngụ lâu dài. Phải tìm đường vượt thoát. Đệ đã hạ quyết tâm tu giải thoát không trở lại ba cõi. Nay lại bảo tiểu đệ là đồ ngu." Tiểu Tam đã bắt đầu để ý đến sự mâu thuẫn của lý luận, ngôn thuyết rồi đấy phải không Định huynh.

Đệ thất kinh, nhất quyết xin thoái thác với thầy Tuệ Nhiên nhưng thầy nói cũng có lý lắm: Tốt xấu ăn thua ở chỗ mình dùng nó thế nào. Trăm ngàn người họa may có ai đó nhận chân được thì Tổ đạo sau này có cơ kế tục. Lời Sư nói tuy khó nghe nhưng như kinh Kim Cương, Phật nói năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, vẫn sẽ có những người nhận ra những lời khó tin đó là sự thật. Trong chúng đây cũng đã có người nhờ tiếng hét của Sư mà ngộ ra con người thật không vị trí kia, sống được như một người vô sự, được Sư khen ngợi. Thầy Tuệ Nhiên là một trong số đó. Thấy đệ tử nào đủ vững vàng Sư cho đi

"Ngày này qua ngày khác, tôi chỉ ngồi đây mà thuyết giảng và đánh phá, nhưng hầu hết bọn họ có chịu để ý đâu. Ngăn lần vạn lần họ vẫn y thói cũ. Nửa cời trăm năm đã đi qua mà cứ vẫn còn ý lại vào kẻ khác, tiếp tục khiêng tử thi của chính mình đi trong cời nhân gian. Các vị từ bốn phương tới đây đều nghĩ rằng mình là những người có tâm cầu Pháp, cầu giải thoát, cầu ra khỏi ba cõi. Đồ ngu. Ra khỏi ba cõi thì quý vị đi đâu?"

"Đừng bị kẹt vào lời nói của ông thầy tu núi này. Quý vị nghĩ có gì uyên áo ở đây?! Những lời tôi nói chỉ là những bước về nhất thời trên hư không. Ngày lúc này, thuốc và bệnh phải chữa trị lẫn nhau cùng một lúc. Ngồi ra không có gì có thật cả. Vạn bất đắc dĩ tôi mới nói ra những lời không mấy tao nhã. Quý vị đừng có hiểu lầm. Theo tôi thấy thì thật ra chẳng có đạo lý gì để thuyết giảng. Nếu cần làm gì thì cứ làm đi, không thì cứ nghỉ ngơi đi cho khỏe."

Đã vào canh ba rồi, thiền đường vắng vẻ. Sau buổi công phu, đệ nán lại nhờ chút hơi ấm còn lại từ lò sưởi, chong đèn viết cho huynh. Mùa đông phương Bắc lạnh hơn Sơn Nam nhiều lắm. Đêm nay ánh trăng sáng hơn vì tuyết trắng. Mong sư huynh bảo trọng và suy nghĩ thêm về ý đệ. Đường xa muôn dặm nhưng hễ có chánh pháp thì biết Định huynh đâu quản ngại. Có khi thầy Tuệ Nhiên trở về sẽ đón được sư huynh lên đây cùng đệ hội ngộ. Sớm mai đệ cần dậy nhóm lửa nấu nước cho sư phụ dùng trà trước thời ngồi thiền. Tiểu Tam chắc đã ngủ lâu rồi. Sư đệ đi nghỉ đây.

Kính Bút,
Tiểu đệ Lạc Phổ¹

¹ Lạc Phổ Nguyên An (834 - 898) là một nhân vật lịch sử, lúc còn trẻ thầy hành cước đến xin tham học ở đạo tràng của Tổ Lâm Tế và được hầu cận làm thị giả cho Ngài. Nhiều công án sau này có ghi lại hình ảnh thị giả này. Dù ở ngay sát một vị thầy tâm linh lớn như Tổ Lâm Tế và có khi được Tổ khen ngợi, thầy Nguyên An dường như chỉ ngộ đạo sau khi đi tham học thêm ở một số tông lâm khác và cũng trở thành một danh tăng sau này. Trong Lâm Tế lục đệ có nhắc đến thầy Huệ Nhiên, Định thượng tọa, thầy duy na, viện chủ.



tình sách

Mưa gió chiều nay lạnh
Giã từ, ta đi xa
Tình sách ngàn muôn kiếp
Còn nguyên về đậm đà

Tuyết phủ phương trời mới
Giấc ngủ mộng quê nhà
Võng đưa giòng chữ cũ
Gió thoảng hương chiều xa

Những người bạn bé nhỏ
Trung kiên và thực thà
Nhớ sao mùi giấy mới
Đền khuya người với ta

Thầy Làng Mai

“Thiền giả hay nói đến tính cách ‘bất lập văn tự’ không phải nhất thiết là để phủ nhận khả năng diễn đạt của văn tự mà chỉ là để đề phòng sự chấp chặt vào văn tự của người sử dụng cũng như của người tiếp nhận... Người tập thiền xưa nay vẫn biết nhìn bằng con mắt của mình và sử dụng ngôn ngữ của thế kỷ mình. Sô dĩ như vậy vì tuệ giác là một dòng sống linh động chứ không phải là một cổ vật được cất giữ ở viện bảo tàng. Bằng sự sống của chính mình, người thiền giả khơi nổi được dòng tuệ giác và làm cho nó tuôn chảy về những thế hệ tương lai. Công trình nổi được là công trình của tất cả chúng ta, tất cả những ai biết khai phá để mà đi tới. Cái thấy của chúng ta và ngôn ngữ của chúng ta không thể tách rời ra khỏi thời đại trong đó chúng ta sống.” (Trích Trái tim mặt trời)

C
h
u
y
ê
n
M
ұ
c
III

Suận
văn

Rùa Thỏ

Câu chuyện chưa kể về những cuộc đua giữa rùa và thỏ

Tác giả: Chân Pháp Anh

Vẽ minh họa: Nguyễn Mạnh Dũng

Có một câu chuyện ngụ ngôn rất quen thuộc với chúng ta - câu chuyện giữa Thỏ và Rùa.

Trong một khu rừng nọ, có một con Rùa và một con Thỏ cãi nhau xem ai nhanh hơn. Chúng quyết định giải quyết việc tranh luận bằng một cuộc thi chạy đua. Tới ngày hẹn, cả hai cùng có mặt ở vạch xuất phát và khi hiệu lệnh vang lên cả hai đều xuất phát. Thỏ vốn tự tin mình chạy nhanh hơn Rùa cho nên sau khi xuất phát được một lúc thì Thỏ không còn lo lắng gì nữa, nó chạy chậm lại, đi bộ nhón nhờ ngắm phong cảnh và cuối cùng thì đánh một giấc dài mà không quang tâm đến cuộc đua. Trong khi đó, Rùa vẫn kiên nhẫn chậm chạp chạy từng bước và rồi vượt qua Thỏ. Cuối cùng Rùa về đích trước Thỏ.

Qua câu chuyện kinh điển này, chúng ta thấy được rằng cái chậm và ổn định đã thắng trong cuộc đua. Đây cũng là một câu chuyện mang tính giáo dục về thái độ sống và cách sống, trong đó Thỏ đại diện cho sự nhanh nhẹn, năng động và nhiệt huyết. Ai trong chúng ta đang là Thỏ? Thỏ có rất nhiều năng lực, nhưng cách sống của Thỏ nhiều lúc khiến cho những người xung quanh không cảm thấy thoải mái. Chính sự chủ quan, lơ đãng và thiếu kinh nghiệm của Thỏ đã khiến Thỏ phải nhận thất bại. Sống trong Tăng thân, những người trẻ đôi khi thường hay vấp phải những vấn đề như thế, cho nên những vị lớn cần phải để thêm thời gian để chăm sóc, để hướng dẫn, để nhắc nhở, nâng đỡ và dìu dắt. Người trẻ thì thường hay mắc nhiều sai lầm, và người lớn đôi lúc cũng nên cho họ “quyền được mắc sai lầm”, nhưng đồng thời sau đó phải làm công việc chỉ dẫn, dìu dắt thì khi đó người trẻ mới rút được ra cho mình bài học là không nên lơ đãng nữa, cần phải cân nhắc hơn trong cách làm, cách nói, cách thể hiện. Như vậy dần dần sẽ huân tập cho mình được những thói quen tốt để bản thân ngày một vững chãi hơn. Còn ai trong chúng ta ở đây sẽ là Rùa? Rùa đại diện cho sự chậm, chắc trong từng bước. Cái chậm và ổn định ở đây thể hiện ở sự vững chãi và thanh thoi, sự chắc chắn, cẩn thận trong công việc. Chúng ta không có lơ là, không chủ quan, không ỷ y vào sức mạnh và năng

lực của mình. Đó cũng là bài học mà chúng ta rút ra được qua cuộc đua giữa Thỏ và Rùa.

Nhưng cuộc đua giữa Rùa và Thỏ vẫn chưa dừng lại ở đó. Sau khi thua ở vòng đua thứ nhất, Thỏ đã rút ra cho mình một bài học kinh nghiệm. Thỏ quay lại gặp Rùa và mời Rùa tham gia lần đua thứ hai. Ở lần đua này, Thỏ không còn dám xem thường Rùa nữa. Thỏ xuất phát rất nhanh, chạy như tên bắn, và tới đích trước.

Qua lần đua thứ hai này chúng ta thấy rằng cái nhanh cộng với sự nhiệt huyết và năng lực đã thắng cái chậm và ổn định. Một lần nữa, bài học mà chúng ta nghiệm ra được ở đây là gì? Cái nhanh và tin cậy đã thắng cái chậm và ổn định. Khi cùng sống trong một cộng đồng, nhất là ở trong Tăng thân, các vị mới vào tu thường còn trẻ, khoẻ có nhiều nhiệt huyết, nhiều ý tưởng để cống hiến phụng sự và làm việc rất nhanh, vì người trẻ trong thời đại bây giờ ở bên ngoài thường được hưởng



dẫn và đào tạo rất nhiều kỹ năng. Cho nên vai trò của các vị đi trước là cần định hướng, khuyến khích, hướng dẫn thêm và giao trách nhiệm cho các vị trẻ mà không nên chỉ luôn lo sợ là các sự em được mời tham dự vào nhiều chương trình, được giao những việc và vị trí quan trọng quá để rồi đánh mất mình trong công việc. Với sự dúi dặt tận tình của những người đi trước, các thế hệ trẻ sẽ không còn sợ phải đi lầm đường.

Sau khi thua ở vòng đua thứ hai này thì Rùa mới quán chiếu và rút ra cho mình một bài học kinh nghiệm khác. Rùa quay lại tìm Thỏ và mời Thỏ tham gia vào một cuộc đua thứ ba. Ở vòng đua thứ ba này thì Rùa đưa ra yêu cầu là sẽ được quyền chọn đường đua. Sau khi suy nghĩ một hồi, Thỏ

tự tin rằng mình chạy nhanh hơn Rùa cho nên ở đường đua nào thì Thỏ cũng sẽ thắng và Thỏ đồng ý để Rùa chọn đường đua. Và cuộc đua bắt đầu. Ở lần xuất phát này thì vì không ai còn dám xem thường đối thủ của mình nên cả hai đều cố gắng hết sức để chạy. Thỏ lao như tên bắn và đương nhiên bỏ xa Rùa một đoạn rất dài. Rồi bỗng nhiên Thỏ đột ngột dừng lại vì phía trước nó là một con sông... Bị con sông chắn ngang đường như vậy, mà bản thân lại không biết bơi nên Thỏ không tài nào tiếp tục được cuộc đua, nó đi tới đi lui suy nghĩ không biết phải làm như thế nào để vượt qua được bờ bên kia. Một lúc sau thì Rùa cũng đến kịp bờ sông. Mặc cho thỏ loay hoay tìm cách vượt dòng, Rùa ta đường hoàng đỉnh đạc lội xuống nước, bơi qua sông và chạm đích ở bên kia bờ.

Ở lần đua thứ ba này thì Rùa đã lại thắng Thỏ. Rùa thắng là vì Rùa đã biết chọn cho mình một con đường mà ở đó Rùa có lợi thế. Cũng vậy, trong bất kỳ một đoàn thể, hay ở một sự kiện n à o

cũng luôn có nhiều công việc nên mình phải biết chọn cho mình một phân khúc, một công việc mà ở đó mình phát huy được những điểm mạnh và đóng góp được khả năng của mình một cách tốt nhất. Khi biết rõ mình mạnh ở phân khúc nào thì cũng giống như Rùa biết mình có khả năng bơi để vượt sông.

Đến đây sau ba vòng đua thì Thỏ và Rùa thành đôi bạn thân. Cả hai mới bàn với nhau là sẽ cùng tham gia cuộc đua marathon tiếp sức mang tầm cỡ quốc tế. Lần đua này cả hai không phải chạy riêng lẻ nữa mà sẽ hợp sức với nhau trong cùng một đội. Và cuộc đua tiếp sức bắt đầu... Khi hiệu lệnh xuất phát vừa vang lên thì Thỏ cõng Rùa trên lưng, chạy như tên bắn và vượt xa các đối thủ khác. Khi tới bờ sông thì đến phiên Rùa cõng Thỏ vượt qua sông và cán đích ở vị trí đầu tiên. Rùa và Thỏ đã vượt xa những đối thủ khác và xác lập một kỷ lục mới trên trường đua quốc tế vì cả hai cùng biết kết hợp sức của từng người để phục vụ cho cuộc mục đích chung.

Trong tăng thân cũng vậy, chúng ta có người lớn và người nhỏ, có yếu tố thâm niên và yếu tố dân chủ. Vấn đề là mình sẽ kết hợp những cái đó lại với nhau như thế nào? Chúng ta có bao giờ tự đặt vấn đề là các thành viên trong đại chúng này có những ai? Đây là điểm mạnh và điểm yếu của các sư anh, sư chị, sư em mình? Cơ hội và thách thức của môi trường hành đạo hiện nay là gì? Thay vì một mình hoặc một vài người phải lo, phải nghĩ, phải làm rất nhiều việc thì mình có thể đào tạo, hướng dẫn và mời gọi sự chung

tay góp sức của các thành viên trong Đại chúng. Chúng ta có thể hợp tác với nhau ở những phân khúc nào? Ví dụ như trong một khóa tu, người có giọng hát hay, hô canh hay thì nên cống hiến về mảng đó, người giỏi về công việc tổ chức thì làm công việc tổ chức. Không hẳn là người hát hay thì không giỏi về

tổ chức, nhưng khi tổ chức một khóa tu thì mình cống hiến những điểm mạnh nhất của mình, mình không ép người kia phải đứng vào những công việc không phải chuyên môn của họ. Giống như chiếc xe khách thì làm công việc chở hành khách, xe container thì chỉ chuyên chở hàng hóa. Nếu được vậy thì công việc tổ chức sẽ trở nên nhẹ nhàng và tốt hơn, mọi người trong chúng tự nhiên cũng sẽ cảm thấy vui hơn, khỏe hơn vì ai cũng có cơ hội được phụng sự, đồng thời cũng tránh tạo ra những mặc cảm so sánh hơn thua. Mình không hát được, không chơi đàn được, nhưng mình làm được những công việc khác. Mình không phải cố đi học đàn học hát, để rồi cuối cùng thì vẫn “tôi ca không hay, đàn nghe cũng dở”. Mình có thể tập chơi cho vui, giảm đi sự căng thẳng, nhưng tự bắt bản thân phải đạt được những tiêu chuẩn thế này thế kia thì nên cân nhắc lại, đừng cố ôm đồm quá rồi tự đẩy mình vào những mặc cảm, vì chúng ta ít khi nào có đủ sức để làm tốt hết những thứ mình muốn. Cho nên qua một mùa soi sáng, mình biết được những người bạn tu của mình có những điểm mạnh, điểm yếu nào để chúng ta cùng yểm trợ và tiếp sức cho nhau trên con đường tu đạo và phụng sự này.

Liên hệ rộng hơn, trong bối cảnh hiện nay với các nhu cầu công việc về tổ chức và hướng dẫn, cách tư duy về triết lý xây dựng truyền thông theo tinh thần của giáo lý Lục hoà và Bảy pháp bất thối cần được học hỏi thêm và ứng dụng sao cho phù hợp với môi trường và tâm thức của thời đại. Liệu đã đến lúc các tu viện cần nhìn nhận lại những ưu điểm và hạn chế của mình để hợp tác lại với nhau và cùng tìm ra những phương cách hành đạo tốt hơn hay không? Ví dụ như có những nhu cầu của thiên sinh mà khả năng của đạo tràng mình không đáp ứng được thì mình có thể mời gọi sự giúp đỡ từ những đạo tràng khác và ngược lại. Đó hẳn là một sự hỗ trợ và hợp tác đẹp. Chúng ta cần nghiên cứu, mở lòng và cởi mở để cùng tiếp sức cho nhau, cùng nhau vẽ lên một bức tranh Tăng thân hoàn thiện và tốt đẹp hơn nữa.





Con người gọi internet là một trong những cuộc cách mạng của sự phát triển, họ chạy đua để đuổi theo kịp nhịp độ bùng nổ của nó. Song song với việc có thêm nhiều điều kiện thuận lợi cũng như tiện ích đời sống là những hệ quả khổng lồ không mong muốn mà internet để lại. Internet và mạng xã hội được ví như một con dao hai lưỡi, trở thành công cụ đắc lực cho nền văn minh nhân loại hay một kẻ huỷ diệt vô hình; điều đó tùy vào cách con người sử dụng cũng như xây dựng hệ thống này. Tính đến thời điểm hiện tại, internet đã trở thành một thành viên quen thuộc trong danh sách những tiện ích của con người, một phần không thể thiếu, hay thậm chí là sự sống của phần thiểu số nào đó. Mạng lưới này đã sớm đặt nền móng giá trị trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống. Không chỉ là đời sống vật chất hưởng thụ và còn cả tâm linh.

Đã về đã tới TS Nhất Hạnh Cổng tam quan Thiền đường Phật đường Tham vấn đường Tăng kinh các Đài mây tím



Làng Mai > Đã về đã tới

Như vậy, Đạo Bụt không thể đi ngược lại với dòng chảy phát triển của nhân loại. Bởi đạo Bụt cũng là một thực thể sống động thăng trầm theo thời gian, bởi đạo Bụt là một lối sống, là một con đường (đạo) để đi đến sự sống lành thiện. Điều đó cho thấy internet không thể nào không có tầm ảnh hưởng đến Đạo Bụt, đến những người xuất gia. Bài viết này xin được lạm bàn về tầm ảnh hưởng của internet và mạng xã hội đến đời sống người xuất gia mà chủ yếu là chúng xuất sĩ Làng Mai.

I. INTERNET VÀ MẠNG XÃ HỘI¹

Trước khi đi vào những ảnh hưởng của internet đến đời sống người xuất sĩ trong thời đại mới, đặc biệt đối với chúng xuất sĩ Làng Mai, chúng ta sẽ cùng nhau nhìn sơ qua diện mạo của internet trong suốt quá trình hình thành và thâm nhập vào xã hội ngày nay của nó.

Internet là một hệ thống thông tin toàn cầu (hay còn được gọi là liên mạng), có thể truy cập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Truyền thông tin bằng cách chuyển gói dữ liệu dựa trên một giao thức liên mạng đã được chuẩn hoá (IP - Internet Protocol).

thức TCP/IP (Transmission Control Protocol/ Internet Protocol) được coi như một giao thức chuẩn của ngành quân sự Mỹ. Năm 1980 Tổ chức khoa học quốc gia Mỹ NSF thành lập mạng liên kết các trung tâm máy tính lớn với nhau gọi là NSFNET. Giao thức TCP/IP ngày càng phát triển mạnh với khả năng liên kết nhiều mạng khác nhau. Khoảng vào năm 1995, khi các mạng máy tính khác dừng lại hoặc gói gọn trong một phạm vi nào đó thì Internet tiếp tục phát triển mạnh cho tới ngày nay nhờ khả năng phát triển mở rộng, được gọi là mạng của các mạng.

Trong suốt quá trình phát triển của internet, có ba dấu ấn thời gian cần được đề cập đến; thứ nhất là sự ra đời mạng NSF, trong đó phổ biến nhất là dịch vụ E-mail và FTP, vào lúc này, mạng internet chính thức trở thành

Xuất sĩ Làng Mai & Internet

Chân Phương Cần
Chân Trường Nghiêm
Chân Trắng Thiên Hà

Tiền thân của internet được cho là do cơ quan quản lý dự án nghiên cứu phát triển ARPA, thuộc bộ quốc phòng Mỹ liên kết bốn địa điểm đầu tiên vào tháng 7 năm 1969 gồm Viện Nghiên Cứu Stanford, Đại Học Utah, Đại Học California-Los Angeles, Đại Học California-Santa Barbara. Đây là hệ thống mạng liên khu vực (Wide Area Network - Wan) đầu tiên được thành lập, có tên là mạng ARPANET. Danh từ "internet" được biết đến đầu tiên vào khoảng năm 1987. Sau đó không lâu, giao

một phương tiện đại chúng chứ không còn đơn thuần sử dụng trong nghiên cứu. Vụ bùng nổ thứ hai là sự xuất hiện của World Wide Web (www) vào năm 1991 do Tim Berners Lee ở trung tâm nghiên cứu nguyên tử châu Âu phát minh ra. Dựa trên ý tưởng siêu văn bản của Ted Nelson đưa ra từ năm 1985. www đã đưa internet bước lên một vị trí mới hơn với chức năng trao đổi, truy cập thông tin một cách nhanh chóng. Cuối cùng, tháng 8 năm 1999, thuật ngữ Wifi chính thức ra đời, là thuật ngữ chỉ công nghệ không dây kết nối cục bộ đã được

¹được tham khảo từ cuốn sách Brief History of the Internet, bởi group Society Internet

chuẩn hoá. Mạng internet không dây đẩy những tiện ích của con người bước xa thêm nữa trong khả năng kết nối và trao đổi thông tin. Bên cạnh đó là những phát triển trình duyệt 4.0 của các công ty mạng máy tính, càng ngày càng nhiều dịch vụ trên internet, các app điện tử, cổng thông tin,... mà đặc biệt là các trang mạng xã hội.

II. HÌNH ẢNH CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Dựa vào những thành tựu trên đà phát triển, internet đến nay ngày càng có vị thế trong xã hội con người qua hầu hết mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hoá, giải trí, đời sống và cả tôn giáo. Đối với hầu hết tất cả các quốc gia và khu vực trên thế giới, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của đại đa số quần chúng. Với thế đứng và những ảnh hưởng của internet cũng như các trang dịch vụ mạng xã hội đến đời sống như thế, các nền tảng internet cũng đồng thời “bước chân” vào nhiều lĩnh vực của Đạo Bụt như Hoàng Pháp, Giáo dục, Tăng Sự... đó là một sự hoà nhập mang tính phát triển của cộng đồng những người xuất gia, cũng như Làng Mai. Điều đó cho thấy, không chỉ riêng Làng Mai mà với cả cộng đồng Đạo Bụt trên thế giới, lấy sự nghiệp trí tuệ và hoằng pháp lợi sinh làm đầu, từ đó đòi hỏi đời sống cũng như tâm thức của người xuất gia, đặc biệt là người tu trẻ phải có thái độ rõ rệt khi truy cập internet và tham gia vào mạng xã hội. Tại sao vậy? Như thiền sư Quy Sơn từng nói rằng:

“Mục đích của người xuất gia là bước lên cho được bến bờ giải thoát, vì vậy mà cả hai phương diện tâm ý và hình dung, người xuất sĩ không giống với người thế tục. Người xuất sĩ phải nối tiếp và làm rạng rỡ cho được dòng giống của thánh tăng, nhiếp phục được quần ma, báo đền được bốn ân và cứu độ cho ba cõi.”

Người xuất gia (出家) hiểu một cách đơn giản nghĩa là những người bước ra khỏi ngôi nhà thế gian, từ bỏ gia đình, sống cuộc đời phạm hạnh, gác lại tất cả những dục lạc và danh lợi phía sau để bước đi trên con đường giải thoát, tự do. “Gia” ở đây còn có thể hiểu là nhà của tham ái, sân hận và si mê. Xuất gia nghĩa là bước ra khỏi những ràng

buộc hệ lụy của tham sân và si; ba nguồn gốc của tất cả những phiền não trong đời sống phàm tục.

Hình ảnh của một người tu sĩ, có thể nói, là một hình ảnh lý tưởng phi thời gian. Những vị tu sĩ trong thời Bụt nương vào chiếc bình bát để thực hành hạnh khát thực, đi từ nhà này qua nhà khác không phân biệt giàu nghèo, giai cấp. Tài sản chỉ có ba y và một chiếc bình bát. Ngủ thì nương vào những gốc cây, nơi thanh vắng. Lấy sự tỉnh thức làm căn bản để hành trì và thực chứng tuệ giác làm sự nghiệp. Giữa chốn nhộn nhịp phù hoa, một chèo y vàng thanh khiết đầy nội lực đó cũng đủ làm chấn động và nhiếp phục lòng người. Xuyên suốt theo dòng chảy lịch sử, hình ảnh đó về hình thức có thể được thay đổi để phù hợp với thời đại nhưng nội dung thì vẫn như thế. Trong thời đại Lý - Trần của Việt Nam đã có những vị cao tăng lúc

thì ẩn dật làm bạn với núi rừng thiên nhiên. Khi thì chống gậy trúc vân du khắp đất nước để hoằng pháp lợi sinh. Khi thì khép mình vào kinh, luật, luận viện để trau dồi đức hạnh cũng như trí tuệ. Cuộc sống dần tiến hoá và những ngôi chùa được nâng lên thành những ngôi nhà cấp bốn; xuất hiện những mảnh vườn xung quanh chùa để trồng rau, trồng khoai cho những bữa ăn đơn sơ; thậm chí có những chùa chỉ thấp những ngọn đèn dầu đủ sáng để tụng kinh, lạy Bụt. Người cư sĩ phải đến chùa tu tập, nghe giảng, học hỏi giáo lý. Đến đầu những năm 2000, xã hội đã có nhiều phát triển mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công việc vườn tược không còn nữa, các chùa bắt đầu xuất hiện những trang điện tử (website), hoặc blog để truyền tải thông tin và giảng dạy về đạo Bụt.

Đối với chúng xuất sĩ Làng Mai, lấy tinh thần thực tập “Hiện Pháp lạc trú”, và xem “Chánh Niệm” như là trái tim của đời

sống thiền tập, mỗi một vị xuất sĩ Làng Mai đều sống nếp sống quay trở về hiện tại để tiếp xúc với những mẫu nhiệm của sự sống nơi thân tâm và môi trường xung quanh mình. Mỗi một vị xuất sĩ Làng Mai đều lấy Hơi thở chánh niệm, Bước chân ý thức và nụ cười làm căn bản cho đời sống hằng ngày. Kỳ thực, truyền thống thiền tập Làng Mai cũng chỉ tiếp nối những truyền thống đạo Bụt nguyên thủy, hình ảnh của một vị xuất sĩ Làng Mai là sự kết hợp của hình ảnh những vị xuất sĩ sống đời sống “*thanh bản thủ đạo/ ba y một bát*” ngày xưa cùng với sự năng động và tươi trẻ của người xuất sĩ trong thời đại hoà nhập, đặc biệt là môi trường Tây Phương. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra một vị tu sĩ theo truyền thống Làng Mai giữa cả biển người với hình ảnh áo dài nâu, nón lá, chít khăn nâu (nếu là xuất sĩ nữ), bước những bước đi chậm rãi khoan thai và bình an.

Cũng để hoà nhập với thời đại, Làng Mai dần dần tham gia vào các nền tảng mạng xã hội. Để có thêm cơ hội đưa sự thực tập vào đời sống hiện đại, cũng như là những nguồn tư liệu quý giá để chúng xuất sĩ Làng Mai học hỏi và phát triển bản thân đồng thời xây dựng Tăng Thân. Internet và mạng xã hội, theo thời gian, góp một phần không nhỏ vào đời sống và chương trình sinh hoạt, hoằng pháp của Tăng Thân Làng Mai. Do đó, Tăng thân Làng Mai chấp nhận internet là một phần của đời sống hiện tại, tham dự và tận dụng những lợi thế của nó nhưng không đầu tư thời giờ và sức lực để giúp con người thực tập chánh niệm ngay trên internet mà cụ thể là các trang mạng xã hội. Mạng xã hội hay bất cứ cách thức truyền thông nào cũng chỉ nên xem là một mắt xích trong chuỗi các hệ thống thực tập chánh niệm của Tăng thân. Và không có mắt xích nào được xem là quan trọng hơn mắt xích nào. Mạng xã hội cần được nhận thức một cách đúng đắn với vị trí và vai trò của nó và đừng để nó tác động và gây ảnh hưởng tới những sinh hoạt thiền tập căn bản khác của một truyền thống Phật giáo. Và may mắn thay, xuyên suốt những năm tháng



tham dự hoạt động trên mạng xã hội, Tăng thân Làng Mai vẫn giữ được một sự chánh niệm cẩn trọng và không trở nên quá hồ hởi hay thờ ơ với nó.

Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu ảnh hưởng của internet và mạng xã hội vào đời sống của Tăng Thân Làng Mai qua một vài phương diện điển hình.

III. NGƯỜI XUẤT GIA VÀ INTERNET

1. Phương diện hoằng pháp.

Làng Mai là một truyền thống Phật giáo với rất nhiều sự cởi mở, đang từng bước học hỏi và thích nghi để vừa đáp ứng được nhu yếu sinh hoạt online của quần chúng Phật tử, giúp cho họ biết đến pháp môn tu học; cũng đồng thời cân bằng được nếp sống đơn sơ của một người xuất sĩ biết cất những bước chân, nở những nụ cười trong không gian của mây trời, gió trăng mà con người đang dần đánh mất nơi nếp sống bận rộn của đô thị. Nhưng quan trọng hơn hết, ở Làng Mai, có một sự tinh táo mà Sư Ông Làng Mai luôn đề cập tới như là hoa trái của Tăng thân: Đó là tuệ giác tập thể, điều này đang giúp cho Tăng thân tạo được sự cân bằng và dễ dàng vượt qua các trạng thái cực đoan mà rất nhiều đoàn thể Phật giáo đang gặp phải đối với việc hoằng pháp trên không gian mạng. Và Tăng thân Làng Mai vẫn đang tiếp tục học hỏi trên hoa trái này để tiếp tục phát triển và đi tới.

Kể từ khi Sư Ông Làng Mai và Tăng thân được trở về Việt Nam trong các chuyến đi 2005, 2007 và 2008,

ngoài các trung tâm tu học được thành lập, trang nhà Làng Mai (langmai.org) cũng chính thức được ra mắt với rất nhiều công phu và thậm chí, chính Sư Ông đã “cầm tay” quý thầy quý sư cô thiết kế từng mục nội dung trên trang nhà. Với sự có mặt của “ngôi chùa điện tử” – tên gọi mà Sư Ông dùng cho trang nhà, cộng đồng Phật tử người Việt khắp nơi trên thế giới có một phương tiện để tiếp xúc với pháp môn Làng Mai, tiếp xúc với Sư Ông và quý thầy quý sư cô trong một không gian mạng với rất nhiều sự hỗ trợ, chân thật và gần gũi không kém không gian thực. Có rất nhiều người trẻ theo dõi và cập nhật các thông tin, tin tức, hình ảnh, các bài thiền ca, các bài viết của Tăng thân mà nuôi dưỡng được hạnh phúc, niềm tin yêu vui sống của mình. Thậm chí, đã từng có một sư chú chỉ biết đến Tăng thân qua trang nhà đầu tiên, sau đó liên lạc với ban biên tập, tự mình tìm đến chùa Tổ Từ Hiếu và bắt đầu hành trình xuất gia cùng Tăng thân.

Ta tin chắc rằng có rất nhiều những câu chuyện tương tự như trên, trang nhà Làng Mai đã trở thành nhân duyên đầu tiên cho sự xuất gia của rất nhiều vị xuất sĩ Làng Mai hiện tại. Sự có mặt của trang nhà đã giúp ích rất nhiều trong công việc hoằng pháp, nuôi dưỡng niềm tin, hạnh phúc cho con người và gieo hạt giống bồ đề tâm khắp nơi. Tuy nhiên, sau gần 15 năm trang nhà làng Mai ra đời, không gian mạng đã không còn những sự nguyên sơ và đơn giản như trước nữa. Người dùng không còn phải tự mình đi tìm thông tin nữa mà thông tin nay tự tìm đến người dùng với một khối lượng thông tin kinh khủng và đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu, thị hiếu của người dùng. Không gian mạng đã trở nên phức tạp hơn. Cùng với sự xuất hiện của hàng loạt các nền tảng (platform) đồ sộ như Facebook, Instagram,

Youtube, Tik Tok... việc hoằng pháp cũng cần có nhiều hình thái mới để đáp ứng nhu cầu của những người Phật tử sử dụng online, nhất là giới trẻ. Chưa kể, sự có mặt của đại dịch Covid-19 cũng đồng thời thay đổi hẳn phương thức hoằng pháp khi mà con người không thể đến với nhau, chỉ có thể tìm nhau trên không gian mạng, và con người khao khát một phương thức tâm linh để đối trị với những nỗi sợ hãi, lo lắng, khổ đau và mất mát mà họ phải đối diện hàng ngày. Điều đó buộc các truyền thống tâm linh khắp nơi, không chỉ Phật giáo, phải tham dự vào cuộc chơi của các nền tảng không gian mạng để tìm cách đưa giáo pháp đến với con người một cách hiệu quả nhất.

Trên thực tế, đối với các nội dung (content) tiếng Việt, Tăng thân Làng Mai tham gia các các nền tảng khổng lồ như Facebook, Instagram hay Youtube trẻ hơn nhiều so với các truyền thống Phật giáo khác, nhất là đối với một số đoàn thể Phật giáo nổi tiếng tại Việt Nam. Facebook tiếng Việt của Làng Mai Pháp được lập ra từ năm 2014, Facebook tiếng Việt của Làng Mai Thái Lan được lập ra từ năm 2017. Các kênh Youtube cũng được lập ra vào cùng thời điểm tương tự với mục đích đăng tải các bài pháp thoại, các nội dung tu học chánh niệm đến với quần chúng mà không hề có một chiến lược quảng cáo hay phát triển như cách kênh youtube khác. Cùng với các website chính thức của Tăng thân, các kênh Facebook và Youtube trở thành cầu nối giữa Tăng thân xuất sĩ và các vị cư sĩ khắp nơi.

Sự chậm này đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Sự có mặt của trang nhà Làng Mai đã gần như đăng tải toàn bộ nội dung tu học, pháp thoại của Sư Ông, pháp thoại mới nhất của quý thầy quý sư cô, các bài viết, các Lá Thư Làng Mai, các bài thiền ca, những thông cáo chính thức của Tăng thân... Do vậy, đối

với một nền tảng với rất nhiều sự chú ý của quần chúng như Facebook, Tăng thân Làng Mai vẫn chỉ duy trì ở mức kết nối, đăng tải thông tin cần thiết. Tăng thân Làng Mai là một Tăng thân quốc tế với rất nhiều người trẻ, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của cộng đồng xuất sĩ người Việt đòi hỏi rất nhiều sự đầu tư trong công tác giảng dạy và đào tạo – những hoạt động Phật sự điển hình của một đoàn thể Phật giáo truyền thống. Do vậy mà sự chú ý và đầu tư của Tăng thân nơi các nền tảng mạng xã hội là ít hơn hẳn so với một số nơi khác, nhất là trong bối cảnh các nền tảng đó chưa thật sự mang lại một hiệu quả nào cụ thể để giúp cho con người ngày sống một thanh thoi hơn. Chưa kể, sinh hoạt chính của Tăng thân Làng Mai là tổ chức các khóa tu offline, các ngày quán niệm cho các Tăng thân cư sĩ, tổ chức các khóa tu, các ngày quán niệm cho tất cả mọi đối tượng (giáo viên, doanh nhân, nghệ sĩ, cảnh sát...) khắp nơi từ Á sang Âu. Ngoài ra, nếu để ý, khoảng thời gian từ khi Facebook được thành lập đến nay (2008) cũng là khoảng thời gian xảy ra rất nhiều sự biến động đối với Tăng thân Làng Mai trên phương diện phát triển nội chúng, đặc biệt là sự thích nghi của Tăng thân khi Sư Ông bị bệnh và không tham dự trực tiếp vào công tác giảng dạy.

“Trang nhà Làng Mai đã trở thành nhân duyên đầu tiên cho sự xuất gia của rất nhiều vị xuất sĩ Làng Mai hiện tại. Sự có mặt của trang nhà đã giúp ích rất nhiều trong công việc hoằng pháp, nuôi dưỡng niềm tin, hạnh phúc cho con người và gieo hạt giống bồ đề tâm khắp nơi.”

Tất cả những yếu tố nội và ngoại tại trên khiến cho việc hoằng pháp trên không gian mạng của Tăng thân không được đầu tư và phát triển một cách đều đặn và khởi sắc.

Thật ra, sự tách biệt và ít rầm rộ của Tăng thân đối với các không gian mạng xã hội cũng trở thành một sự thú vị và đặc biệt đối với những người Phật tử, kể cả Phật tử trí thức lẫn những người trẻ khi nghĩ về Tăng thân. Họ tìm thấy một không gian đậm chất “quê”, chân thật và nguyên sơ hơn bao giờ hết. Họ như được giải thoát hoàn toàn khỏi mạng xã hội khi được trở về với môi trường tu học cùng Tăng thân. Họ có cơ hội sống thật sự, sống đúng nghĩa khi không phải bị kẹt vào thế giới của màn hình. Không gian của Tăng thân là không gian thật, là không gian mà mạng xã hội không với tới được. Họ được khoe với bạn bè một nơi mà bạn bè họ không thể tìm thấy trên không gian mạng khiến cho họ trân trọng Tăng thân như một nơi thần tiên tách biệt với xã hội bên ngoài.

Tuy nhiên, ta cần phải nhìn sâu vào những nguyên nhân để thấy được vấn đề một cách đa chiều nhằm hiểu được thái độ cần trọng của Tăng thân mà từ đó biết được cách tiếp cận mạng xã hội nào là phù hợp đối với những truyền thống tâm linh. Ngoài những lí do khiến cho Tăng thân không chú trọng phát triển mạng xã hội đã được nêu trên, có một cái thấy khá sâu sắc và thú vị, cái thấy này nghe qua tưởng chừng như có rất nhiều sự cổ hủ nhưng thực tế lại là cái thấy quan trọng nhất, quyết định thái độ tham dự mạng xã hội cũng như tất cả các hoạt động online của Tăng thân Làng Mai.

Trong mỗi khóa tu offline tại Làng Mai, quý thầy quý sư cô luôn khuyến khích và tạo ra rất nhiều sinh hoạt cộng đồng để các vị thiền sinh từ lớn đến bé, từ người trí thức, doanh nhân đến những cô cậu tuổi teen, thiếu nhi buông bỏ bớt việc sử dụng các công nghệ như máy móc để tiếp xúc với thiên nhiên, buông thư thân tâm, chế tác hạnh phúc, trở về hóa giải nội kết trong tự thân và tái lập sự truyền thông giữa bản thân và người thân trong gia đình. Do vậy, việc phát triển các kênh

mạng xã hội ít nhiều khiến cho quý thầy quý sư cô cảm giác mình đang đi ngược lại với những điều mình đã khuyến khích trong các khóa tu. Phát triển mạng xã hội nhiều chừng nào dù là các kênh của Tăng thân, thì thời gian người ta sử dụng mạng internet càng nhiều chừng đó và khiến họ dần đánh mất sự kết nối với những người thân xung quanh, thậm chí là chính bản thân họ. Đó là một tâm lý chung của rất nhiều quý thầy quý sư cô để giải thích về việc chưa đầu tư cho sự phát triển của các kênh chính thức của Tăng thân trên mạng xã hội.

Khoan hãy nhận xét cái thấy đó đúng chỗ nào, sai chỗ nào, vì mỗi góc nhìn sẽ tùy thuộc vào người ủng hộ góc nhìn đó. Ta hãy thử so sánh không gian tiếp cận của các mạng xã hội và trang nhà Làng Mai, đặc biệt là tìm hiểu sâu hơn một chút những câu chuyện bên lề của các trang mạng xã hội đó.

Chỉ cần tỉnh táo một chút để nhìn vào không gian tiếp xúc của các mạng xã hội như Facebook, Youtube, Tik Tok, Instagram, sẽ khiến cho người ta đánh mất bản thân nhiều hơn. Bởi lẽ đứng đằng sau sự phát triển của các nền tảng đó là quá nhiều những động cơ không chính đáng khác muốn thu về nhiều lợi nhuận hơn, muốn thu hút người dùng hơn, muốn người dùng bị dán chặt vào màn hình nhiều giờ hơn hay thậm chí là định hướng dư luận theo nguồn thông tin mà họ mong muốn. Chuyện các mạng xã hội cố lấy thông tin, dữ liệu cá nhân người dùng không còn là chuyện xa lạ hay bất ngờ. Thậm chí, Facebook từng tuyên bố theo dõi người dùng trên từng cú click chuột, từng động tác lướt tay trên smartphone. Gần đây nhất, Instagram bị chỉ trích vì gây ra những tác động tổn hại sức khỏe tinh thần và hình ảnh cơ thể đối những bé gái tuổi teen, và họ sẵn sàng phát triển tầm ảnh hưởng của mình đến những độ tuổi nhỏ hơn!



Quay trở lại thời điểm trang nhà Làng Mai mới ra đời, tâm lý sử dụng internet thời đó khác với hoàn cảnh hiện tại. Mỗi người dùng internet chỉ cần nhớ một vài website mà họ cảm thấy thích và đáp ứng nhu cầu của họ. Thời điểm đó, thông tin không bùng nổ và bị thao túng như hiện tại. Do vậy, việc tiếp xúc trang nhà Làng Mai được diễn ra một cách tự nhiên, không bị tác động và lợi dụng bởi bất cứ một tác nhân nào khác. Cách tiếp cận và tiếp nhận nội dung chánh niệm trên trang nhà Làng Mai mang tính chất bình dị như cách người ta thưởng thức văn hóa đọc sách, chỉ có người đọc và thông tin nguyên bản từ nguồn cung cấp.

Ta có thể phản biện rằng phát triển nội dung chánh niệm trên không gian mạng xã hội không liên quan tới những phần tiêu cực của tự thân không gian mạng xã hội đó, hay thậm chí là có thể

giúp con người ta bớt đi những tiêu cực mà họ tiếp nhận từ mạng xã hội nữa. Điều đó, nghe qua tưởng chừng rằng ta có thể tác động đến mạng xã hội một cách tích cực bằng cách phát triển nội dung chánh niệm trên mạng xã hội. Nhưng nếu nhìn kỹ, thành phần quyết định chuyện người dùng sẽ tiếp cận nội dung gì không phải là những chủ kênh, mà là những nhà quản lý của mạng xã hội đó. Những chủ kênh chỉ là người tham dự, không phải là người quyết định. Chúng ta muốn người dùng tiếp cận nhiều hơn các nội dung chánh niệm mà Tăng thân đưa lên mạng xã hội nhưng nếu căn cứ trên phần lợi nhuận từ thị hiếu của người dùng, nội dung chánh niệm sẽ bị xếp sau rất nhiều những nội dung khác như phim ảnh, thể thao, chính trị, mua sắm... vì thị hiếu cho nội dung chánh niệm là ít hơn hẳn với những nội dung giải trí kia.

Ta hãy đi tới một câu hỏi phản biện nữa: nếu như thế thì việc phát triển trang nhà Làng Mai có được xem như là khuyến khích người dùng internet đánh mất bản thân, dán chặt mắt vào màn hình và theo dõi trang nhà hay không, vì người dùng vẫn phải sử dụng internet để truy cập vào trang nhà? Câu trả lời chắc chắn là không. Bởi nếu xét về không gian tiếp cận (hình ảnh, âm thanh) mà trang nhà Làng Mai tạo ra, chắc chắn người tiếp nhận sẽ cảm thấy bình an và nhẹ nhàng hơn khi tiếp cận các nội dung trên các không gian mạng xã hội. Hãy chú ý tới cụm từ ngôi chùa điện tử được Sư Ông Làng Mai sử dụng. Trang nhà Làng Mai không phải là một trang website đơn thuần chỉ chứa đựng các thông tin, mà là một ngôi chùa điện tử với đầy đủ nếp sống và văn hóa của một ngôi chùa: cổng tam quan, thiền đường, pháp đường, Phật đường, tàng kinh các, đài mây tím (thơ, nhạc). Khi bước vào các không gian của ngôi chùa điện tử ấy, chắc chắn sẽ không mang đến một sự lồi cuồn hay vướng mắc. Con người ta sẽ nhẹ nhàng hơn, dễ dàng học được những thông điệp cần thiết cho bản thân và đời sống thực tế. Chưa kể, các nội dung được thiết kế nơi trang nhà không mang tính câu khách hay đáp ứng các nhu yếu tò mò của người truy cập. Vì thế mà hiệu quả chánh niệm tác động lên trên người xem là một điều ta có thể hình dung ra được.

Chắc chắn vẫn có rất nhiều người đọc được những bài viết, những bài pháp thoại trên không gian mạng và nhận được thông điệp cho bản thân. Nhưng nếu làm một phép toán tỉ lệ thì trong 100% thông tin mà họ tiếp nhận trên mạng xã hội, những thông điệp chánh niệm chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm? Và khi các thông điệp chánh niệm được xem như một thông tin trong một chuỗi các thông tin khi lướt màn hình thì liệu thông điệp đó có thật sự ở lại và ấn tượng với người đọc? Ta có thể thấy được trong biển thông tin đó, chúng ta chỉ là người tham dự cuộc chơi mà không phải là người quyết định. Và những tinh hoa của sự thực tập chánh niệm, nếu không cẩn trọng khi đưa lên mạng xã hội, sẽ chỉ trở thành những thông tin trong rừng thông tin mà mất đi tính thông điệp mà người ta có thể tiếp nhận như cái cách người ta bước vào

ngôi chùa điện tử hay cách con người thưởng thức văn hóa đọc sách.

Nói tới đây, ta có thể thấy mạng xã hội đã trở nên phức tạp và không còn tính chất tự nhiên và chân chất như thời điểm người dùng internet chỉ nhớ một vài kênh thông tin mà họ muốn. Và rõ ràng, sự cẩn trọng của Tăng thân đối với việc phát triển các hoạt động trên các mạng xã hội là một điều cần thiết. Tăng thân không kỳ thị, bằng chứng là vẫn tham gia và giữ kết nối thông tin với người dùng, thậm chí là với rất nhiều Tăng thân cư sĩ. Nhưng để đặt niềm tin và hy vọng người dùng online có thể hiểu được sâu sắc sự thực tập chánh niệm chỉ thông qua qua các hoạt động nghe nhìn trên mạng xã hội, đó không phải là con đường mà Tăng thân nên lựa chọn. Hơn nữa, về nguyên tắc, sự thực tập chánh niệm không phải chỉ là việc đọc hiểu các giáo lý, những bài viết hay với văn chương bay bổng hay được nghe một giọng nói truyền cảm... những hoạt động đó hay, tốt nhưng đừng bao giờ chỉ tin vào những hoạt động đó là đủ để phát triển khả năng chánh niệm trong tự thân của mỗi người. Chưa kể là đối với Tăng thân Làng Mai, sự thực tập của bất cứ cá nhân nào cũng cần được đặt trong hệ thống sinh hoạt của tứ chúng giữa chúng xuất sĩ và cư sĩ. Mỗi cá nhân phải thực tập và tham dự vào sinh hoạt chánh niệm của Tăng thân để cùng nhau học hỏi và nâng đỡ nhau trên con đường thực tập.

(Còn tiếp...)

Nghiên cứu

Chuyên

Mục IV

Đạo Bụt ở Làng Mai là đạo Bụt ứng dụng và chúng ta mong muốn đưa những giáo lý của Bụt trở thành một phương thuốc hữu hiệu cho thời đại. Hẳn nhiên đã có rất nhiều công trình biên tập, nghiên cứu về Đạo Bụt được thực hiện công phu và nghiêm túc bởi các học giả của nhiều nơi trên thế giới nhưng chúng ta đã bao giờ thử tiếp cận với các nghiên cứu đó hoặc tự đặt câu hỏi làm sao để những nghiên cứu ấy bước thêm một bước nữa áp dụng được vào đời sống làm lợi ích chuyển hóa khổ đau cho con người?! Chuyên mục này mong muốn tạo một sân chơi nhỏ cho những vị muốn thử một chút không khí của tháp ngà hàn lâm, tập làm những nghiên cứu nhỏ và giới thiệu đến một môi trường Đạo Bụt mang tính ứng dụng như pháp môn Làng Mai.



I. MỞ ĐỀ

Từ Hiếu,
ngôi chùa Tổ của
đạo tràng Làng Mai và của
những người tu tập theo pháp môn
Làng Mai, như chúng ta biết cũng là một ngôi
cổ tự nổi tiếng ở Huế. Chùa nổi tiếng với bề dày lịch sử
gần hai trăm năm, với phong cảnh thiên nhiên và kiến trúc đã trở
thành danh thắng của vùng đất kinh kỳ, với những giai thoại nổi tiếng
về lòng hiếu thuận, với những bậc tu hành nổi danh bởi đức độ và công
hạnh giáo hóa của liệt vị. Tuy nhiên, vẫn còn đó nhiều điều thú vị mà
chúng ta chưa khám hết về chốn đất tổ linh thiêng này. Bài khảo cứu này
hy vọng sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về hệ thống các câu đối ở chùa Từ
Hiếu, mà thông qua đó chúng ta có thể biết thêm về lối kiến trúc, cũng
như tiếp xúc được với khung cảnh và tâm tình của người xưa, hòa quyện
vào những tư tưởng và lời dạy thâm sâu của Đạo Phật.

Câu đối

chùa Từ Hiếu

Chân Trời Nguyễn Ước
(Khảo cứu và biên soạn)

II. ĐÔI NÉT VỀ HỆ THỐNG CÂU ĐỐI CHÙA TỪ HIẾU

Nhìn toàn thể thì các câu đối ở chùa Từ Hiếu được dùng để trang trí
nhiều nơi. Từ cổng chùa, cổng tam quan, tiền đường, trong chính điện hậu
điện cho đến tháp Hòa thượng Nhật Định, tất cả được trang trí bằng hơn 25
câu đối. Phần lớn những câu đối này được viết bằng chữ Hán ở thể chân, đắp
nổi trên các cột trụ bê tông, khảm sành sứ, hoặc chạm trổ trên những tấm
gỗ. Đề tài chính yếu được thể hiện trong phần lớn các câu đối là về ca ngợi
về vị thế và cảnh đẹp của chùa, ca ngợi Phật pháp, ca ngợi ân vua và ân đức
của các bậc sư trưởng tiền bối. Những câu đối đã góp phần tạo nên một điểm
nhấn trong phong cảnh và kiến trúc của chùa, như tác giả Trần Thị Thanh có
viết: “Hòa với cảnh sắc thâm u ở chốn thiền môn, câu đối
tạo nên một vẻ đẹp trang nhã, thanh thoát cho cảnh chùa
khiến người vãn cảnh như đang được phiêu lãng trong
thế giới hư không, và được tắm mình trong bể từ bi bác ái
của đạo Phật”.



KHU VỰC TRUNG TÂM CHÙA TỪ HIẾU

- 1 Chánh điện
- 2 Nhà tổ
- 3 Quảng Hiếu đường
- 4 Báo Đức đường
- 5 Nhà khách
- 6 Sân khấu
- 7 Tháp tổ Nhật Định

Cổng Tam Quan

Được xây dựng vào năm 1931 trong lần đại trùng tu chùa do Hòa thượng Huệ Minh chủ trì, cổng tam quan chùa Từ Hiếu là một trong số ít cổng tam quan cổ ở Huế còn được bảo lưu nguyên vẹn, mang đậm nét kiến trúc thời Nguyễn. Tam quan xây dựng theo dạng thức cuốn vòm thượng lầu hạ cổng. Phần trên “lầu” dùng để tôn trí tượng Hộ Pháp, hai bên có hai lầu giả tô vẽ cảnh đẹp núi sông xứ Huế. Phần dưới có 3 vòm (tam quan) tượng trưng cho Tam bảo. Bước chân vào chiếc cổng tam quan này chúng ta liền thấy tâm hồn thanh thản.

Ở chính giữa mặt phía ngoài của lầu trên có đề câu đối:

“Tứ hải danh nhân đề cổ tự
Nhất sơn phong vật mỹ thiên tâm”

Tạm dịch:

Bốn biển danh nhân đề thơ về chùa cổ
Một phong cảnh núi non làm đẹp chốn thiền môn thâm u.

Ngay phía bên dưới là câu đối:

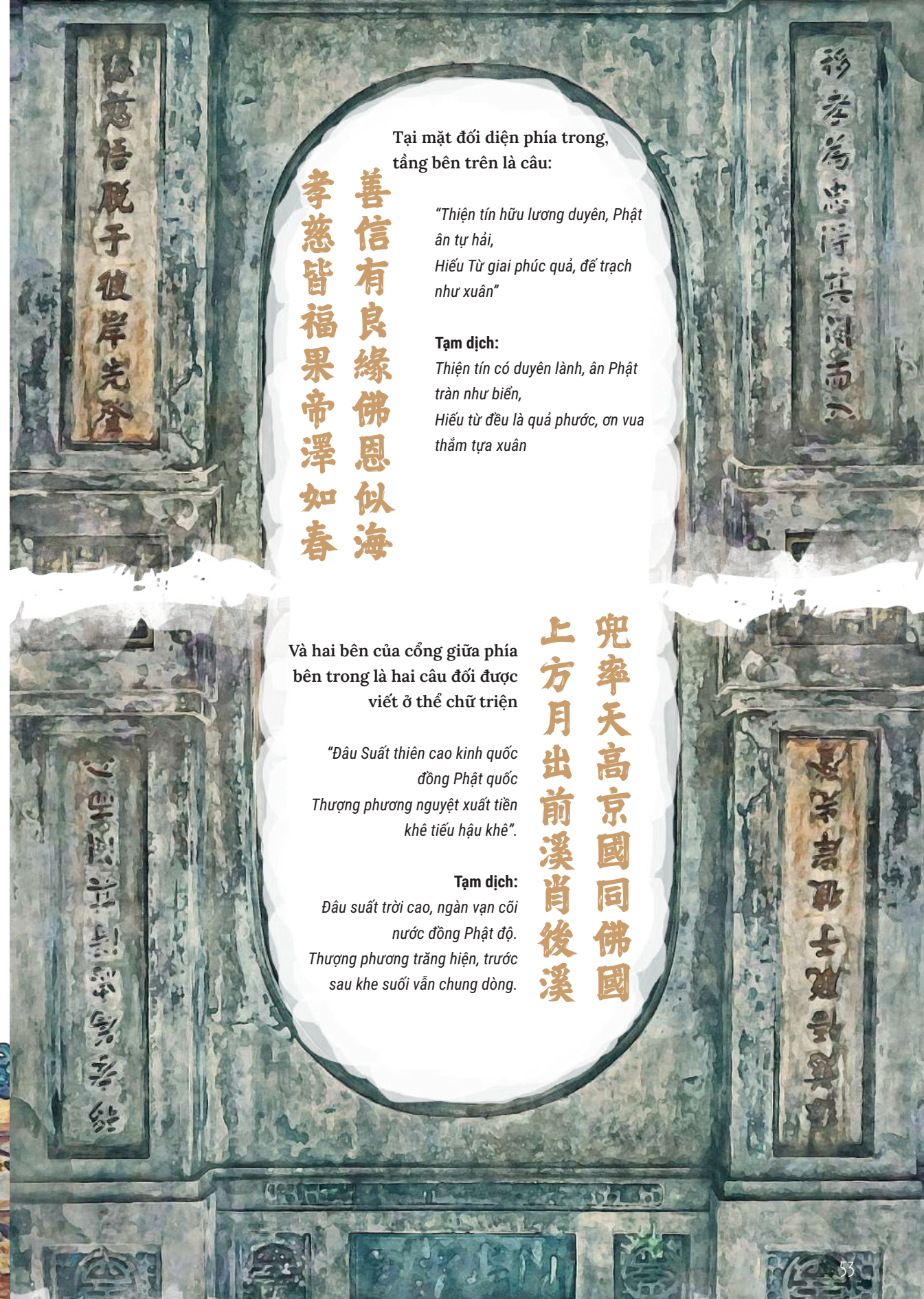
“Di hiếu vi trung, đặc kỳ môn nhi nhập.
Duyên từ ngộ thoát, vu bí ngạn tiên đăng”

Tạm dịch:

Lấy chữ hiếu làm trung, bước được vào cửa Phật
Đem lòng từ soi đạo, đến được bờ cao xa.

移孝為忠得其門而入
緣慈悟脫于彼岸先登

四海名人題古寺
一山風物媚禪深



Tại mặt đối diện phía trong,
tầng bên trên là câu:

“Thiện tín hữu lương duyên, Phật
ân tự hải,
Hiếu Từ giai phúc quả, đế trạch
như xuân”

Tạm dịch:

Thiện tín có duyên lành, ân Phật
tràn như biển,
Hiếu từ đều là quả phúc, ơn vua
thắm tựa xuân

Và hai bên của cổng giữa phía
bên trong là hai câu đối được
viết ở thể chữ triện

“Đâu Suất thiên cao kinh quốc
đồng Phật quốc
Thượng phương nguyệt xuất tiền
khê tiểu hậu khe”.

Tạm dịch:

Đâu suất trời cao, ngàn vạn cõi
nước đồng Phật độ.
Thượng phương trăng hiện, trước
sau khe suối vẫn chung dòng.

兜率天高京國同佛國
上方月出前溪肖後溪

Chánh điện

Chánh điện là nơi thờ tượng của các đức Phật, các đức Bồ Tát và các vị A-la-hán. Trước đây nó cao và rộng vừa phải, nhưng qua năm lần trùng tu, đến bây giờ đã trở nên khang trang và thoáng rộng hơn nhiều, với bề rộng 15 mét, dài 16 mét và cao 9 mét. Lần trùng tu thứ nhất vào năm Thành Thái thứ nhất (Giáp Ngọ - 1894), dưới đời ngài Cương Kỳ. Lần thứ hai vào năm Tân Mùi (1931), dưới đời ngài Huệ Minh. Lần thứ ba vào năm 1962 do Hòa thượng Chân Thiết điều hành. Lần thứ tư vào năm 1971 do thượng tọa Chí Niệm điều hành. Lần gần đây nhất là vào tháng 3 năm 2019, chánh điện chùa được trùng tu trên nền cũ và giữ nguyên diện tích, tất cả các họa tiết trang trí đều được sao chép dựa trên kiến trúc cũ; hoàn tất vào đầu năm 2021.

慈孝不離真佛性
楊春無限見禪機

Hai bên:

"Từ Hiếu bất ly chân Phật tánh,
Dương Xuân vô hạn kiến thiên cơ"

Dịch bởi H.T Thiện Hạnh:

Chùa Từ Hiếu không rời chân tánh Phật,
Làng Dương Xuân không hạn chứng đạo thiên.



Ở phía mặt trước chánh điện, còn gọi là tiền đường, có ghi hai đôi câu đối diễn tả địa thế và ý nghĩa của chùa:

Chính giữa:

"Từ Hiếu tích gia danh khuyến thiên hạ chi vi phụ vi tử
Dương Xuân thành Tịnh Độ vọng tư thế chi như thu như đông"

Dịch bởi thầy Thích Từ Niệm:

Từ Hiếu là hình ảnh đẹp, khuyến thiên hạ trọn đạo cha con,
Dương Xuân là cảnh Tịnh Độ, khiến người đời quên hết thu đông.

Vào bên trong chánh điện, ngay ở gian thờ giữa là hai câu đối:

"Cửu phẩm hoa đài kim tướng trang nghiêm thù tể độ
Thất trùng bảo thọ ngọc hào xán thược phóng quang minh"

Dịch bởi thầy Thích Từ Niệm:

Đài hoa chín phẩm kim tướng trang nghiêm lòng tể độ
Cây báu bảy hàng ngọc hào xán lạn phóng hào quang.

慈孝錫嘉名勸天下之為父為子
楊春成淨土忘斯世之如秋如冬

九品花臺金相莊嚴垂濟度
七重寶樹玉毫燦燦放光明



Phía bên tay phải (từ ngoài vào)
là gian thờ bồ tát Đại Trí, tả hữu
có đề hai câu đối:

"Tuệ nhật lệ trung thiên nhất đoá đàm hoa trình
thụy tướng
Từ vân nhiều đại địa thập phương Phật thánh
giáng trình tường"

Tạm dịch:

Mặt trời trí tuệ sáng giữa trời, một đoá ưu đàm
trình tướng tốt
Đám mây ân từ quanh mặt đất, mười phương Phật
thánh giáng điềm lành.

慧日麗中天一朵曇花呈瑞相
慈雲繞大地十方佛聖降禎祥

Gian thờ Bồ tát Đại Hạnh nằm phía bên
tay trái với hai câu đối:

"Pháp vũ tần thí đại địa thương sanh hàm
triêm đức trạch
Tuệ đẳng biến chiếu phổ thiên thế giới cộng
mộc ân quang"

Tạm dịch:

Mưa pháp rải cùng đại địa, sinh linh thấm
nhuần ơn đức
Đèn tuệ chiếu khắp muôn phương, thế gian
gội ánh từ quang.

法雨頻施大地蒼生咸霑德澤
慧燈遍照普天世界共沐恩光





Khám thờ tổ sư Nhất Định (giữa)
có 2 câu đối:

"Thất tầng tháp kinh niên củng Bắc
Nhất huyền thân thế quy Tây"

Tạm dịch:

Tháp bảy tầng bao năm quy hướng Bắc
Một thân huyền tạ thế trở về Tây.

七層塔經年拱北
一幻身逝世歸西

功德無量瓶鉢因緣成善果
網常不泯裏毛靈爽仗慈航

Ngoài ra, gian thờ giữa còn có 3
cặp câu đối khác nữa:

"Công đức vô lượng bình bát nhân duyên
thành thiện quả
Cương thường bất mẫn lý mao linh sáng
trạng từ hàng"

Tạm dịch:

Công đức vô lượng, bình bát nhân duyên
thành thiện quả
Cương thường bất diệt, ba y ngời sáng cưỡi
thuyền từ.

Khám thờ tổ sư Nhất Định (giữa) có 2 câu đối:

"Đức quả viên thành đệ Lạc Quốc
Pháp đàn diệu ngộ chứng Tào Khê"

Dịch bởi thầy Thích Từ Niệm:

Quả đức viên thành về cực lạc
Pháp đàn diệu ngộ chứng Tào Khê.

德果圓成達樂國
法檀妙悟證曹溪

Tả hữu hai bên (trước liêu Sư Cổ và liêu Sư
Thúc) là câu:

"Từ Hiếu hiển danh ngưỡng bá hươu
quang vạn cổ
Dương Xuân thác tích di tuân an
dưỡng ngũ niên"

Tạm dịch:

Từ Hiếu vang danh, ánh sáng lành
hưng thịnh muôn đời
Dương Xuân mở lối, lòng hoan hỉ an
dưỡng năm năm.

慈孝顯名仰沛休光萬古
揚春拓迹怡洵安養五年

真性虛涵
禪機沙悟
曇花曇落
去有餘香

"Chân tánh hư hàm bát thảo điều linh do vị tử
Thiền cơ diệu ngộ đàm hoa lạc khứ hữu dư hương"

Tạm dịch:

Chân tánh bao la, cỏ thơm héo tàn nhưng chưa hoại
Thiền cơ diệu ngộ, Ưu Đàm hoa rụng vẫn còn hương.



Tổ đường

Nhà tổ là nơi để thờ hòa thượng khai sơn
và những vị kế thừa. Gồm có ba bàn thờ: bàn
thờ giữa thờ các vị Nhất Định, Cương Kỳ và Hải
Thuận; bàn thờ bên phải thờ ngài Tâm Tịnh, Tuệ
Pháp, Chơn Thiệt và Huệ Minh; bàn thờ bên trái
thờ thượng tọa Chí Niệm, hòa thượng Chí Mậu
và các vị khác.

Báo Đức đường

Từ ngoài đi vào, nằm ở phía tay trái của sân khấu là Báo Đức đường, cũng gọi là nhà quá đường. Đây là nơi để quý thầy dùng cơm trưa quá đường hằng ngày vào dịp an cư. Ngôi nhà gồm có ba gian, được xây dựng lần đầu dưới thời hòa thượng Cương Kỳ. Đứng ở sân khấu nhìn vào, ta sẽ thấy hai câu đối ở phía trước bằng chữ Hán:

Đằng trước

"Cổ tự xuất vân sơn hữu ý nhân lai xao thạch khánh
Thiền cư lâm thủy bần vong cơ long đáo thánh kim kinh"

Dịch bởi thầy Thích Từ Niệm:

Chùa cổ vượt tầng mây, khách hữu ý về
khua khánh đá
Nhà thiền ven bến nước, rồng vô tình đến
nghe kinh vàng.

古寺出雲山有意人來敲石磬
禪居臨水畔忘機龍到聽金經

佛化有緣得位得名得祿壽
僧心無量大喜大捨大悲

Đằng sau

"Phật hóa hữu duyên đắc vị đắc danh đắc lộc thọ
Tăng tâm vô lượng đại hỷ đại xả đại từ bi"

Tạm dịch:

Phật độ người có duyên, được danh, được lộc, được phúc báu
Tăng lòng không giới hạn, đại hỷ, đại xả, đại từ bi.

Nhà khách

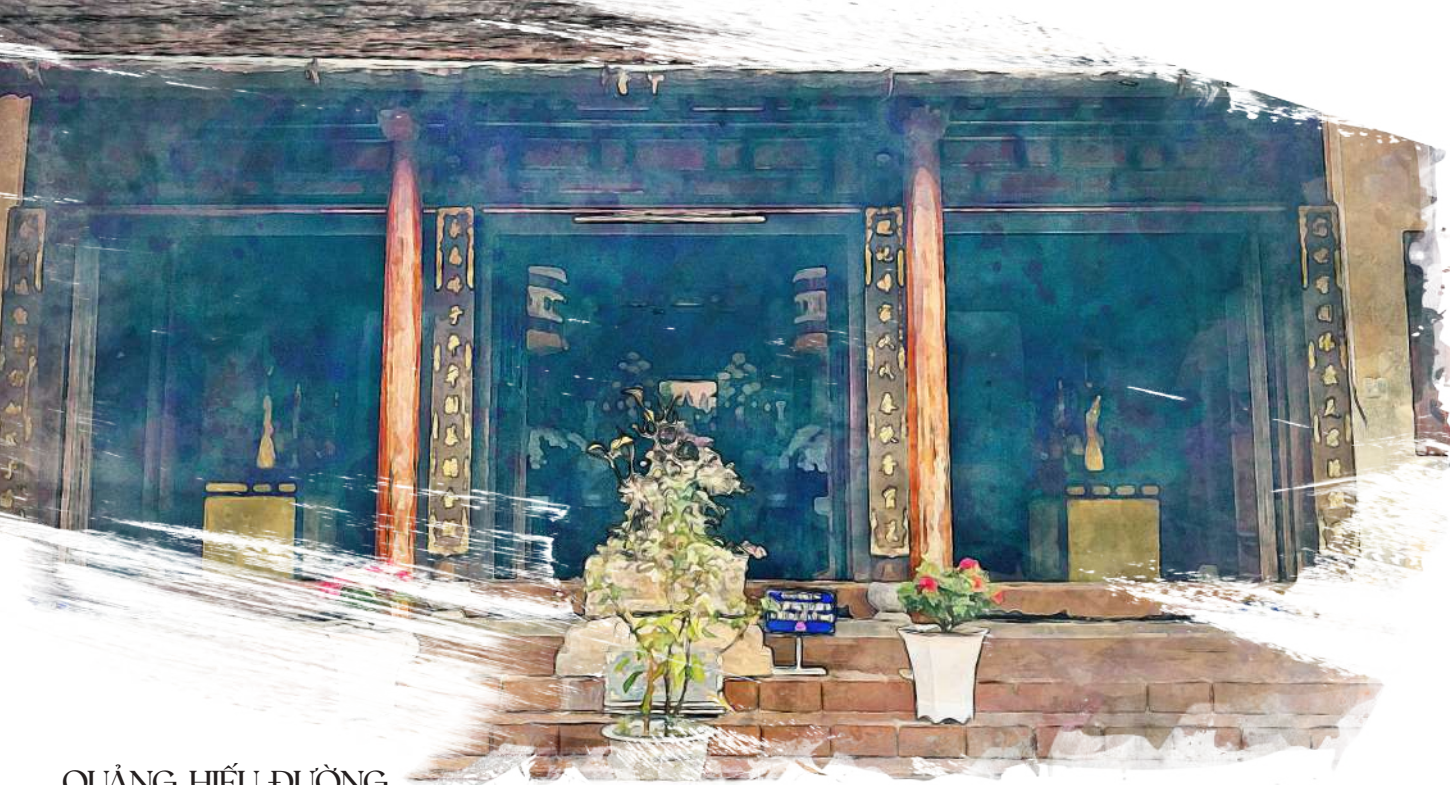
Nhà khách xưa gọi là Hầu Ái Nhật, là chỗ dùng để tiếp khách. Nhà khách nằm ở phía bên phải từ bên ngoài đi vào, ngồi ở đây có thể nhìn ra sân khấu hoặc vườn hoa phía sau. Tại gian giữa có bức hoành đề bốn chữ: Y Bát Trường Tôn, hai bên treo hai câu đối sau:

福果自圓成妙覺得聞丞佛力
善根皆偉應慈航濟渡荷天恩

"Phúc quả tự viên thành, diệu giác đắc văn thừa Phật lực,
Thiện căn giai vĩ ứng, từ hàng tế độ hà Thiên ân".

Tạm dịch:

Phúc quả tự tròn đầy, diệu giác được nghe nhờ Phật lực,
Thiện căn đều ứng hợp, thuyền từ tế độ bởi Thiên ân.



QUẢNG HIẾU ĐƯỜNG

Quảng Hiếu đường thường được gọi là nhà thánh, là một ngôi nhà ba gian nằm đối diện với nhà tổ, cách bởi sân khấu nằm ở giữa. Ngôi nhà được xây dựng cùng một lần với chánh điện, tức là vào năm Tự Đức nguyên niên (1848). Gian giữa thờ Quan Thánh, bên trái thờ các hương linh, bên phải thờ tướng quân Thái giám Lê Văn Duyệt, cụ nhiếp chính đại thần Tôn Thất Hân và cụ Đặng Huy Trứ. Ngoài ra hai bên tả hữu còn có hai khám thờ đối diện nhau, là nơi thờ các quan thái giám có công đóng góp xây dựng chùa. Từ sân khấu nhìn lên Quảng Hiếu đường, ta sẽ thấy bốn câu đối bằng chữ Hán được treo ở lối vào:

永為佛子年年朝暮聽金經
配祀禪家代代春秋香寶蒙

Hai câu đối hai bên:

宿世有因緣最是君臣誼重
今日追勳舊猶如父子情深

"Túc thế hữu nhân duyên tối thị quân thân nghị trọng
Kim nhật truy huân cựu do như phụ tử tình thâm"

Dịch bởi thầy Thích Từ Niệm:

Đời trước có nhân duyên nên vua tôi nghĩa nặng
Ngày nay là thân thuộc như phụ tử tình sâu.

Hai câu đối chính giữa:

"Phối tự thiên gia đại đại xuân thu hương bảo mông
Vĩnh vi Phật tử niên niên triều mộ thánh kim kinh"

Tạm dịch:

Thiên gia thờ tự đời đời năm tháng hương xông ngát
Phật tử tinh chuyên ngày ngày hôm sớm nghe lời kinh.

Tháp Tổ Nhất Định

Tháp tổ Nhất Định nằm về phía Tây của chùa, ngay cạnh bên trái của chánh điện, có tên là An Dưỡng Tháp. Vị trí của tháp nằm ngay trong khuôn viên của Am An Dưỡng xưa - am tranh mà sư tổ đã dựng ban đầu để ở ẩn tu hành và phụng dưỡng mẹ già. Ngôi tháp cao bảy tầng, xung quanh có la thành, trước có nhà bia với hai câu đối:

石碑只在春山上
金錫授飛樂國中

"Thạch bi chỉ tại xuân sơn thượng.
Kim tích thụ phi lạc quốc trung."

Tạm dịch:

Bia đá người dựng trên non cũ
Tích tượng tay cầm đến Tây Phương.

Tả hữu hai bên là hai câu đối:

"Thúy trúc hoàng hoa triêm pháp vũ.
Trường tùng tế thảo ẩm từ vân."

Tạm dịch:

Trúc biếc hoa vàng đều thấm nhuần mưa pháp.
Tùng cao cỏ thấp được che bóng mây từ.

翠竹黃花霑法雨
長松細草蔭慈雲





Thiền đường Trăng Rằm

Thiền đường Trăng Rằm được xây dựng vào năm 1994, với sự tài trợ của Sư Ông Làng Mai, là nơi để quý thầy tham thiền. Thiền đường được xây theo kiểu kiến trúc mới, với nhiều cửa để khi hành giả tham thiền có thể dễ dàng hít được nhiều khí trời. Bên trong thiền đường có thờ tượng ngài Khương Tăng Hội – sơ tổ của thiền tông Việt Nam, và hòa thượng Nhất Định – khai sơn chùa Từ Hiếu. Hai bên bàn thờ là câu đối bằng tiếng Việt:

*Hộ trì sáu căn mỗi phút mỗi giây đi đứng nằm ngồi tâm chánh niệm
Trau dồi ba học khi cười khi nói vào ra tiếp xúc tướng đoan nghiêm.*

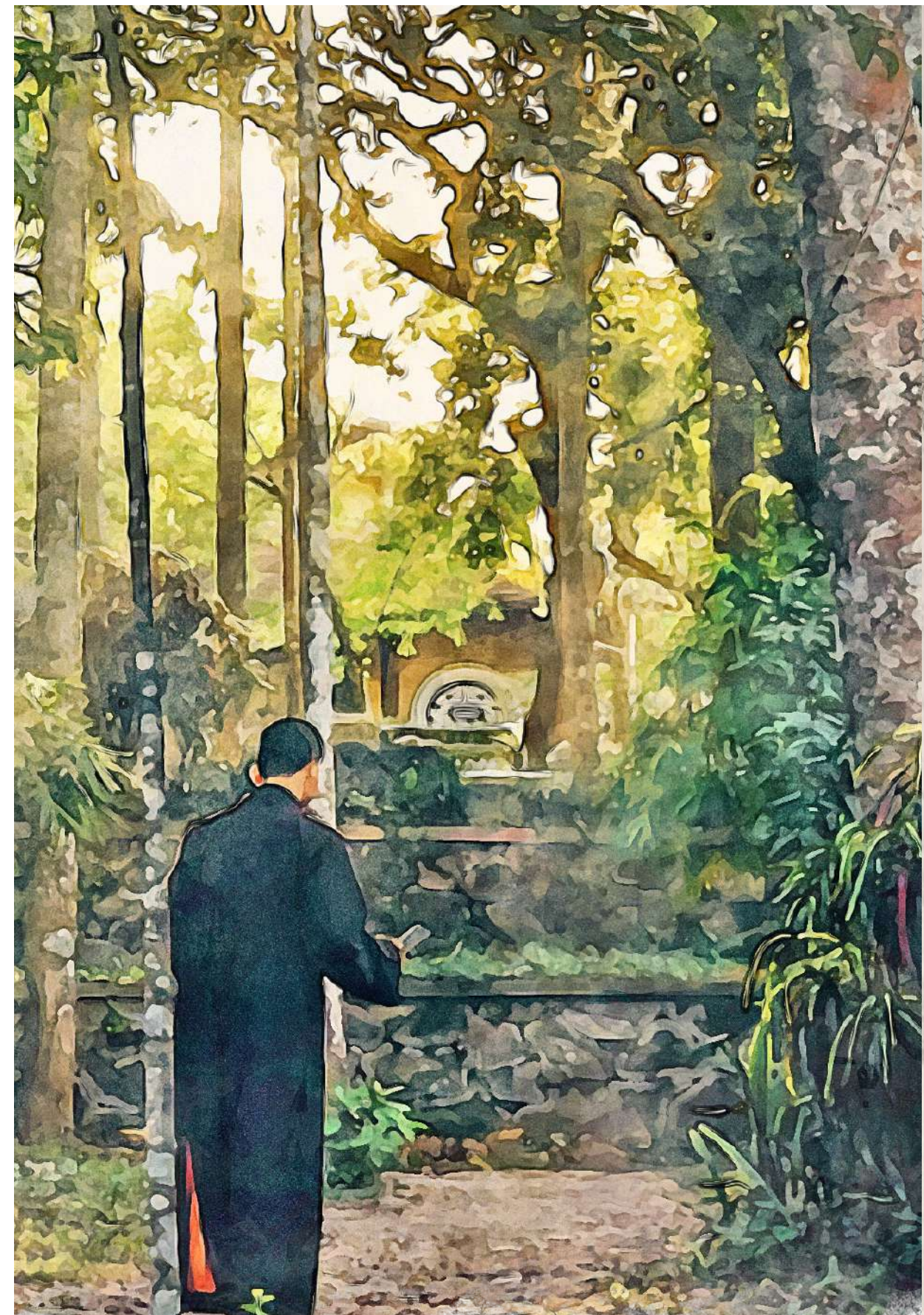
Từ trong thiền đường nhìn ra là một khoảng sân rộng, gọi là Sân Trăng, vì ngôi ở đây vào những đêm trăng sáng ngắm được trăng rất đẹp.

III. LỜI KẾT

“Nhu cây có cội, nhu nước có nguồn”. Từ Hiếu là chốn đất Tổ linh thiêng, là quê hương tâm linh nơi con cháu khắp nơi đều muốn hướng về để tìm lại gốc rễ của mình. Tìm hiểu về hệ thống các câu đối tuy chưa thể cho chúng ta được một bức tranh toàn cảnh về chùa tổ Từ Hiếu, nhưng thông qua đó chúng ta cũng phần nào có cơ hội tiếp xúc được với nguồn năng lượng tâm linh còn rạt rào trong từng nét phong hóa, kiến trúc và con người nơi đây; để thấy được rằng chúng ta có một gốc rễ vững chắc, chúng ta là sự tiếp nối của một truyền thống tâm linh sáng rõ.

Tài liệu tham khảo

1. <https://giacngo.vn/ngam-chanh-dien-to-dinh-tu-hieu-co-do-hue-truoc-va-sau-trung-tu-post54863.html>.
2. <http://lieuquanhue.vn/tam-quan-chua-hue/>.
3. Trần Thị Thanh; *Câu đối ở chùa Từ Hiếu*; Viện nghiên cứu Hán Nôm, Thông báo Hán Nôm, 2003.
4. Thích Từ Niệm; *Chùa Từ Hiếu, quá trình hình thành và phát triển (1847 – 2002)*; Luận văn tốt nghiệp khóa III – viện cao đẳng chuyên khoa Phật học Từ Hiếu, tháng 12 – 2002.
5. *Văn bia chùa Từ Hiếu*; Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 8 (142); 2017.



Duybiểu học

Trong hệ thống giáo lý Làng Mai, bộ môn Duy Biểu học đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Nhờ những hiểu biết về đường lối vận hành của tâm thức mà sự thực tập căn bản về các pháp môn Quán niệm hơi thở và Bốn lĩnh vực quán niệm trở nên sâu sắc hơn rất nhiều. Những giáo lý về Hiện pháp lạc trú, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Vô thường, Vô ngã, Tương tức, v.v. cũng được làm sáng tỏ hơn nhờ đặt dưới ánh sáng của môn tâm học Phật giáo này. Tầm ảnh hưởng của Duy Biểu Học trong pháp môn Làng Mai nói riêng và trong Phật giáo nói chung đã được Sư Ông Làng Mai nhiều lần khẳng định, dù là một cách gián tiếp qua việc nhắc đi nhắc lại câu nói của thiền sư Thường Chiếu: “*Khi ta hiểu rõ cách vận hành của tâm thì sự tu tập trở nên dễ dàng*”; hay nhắc nhở trực tiếp học trò: “*Nếu muốn hiểu được đường hướng của Thầy thì các con phải học cho giỏi Duy Biểu*”; hoặc là trong chí nguyện đem đạo Bụt đi vào xã hội Tây phương: “*Khi sang Tây phương, tôi nhận ra rằng giáo pháp quan trọng về tâm lý của đạo Bụt có thể mở được cánh cửa hiểu biết cho người Âu Mỹ*”. Phật giáo ngày nay sở dĩ có thể đối thoại hay thậm chí là bổ sung được cho các ngành học hiện đại như Vật lý lượng tử, Khoa học não bộ, Thần kinh học, Tế bào học, Tâm lý học và Tâm lý trị liệu cũng là nhờ vào môn Duy Biểu rất nhiều.

Duy Biểu học quan trọng như vậy nhưng phần nhiều chúng ta vẫn còn chưa quan tâm và đầu tư học hỏi đúng mức. Đối với nhiều vị thì đây vẫn là một môn học “*khó nhằn*”, vốn không hề dễ để hiểu được một cách thấu đáo, hướng hồ là đem áp dụng vào đời sống tu tập. Mang nhiều tính chất trừu tượng, đòi hỏi phải tư duy phân tích và logic có thể là những nguyên do; nhưng một trong những rào cản lớn nhất khiến mọi người còn khó tiếp cận với môn học này đó chính là những thuật ngữ chuyên môn mà không phải ai cũng dễ dàng lĩnh hội được. Muốn đi sâu vào Duy Biểu mà không hiểu và không nắm được ý nghĩa của những danh từ như Tàng thức, chủng tử, chủ thể nhận thức, đối tượng nhận thức, biểu biệt, biến kế, tam tự tính, tam lượng, v.v. thì rất khó thành công.

Nói rằng môn Duy Biểu Học ở Làng Mai chưa được quan tâm học hỏi đúng mức thật ra cũng không chính xác lắm. Thực tế thì Sư Ông Làng Mai đã để dành nhiều năm nghiên cứu và giảng dạy rất kỹ cho đại chúng về Duy Biểu Học như trong các mùa an cư năm 1992-1993 (Duy biểu 50 bài tụng), mùa an cư năm 2000-2001 (Luận Nhiếp Đại Thừa) và gần đây nhất là an cư năm 2013-2014 dạy về Duy Biểu Học mới. Bên cạnh đó Duy Biểu còn được trình bày rải rác trong nhiều bài pháp thoại khác của Sư Ông, hay nằm trong chương trình giáo dục của các trung tâm. Vì vậy chúng ta đã rất giàu có về nguồn tài liệu Duy Biểu để học hỏi và nghiên tâm. Gom góp những kho tàng ấy lại, với mong muốn lấy đi những rào cản về thuật ngữ chuyên môn bằng cách đi tìm sự giải thích rõ ràng và đầy đủ nhất cả về mặt ngôn từ và nội dung, góp phần đưa bộ môn Duy Biểu đến gần hơn với đại chúng, chúng con đã cùng nhau lên ý tưởng xây dựng nên chuyên mục “*Thuật Ngữ Duy Biểu Học Giải Nghĩa*”

này. Chúng con đã làm công việc chọn lọc những danh từ thông dụng nhất trong Duy Biểu Học, kết nối với những sự giải thích và trình bày của Sư Ông Làng Mai trong các khóa giảng và các tác phẩm về Duy Biểu Học; cùng với sự tham khảo từ những tác phẩm Duy Thức khác và thêm nữa là phân tích về mặt từ nguyên của thuật ngữ trong ngôn ngữ gốc của nó.

Chuyên mục “*Thuật Ngữ Duy Biểu Học Giải Nghĩa*” này sẽ được trình bày thành hai phần:

Phần Một: Bảng liệt kê danh sách thuật ngữ Duy Biểu Học thông dụng.

Một bản danh sách các thuật ngữ Duy Biểu Học thông dụng theo thứ tự chữ cái sẽ được giới thiệu trong phần này, với mục đích chính là để dùng cho công việc tham khảo và tra cứu nhanh các danh từ. Với mỗi thuật ngữ, người tra cứu sẽ tìm được những tên gọi khác nhau hoặc những danh từ đồng nghĩa với nó (bằng tiếng Việt và Hán), biết được tên chính xác nhất trong tiếng Sanskrit (cả về mặt ký tự), và những cách dịch khác nhau trong tiếng Anh. Chúng con đã liệt kê được tất cả khoảng hơn 370 thuật ngữ, dự định mỗi số của tập san sẽ đăng một bản danh sách với khoảng 60 danh từ.

Phần Hai: Giải nghĩa thuật ngữ Duy Biểu

Một số thuật ngữ nhất định sẽ được giải nghĩa trong phần này. Nhằm mang đến một cái nhìn bao quát và đầy đủ nhất về nội dung, chúng con sẽ trình bày mỗi thuật ngữ dựa trên những phương diện sau:

1. Giải thích ngôn tự: thuật ngữ trong tiếng Sanskrit (hoặc Hán) sẽ được phân tích từ nguyên (tách cấu trúc ngữ pháp, truy gốc động từ) để giúp hiểu được ý nghĩa tổng quan ban đầu (khi chưa qua diễn dịch, hoặc ảnh hưởng bởi tư tưởng tôn giáo).
2. Giải nghĩa: trong phần này nội dung cơ

bản nhất của thuật ngữ sẽ được trình bày để giúp người đọc nắm được một cách ngắn gọn súc tích nhưng đầy đủ. Để tăng tính khách quan, công việc giải nghĩa mỗi thuật ngữ sẽ cố gắng để trình bày được cái thấy của cả hai truyền thống:

- Làng Mai: dựa trên những bài giảng của Sư Ông Làng Mai và những tác phẩm về Duy Biểu của Làng Mai.
- Truyền thống: sự trình bày và giải thích trong những tác phẩm cổ điển của Duy Thức Pháp Tướng Tông.

3. Tài liệu cần tham khảo: Vì bước giải nghĩa trên chỉ cung cấp được một cái nhìn phổ quát về nội dung của thuật ngữ, cho nên phần Tài liệu tham khảo này sẽ đóng vai trò hỗ trợ cho những vị có nhu cầu tìm hiểu sâu hơn nhằm mục đích nghiên cứu hoặc giảng dạy, bằng cách dẫn thêm những nguồn về sách, tài liệu và băng giảng có liên quan đến thuật ngữ.

Phần Hai này cũng được xây dựng dựa trên sự tương tác với độc giả. Dựa vào bảng danh sách thuật ngữ trong Phần Một, độc giả có thể gửi yêu cầu muốn được giải nghĩa một số danh từ trong đó về cho Ban biên tập chúng con. Chúng con sẽ chọn lọc và giải thích theo cách thức đã trình bày như trên. Vì giới hạn về độ dài của tập san nên chúng con xin phép mỗi số của chuyên mục chỉ giải thích được cho khoảng 5 thuật ngữ theo nguyện vọng của độc giả. Với những thuật ngữ còn lại chúng con vẫn sẽ cố gắng tiếp tục hoàn thiện công việc giải nghĩa và hy vọng sẽ có đủ duyên để được chia sẻ trong một ấn bản hoàn chỉnh khác.

Nhóm biên tập chúng con tuy có nhiều ý tưởng và nhiệt huyết để xây dựng chuyên mục, nhưng hầu hết trong chúng con đều còn non trẻ và cái thấy vẫn còn chưa đủ sâu sắc, đôi khi trong quá trình biên tập còn mắc nhiều sai sót và vụng về. Vì vậy rất mong nhận được sự chia sẻ, góp ý và cả phản biện từ phía đại chúng để chúng con được tiếp tục học hỏi, dần rút thêm kinh nghiệm và hoàn thiện về nội dung qua mỗi số của tập san.

Stt	Thuật ngữ	Tiêu tương đương
1	A-đà-na thức	Chấp trì thức
2	A-lại-da duyên khởi	
3	A-lại-da thức	Tàng thức
4	An Huệ (457 - 555)	
5	Ảnh tượng	Ảnh phản chiếu
6	A-tỳ-đạt-ma	Luận, Thắng Pháp, Vi Diệu Pháp
7	A-tỳ-đạt-ma Câu Xá Luận	Câu Xá Luận
8	Ba nghiệp	Tam nghiệp
9	Bạch tịnh thức	
10	Bản hữu chủng tử	Hạt giống sẵn có, Bản trụ chủng tử
11	Bản môn	Bản thể, vật tự thân
12	Bản thức	Tàng thức, căn bản thức
13	Báo thân	Thọ dụng thân
14	Bát bất	
15	Bát địa	Bất động địa, Địa thứ tám
16	Bất nhị	Vô nhị, không hai
17	Bát Thức Quy Củ Tụng	Bài Tụng Mẫu Mục Về Tám Thức
18	Biến kế	Biến kế chấp, Phân biệt
19	Biến kế sở chấp (tự tính)	
20	Biệt nghiệp	
21	Biểu biệt	Liễu biệt, biểu, liễu
22	Biểu biệt cảnh	Sáu thức đầu, liễu biệt cảnh
23	Biểu hiện	Hiện hành, biểu
24	Biểu tượng	Giả thiết
25	Bình đẳng tánh trí	Vô phân biệt trí
26	Bồ đề	Đạo, giải thoát, giác ngộ
27	Bốn đại	Tứ đại

Tiếng Sanskrit	Tiếng Anh	Tiếng Hàn
Ādāna Vijñāna	Appropriating consciousness	阿陀那識, 執持識
Ālaya-Pratītya-samutpāda	Inter-arising with Store Consciousness	阿賴耶緣起
Ālaya Vijñāna	Store consciousness	阿賴耶識, 藏識
Sthiramati	A scholar-monk (in 6th century)	安慧
Pratibimba	Projections of consciousness, reflection	影像
Abhidharma	The Superlative Dharma, Systematic Dharma	阿毗達磨, 勝法, 論
Abhidharmakośa śāstra	Treasury of Super Dharma	阿毗達磨俱舍論
Trīni-karmāṇi	The three activities.	三業
Śukla-vijñāna	The pure consciousness	白淨識
Prakṛtistham-bījam	Innated seeds	本有種子, 本住種子
	The ultimate dimension, The fundamental part, noumenon	本門
	The root/base consciousness, store consciousness	本識
Sambhoga-kāya	Retribution body, reward body	報身, 受用身
	The eight negations	八不
Aṣṭa-bhūmi, Acalā-bhūmi	The 8th ground/realm of Bodhisattva, the immovable ground/realm	八地, 不動地
Advaya	Non-duality, non dualistic	不二, 無二
	Verses Delineating the Eight Consciousnesses	八識規矩頌
Parikalpa, vikalpa	"Discrimination, thought, consideration, mental construction"	遍計
Parikalpita (svabhāva)	The nature of imaginery construction and discrimination, the nature of discrimination, the imagined nature	遍計所執自性
Karmāntara	Specific karma, Differentiated karma	別業
Vijñapti, Pratītya-vijñapti	To manifest as an object of perception, double manifestation	了別; 了; 表; 表了; 顯
Viśaya-vijñapti, vijñaptir viśayasya	The perception of sense-objects, The perception of the reality of the world	了別境, 表別境
Vijñapti	Manifestation	了別, 表別
Upacāra	Metaphor, designation	假說
Samatā-jñāna	The wisdom of non-discrimination, the cognition of the equality of all things.	平等性智, 無分別之智
Bodhi	Enlightenment, awakening	覺/菩提 & 佛
Mahābhūta, catvāri mahābhūtāni	The four great elements	四大

<i>Stt</i>	<i>Thuật ngữ</i>	<i>Tiêu tương đương</i>
28	Bốn duyên, tứ duyên	Duyên khởi, nhân duyên sinh
29	Cảm thọ	Thọ
30	Căn	Giác quan
31	Căn bản phiền não	
32	Căn bản thức	
33	Căn bản y	
34	Cảnh	Đối tượng nhận thức, trần
35	Câu hữu	Tương đãi, tương tức
36	Câu hữu y	Tương đãi y
37	Câu sinh ngã chấp	
38	Chân Đế (499-569)	
39	Chân hiện lượng	
40	Chân như	Thực tướng
41	Chân như duyên khởi	
42	Chân tâm	
43	Chân tỷ lượng	
44	Chánh niệm	
45	Chất điểm	
46	Chủ nghĩa Duy Nghiệm	
47	Chủ nghĩa Duy vật	
48	Chủ thể nhận thức	Kiến phần, năng duyên
49	Chủng tử	Hạt giống, tiềm thể, tiềm năng, lực trường (<i>khoa học</i>)
50	Chủng tử lục nghĩa	Sáu tính chất của hạt giống
51	Chủng tử thập nhị nghĩa	Mười hai tính chất của hạt giống
52	Chủng tử y	
53	Chuyển	
54	Chuyển thức	
55	Chuyển y	
56	Cộng biểu	Cộng biến
57	Cộng nghiệp	Nghiệp cộng đồng
58	Cộng tướng	Tướng chung

<i>Tiếng Sanskrit</i>	<i>Tiếng Anh</i>	<i>Tiếng Hán</i>
<i>Catvāraḥ pratyayāḥ</i>	The four fundamental conditions	緣
<i>Vedanā</i>	Feeling, sensation	受
<i>Indriya</i>	Sense organs	根
<i>Mūla-kleśa</i>	The primary afflictions	根本煩惱
<i>Mūla vijñāna</i>	Root Consciousness	根本識
<i>Mūlāśraya</i>	fundamental basis	根本依
<i>Viśaya</i>	Object, the perceived	境
<i>Saha-bhū</i>	Co-existing	俱有, 相待
<i>Saha-bhūtāśraya</i>	Shared bases	俱有依, 相待依
<i>Sahaja-atma-grāha</i>	Innate attachment to self	俱生我執
<i>Paramārtha</i>	Zhēndì	真諦
<i>Pratyakṣa-samyak pramāṇa</i>	Direct perception of reality, accurate perception	真現量
<i>Tathatā</i>	Self nature of thing-in-itself, Suchness	真如
<i>Tathatā-Pratītya-samutpāda</i>	Production from suchness through the action of causation	真如緣起
	True mind	真心
<i>Anumāna-samyak</i>	Correct inference	真比量
<i>Smṛti, samyak-smṛti</i>	Mindfulness	正念
	Particles	
	Empiricism	
	Materialism	
<i>Darśana-bhāga</i>	Subject, the perceiver	見分/能緣
<i>Bīja</i>	Seed	種子
	The six characteristics of seeds	種子六義
	The twelve characteristics of seeds	種子十二義
<i>Bijāśraya</i>	Seed-basis	種子依
<i>Paravṛtti</i>	To transform	轉
<i>Vijñāna-parāvṛtti</i>	Forthcoming consciousness(es), Manifestly functioning consciousness(es)	轉識
<i>Āśrayaparāvṛtti</i>	Transformation at the base	轉依
<i>Sahavijñāpti, Sāmānya-vijñāpti</i>	Collective manifestation	共表
<i>Sādhāraṇa-karma</i>	Collective karma/action, shared karma	共業
<i>Sāmānya-lakṣaṇa</i>	Shared characteristics	共相

giải nghĩa thuyết ngữ

A-ĐÀ-NA THỨC (Chấp trì thức)

I. Giải thích ngôn tự

C: 阿陀那識, 執持識

- 執 (Chấp): tiếp nhận, cầm, nắm, giữ.
- 持 (Tri): bảo trì, gìn giữ.

S: Ādāna vijñāna

- Ādāna: (ā- √dā: to grasp, to hold, to receive): taking, seizing, grasping.
- Vijñāna: the act of distinguishing or discerning, understanding, comprehending, recognizing, intelligence, knowledge.
 1. Vi (prefix): to distinguish.
 2. Jñāna (√jñā : to know, to perceive, to recognize): knowing, becoming acquainted with, knowledge; conscience.

E: Appropriating consciousness.

II. Giải nghĩa

A-đà-na thức là tên gọi khác của thức thứ tám, còn được dịch là Chấp trì thức. Chấp là tiếp nhận; Trì là bảo trì, giữ gìn không để mất. Vì thức này là thức gốc giữ gìn cảm quan, thân thể, không để hư nát. Hơn nữa, thức này nắm giữ hạt giống của các pháp, không để mất mát. Lại vì nó nắm giữ chính nó, làm cho sự kết sinh nối nhau liên tục, bởi thế gọi là Chấp trì thức (thức nắm giữ). Theo các dịch giả mới của tông Pháp Tướng, như ngài Huyền Trang, Khuy Cơ v.v... thức A-đà-na là cái thể lực nắm giữ nghiệp thiện ác và thân thể hữu tình, không để hư hoại, vì thế cho nó là tên khác của thức A-lại-da thứ tám.

Kinh Giải thâm mật cũng nói như vậy: “Thức a-đà-na cực kỳ sâu thẳm, vi tế; tất cả chúng tử như dòng thác lũ. Ta không vén mở cho phạm ngu, vì chúng sẽ chấp nó là tự ngã.” Nó là cái nắm giữ các chủng tử, và chấp thọ y xứ của sắc căn, và cũng là cái chấp thủ chuỗi tương tục của kết sinh; do đó, thức này được gọi là A-đà-na.

III. Tài liệu cần tham khảo

- Luận Nhiếp đại thừa; An cư kết đông 1999-2000 tại Làng Mai; Pháp thoại ngày 05-12-1999; langmai.org.
- Luận Thành Duy Thức; Tuệ Sĩ; Tiết VIII: Chứng minh sự tồn tại của Căn Bản Thức.
- Kinh Giải Thâm Mật Q.1 phẩm Tâm Ý Thức Tướng; Nhiếp Đại Thừa luận bản Q.Thượng; luận Thành Duy Thức Q.3; Đại Thừa Nghĩa Chương Q.3; Pháp Hoa Huyền Nghĩa Q.5

Chú thích: Ký hiệu “√” theo sau bởi một từ (ví dụ: √dā) được gọi là gốc từ. Trong tiếng Phạn, mỗi từ đều có một dạng trừu tượng được liệt kê trong từ điển và được gọi là gốc từ (root word). Các dạng khác nhau của một từ đều được hình thành từ gốc từ này.

Ví dụ: từ Bija có nghĩa là hạt giống, được hình thành từ gốc từ √bis, nghĩa là đi, di chuyển, phân chia, lớn lên, thúc đẩy, kích thích.

A-LẠI-DA THỨC (Tàng thức)

I. Giải thích ngôn tự

C: 阿賴耶識 (A-lại-da thức, 藏識 (Tàng thức)

- 藏:
 1. Tàng (động từ): dành chứa, tồn trữ (tàng trữ); giấu, ẩn núp (ẩn tàng).
 2. Tạng (danh từ): kho, chỗ chứa đồ (pháp tạng, luật tạng).
- 阿賴耶 (ālaya): Nguyên nghĩa chỉ cho cái nhà, chỗ trú ẩn, do đó Hán cũng có khi dịch là quật trạch (hang ổ).

S: Ālaya vijñāna

- Ālaya: (√li : to stick, to adhere, to cling to): An abode, a house, a dwelling, a receptacle.
- Vijñāna: the act of distinguishing or discerning, understanding, comprehending, recognizing, intelligence, knowledge.
 1. Vi (prefix): to distinguish.
 2. Jñāna (√jñā : to know, to perceive, to recognize): knowing, becoming acquainted with, knowledge; conscience.

E: Store consciousness.

II. Giải nghĩa

Tàng thức hay A-lại-da thức là tên một thức nằm trong hệ thống Tám thức (xem Tám thức) của Duy Thức tông. Đây được coi là thức căn bản, là nền tảng biểu hiện của 7 thức còn lại. Tàng có nghĩa là giữ lại và duy trì (keep and preserve). Tàng thức là thức có nhiệm vụ tiếp nhận, duy trì và làm biểu hiện ra hạt giống, hình hài năm căn và môi trường sống: “Thọ huân trì chủng căn thân khí” (Thành Duy Thức Luận – Huyền Trang).

A-lại-da thức có 3 chức năng:

- Năng tàng: là chủ thể dung chứa (xem Năng tàng)
- Sở tàng: là đối tượng được dung chứa hay của sự dung chứa (xem Sở tàng)
- Ngã ái chấp tàng: chứa đựng những luyến ái về cái tôi (xem Ngã ái chấp tàng)

A-lại-da thức có 3 đặc tính:

- Hằng tùy chuyển: nghĩa là vừa chuyển vừa hằng. Tính chất của Tàng tuy là sát-na vô thường và cố nhiên là vô ngã, nhưng vẫn có sự tương tục. (Xem Hằng tùy chuyển)
- Vô phú: không bị ngăn che, không bị che lấp, luôn chiếu sáng. (xem Vô phú).
- Vô ký: không thiện không ác – vượt thoát ý niệm thiện và ác. (xem Vô ký)

III. Tài liệu cần tham khảo

- Bụt Là Hình Hài, Bụt Là Tâm Thức (Buddha Body, Buddha Mind); Chương 02: Tâm vận hành như thế nào?; Thích Nhất Hạnh; NXB Phương Đông.
- Sách Duy Biểu Học; Thích Nhất Hạnh; NXB Lá Bối; bài tụng số 1 – 15.
- Duy Biểu Học mới; Pháp thoại ngày 28.11.2013 và 01.12.2013; An cư kiết đông năm 2013-2014 tại Làng Mai; langmai.org.
- Nhiếp đại thừa luận; Chương 02: Sở tri y; An cư kiết đông năm 1999 – 2000 tại Làng Mai.
- Kinh Nhập Lăng Già Q.2, Q.7; luận Quyết định tạng Q.thượng; Pháp hoa huyền nghĩa Q.5 phần dưới; Trung quán luận số Q.7 phần đầu; Đại thừa nghĩa chương Q.3 phần cuối; Hoa nghiêm không mục chương Q.1; Duy thức liễu nghĩa đăng Q.4 phần đầu.

BÁT ĐỊA (Bất động địa, Địa thứ tám)

I. Giải thích ngôn tự

C: 八地, 不動地

- 地 (địa): đất, khu vực, cõi nước.
- 不動 (bất động): không di dời, không di chuyển được, không lung lay được.

S: Aṣṭa-bhūmi, Acalā-bhūmi

- Aṣṭa (in compound for *aṣṭan*): Eight.
- Acalā (in compound for *acala*; √cal: to shake, move): not moving, immovable; a mountain, rock.
- Bhūmi (√bhū : to obtain, to gain): the earth, soil, ground

E: The 8th ground/realm of Bodhisattva, the Immovable ground/realm.

II. Giải nghĩa

Theo đạo Bụt Đại thừa, trên con đường đạt được giác ngộ, một vị Bồ tát phải đi qua mười giai đoạn gọi là thập địa, từ địa thứ nhất là Hoan Hỷ Địa đến địa thứ mười là Pháp Vân Địa. Bát Địa hay Bất Động Địa là địa vị tu chứng thứ 8 trong Thập địa của hàng Bồ Tát. Đạt đến địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, đã biết chắc khi nào mình sẽ đạt quả vị Phật, và được dự vào hàng Bất Thối Chuyển.

Theo Duy Thức Học, từ địa thứ nhất đến địa thứ bảy, A-lại-gia vẫn còn bị níu kéo. Và khi đạt tới địa thứ tám, tức là Bất Động Địa - nghĩa là thành tựu được trí tuệ Ba La Mật - nơi đây, Bồ Tát đạt tới được trí tuệ Ba La Mật và an trú trong vô tướng thanh tịnh, không còn bị các phiền não chướng và sở tri chướng làm lay động. Lúc bấy giờ cái cấu sinh ngã chấp được đoạn trừ và A-lại-gia được giải phóng. Ở đây, theo Duy Biểu mới thì A-lại-gia không cần phải được giải phóng vì tự thân của A-lại-gia đã là trí tuệ chiếu sáng (Đại viên cảnh trí), là thực tại nhiệm mầu của không sinh không diệt, không đến không đi, không nhiễm không tịnh, không một không khác... Cái thức cần được phóng khí phải là thức Mạt-na và các chuyển thức khác, nghĩa là các chuyển thức cần thực tập quán chiếu để buông bỏ, vượt thoát ý niệm đối đãi, nhị nguyên để thể nhập với thực tại bất nhị, tương tức của Tàng - thực tại tối hậu.

III. Tài liệu cần tham khảo

- Duy Biểu Học; Thích Nhất Hạnh; Bài tụng số 22.
- Hoa Nghiêm kinh thám huyền kí Q.3; Hoa Nghiêm kinh khổng mục chương Q.3; Ngũ giáo chương thông lộ kí Q.6.

BẤT NHỊ (Vô nhị, không hai)

I. Giải thích ngôn tự

C: 不二, 無二

S: Advaya

- A: prefix to express a negative meaning.
- Dvaya: (√dva: two): twofold, double, couple, pair.

E: Non-duality, non-dualistic.

II. Giải nghĩa

Trong thế giới hiện tượng này sanh khởi đủ loại sự vật, hiện tượng, giống như mình người, nam nữ, già trẻ, vật tâm, sống chết, thiện ác, khổ vui, đẹp xấu, v.v., chúng được chỉnh lý theo hai trục đối lập. Tuy nhiên, các cặp phạm trù này không phải có thực thể tồn tại độc lập, cố định, mà trên cơ sở của Không (*s: śūnya*), Vô Ngã (*s: nirātman, nairātmya*), căn đề của chúng là Bất Nhị, Nhất Thể (一體). Bất Nhị là cách nói khác của Không về mặt quan hệ. Một trong các kinh điển Bát Nhã giải thích về Không là Duy Ma Kinh (*s: Vimalakīrti-nideśa, 維摩經*); trong Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn (入不二法門品) của kinh này có giải thích rất rõ về pháp môn Bất Nhị như:

- Đức Thủ Bồ Tát viết: “Ngã, ngã sở vi nhị, nhân hữu ngã cố, tiện hữu ngã sở; nhược vô hữu ngã, tắc vô ngã sở, thị vi nhập Bất Nhị pháp môn”
- Đức Thủ Bồ Tát nói rằng: “Tôi và cái của tôi là hai; nhân vì có tôi mới có cái của tôi; nếu không có tôi, tất không có cái của tôi; đó là vào pháp môn Không Hai.”

Từ đó, Bất Nhị cũng như Không là chơn tướng của sự vật; hiểu được điều này được gọi là ngộ.

Để tránh việc bị kẹt vào danh từ, Làng Mai giải thích thêm: bất nhị nghĩa là không phải hai, nhưng cái không phải hai đây cũng không phải là một. Vì vậy mà thay vì nói một ta nói là bất nhị. Bởi vì nếu có một thì phải có hai. Nếu chúng ta muốn tránh hai thì phải tránh luôn một.

Trong Duy Biểu Học mới, khi thức Mạt-na đạt tới trí tuệ bình đẳng, trí tuệ vô phân biệt thì nó đạt tới chân như tánh cảnh và những hạt giống như phiền não... đều chuyển thành bồ đề, nghĩa là thấy được tính tương tức tương nhập giữa phiền não và bồ đề do buông bỏ được tính biến kế - phân biệt, kỳ thị, chấp ngã của nó. Tất cả mọi pháp đều phát khởi từ Tàng thức, do đó chúng có cùng bản chất với Tàng. Không có gì cần phải loại trừ; phiền não cũng chính là bồ đề. Đó là tuệ giác bất nhị.

III. Tài liệu cần tham khảo

- Tri Kỳ Cửa Bụt; Thích Nhất Hạnh; Chương 15: Tìm Niết bàn ngay trong sinh tử; NXB Phương Đông.
- Kinh Duy Ma Cật; Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn.
- Đại Thừa Nghĩa Chương 1.

CHUNG TỬ

(Hạt giống, tiềm thế, tiềm năng, lực trường)

I. Giải thích ngôn tự

C: 種子

S: Bija ($\sqrt{\text{bis}}$: to go, to move, to split or grow, to incite or urge on): seed (of plants), semen (of men and animals), seed-corn, grain.

E: Seed, germ.

II. Giải nghĩa

Hạt giống (chủng tử) có nghĩa là mầm sống, hạt mầm, hạt giống. Hạt giống là tiềm năng (potentialities) phát hiện ra các hiện tượng tâm lý, sinh lý và vật lý.

Theo sách Duy Biểu Học, những hạt giống trong Tàng thức là biểu hiện của tất cả những gì ta đã làm, đã kinh nghiệm, đã có nhận thức hoặc có tri giác. Tất cả những học vấn, tài năng, hạnh phúc, kiến thức, khổ đau, kinh nghiệm... của ta đều đang có mặt trong dạng chủng tử. Các tâm hành (tâm sở) của ta, gồm có 51 loại, tích cực hay tiêu cực, hữu lậu hay vô lậu đều có mặt trong thức A lại gia dưới dạng chủng tử, chờ đợi điều kiện để phát khởi.

Theo Duy Thức Tông, chủng tử là phương diện tiềm thế - năng lực ẩn tàng của mọi cấu trúc tinh thần và vật chất được chứa sẵn trong A-lại-da thức, có công năng sinh ra tất cả pháp hữu lậu, vô lậu và các pháp hữu vi. Nó lưu hành thế tiềm ẩn dưới dạng hạt giống như là kết quả của nghiệp lực - tức là những hành động của ba nghiệp (thân, khẩu, ý) và điều kiện hiện hành.

Khoa học bây giờ cho rằng nguyên ủy của vũ trụ là những lực trường 力場 (force field). Lực trường giống như những công năng trong Duy Biểu học tức là những chủng tử. Ta không thấy được những hạt giống đó nhưng khi có đủ nhân duyên thì chúng biểu hiện. Ví dụ như nhìn hộp quẹt thì ta biết có ngọn lửa, nhưng ta chưa thấy ngọn lửa. Ta biết ngọn lửa đang ẩn nấp đâu đó. Nó đang ở trong dạng công năng, trong thế tiềm phục của nó, dưới dạng một năng lượng. Nó chưa biểu hiện ra nhưng không phải là nó không có, nó đang nằm trong trạng thái hạt giống. Công năng là hạt giống, khoa học dùng chữ lực trường.

Chủng tử có 2 loại: Bản hữu chủng tử (hạt giống sẵn có) và hạt giống mới trao truyền (Tân huân chủng tử). (Xem Hạt giống sẵn có, Hạt giống trao truyền)

Theo Duy Thức Học, chủng tử có 6 đặc tính: Sát-na diệt, Quả câu hữu, Hằng tùy chuyển, Tánh quyết định, Đãi chúng duyên, và Dẫn tự quả. (Xem Chủng tử lục nghĩa)

Theo Duy Biểu Học mới, chủng tử có 12 đặc tính: (Xem Chủng tử thập nhị nghĩa)

1. Sát na vô thường (thay vì sát na diệt)
2. Quả câu hữu (quả đi sát liền với nhân, không thể lấy nhân ra khỏi quả)
3. Hằng tùy chuyển (tuy sát na vô thường và vô ngã nhưng vẫn có sự tương tục)
4. Tánh vô ký (thay vì tánh quyết định)
5. Đãi chúng duyên (dựa vào nhau để biểu hiện)
6. Không có không không
7. Không trong không ngoài
8. Không cũ không mới
9. Không nhiễm không tịnh
10. Không một không khác
11. Không tới không đi
12. Không chung không riêng

III. Tài liệu cần tham khảo thêm

- Sách Duy Biểu Học, Thích Nhất Hạnh; NXB Lá Bối, Bài tụng 1,2,3,4,5,6.
- Bút Là Hình Hải, Bút Là Tâm Thức; Thích Nhất Hạnh, NXB Phương Đông; Chương 2: Tâm vận hành như thế nào?
- Trăng Sao là Tâm Thức - Ta Là Trăng Sao; langmai.org.
- Pháp thoại ngày 23 & 26.01.2014 tại Làng Mai, trong khóa An Cư Kết Đông 2013-2014; langmai.org.
- Kinh Giải thâm mật Q.2 - luận Câu xá Q.4, Q.5 - luận Du giả sư địa Q.5, Q.51, Q.52 - luận Hiện thức - luận Hiện dương thánh giáo Q.17 - Thành duy thức luận thuật kí Q.7 phần cuối - Du giả luận kí Q.13 phần trên, Q.13 phần dưới - Luận Thành Duy Thức 2.

DANH SÁCH NHỮNG THUẬT NGỮ DUY BIỂU SẼ ĐƯỢC GIẢI NGHĨA TRONG SỐ TIẾP THEO: Danh sắc, Dị thực, Đới chất cảnh, Hành, Huân tập

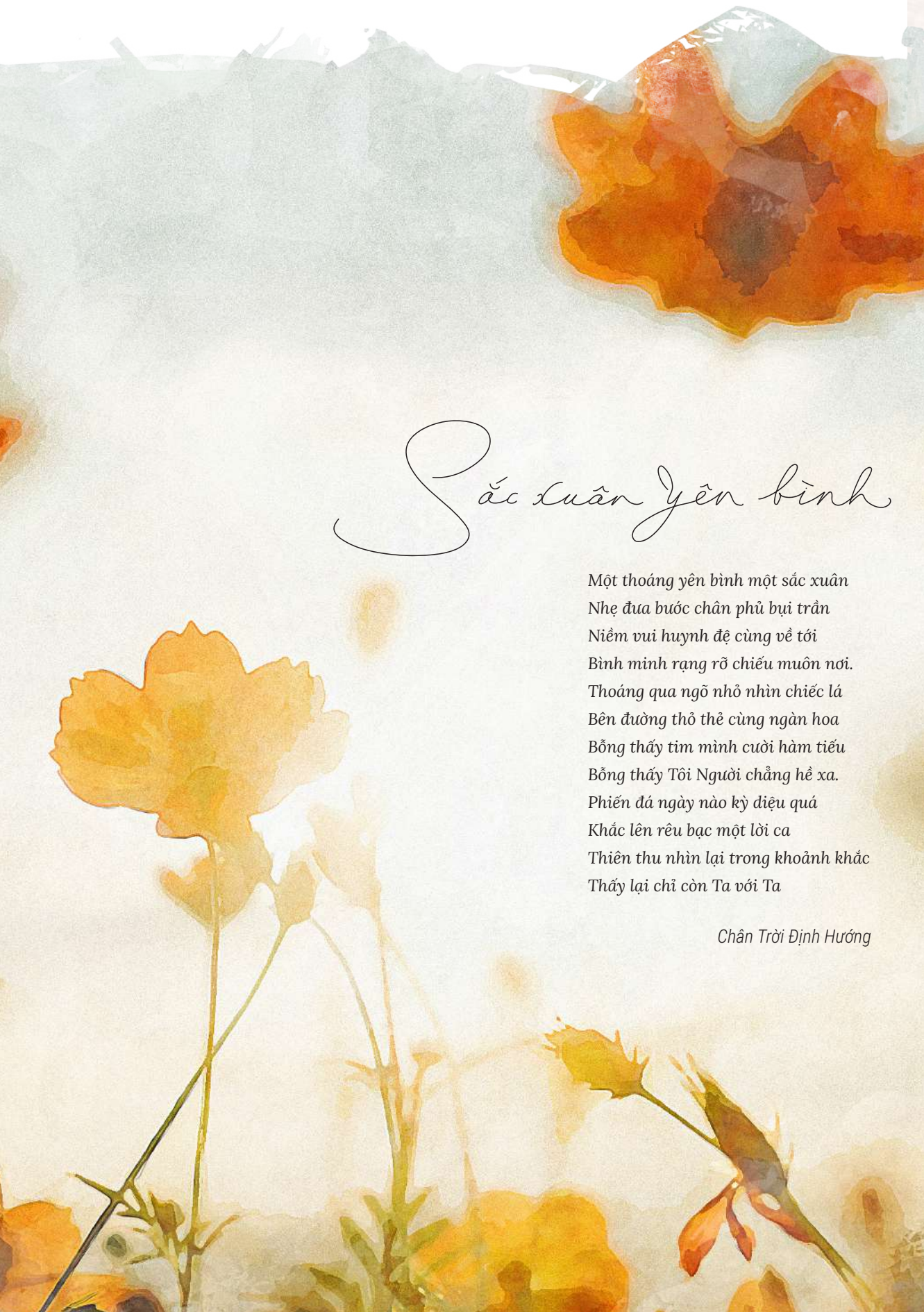
NHỮNG NGUỒN TÀI LIỆU GỢI Ý ĐỂ THAM CỨU

1. Sách Duy Biểu Học; Thích Nhất Hạnh; NXB Lá Bối
2. Bút là hình hải, Bút là tâm thức; Thích Nhất Hạnh; NXB Phương Đông
3. Duy Biểu Học mới; Pháp thoại An cư kiết đông 2013-2014 tại Làng Mai; langmai.org
4. Luận Nhiếp đại thừa; Pháp thoại An cư kết đông 1999-2000 tại Làng Mai; langmai.org
5. Sách Tri Kỹ Cửa Bút; Thích Nhất Hạnh; NXB Phương Đông
6. Luận Thành Duy Thức; Tuệ Sĩ dịch và chú; NXB Hồng Đức
7. Từ Điển Phật Học Huệ Quang
8. Thư viện hoa sen; thuvienhoasen.org/tudien
9. Sanskrit Dictionary; sanskritdictionary.com
10. Từ điển Hán Việt Thiệu Chử

Kính xin mời gọi quý thầy quý sư cô cùng tham gia giải nghĩa cho những thuật ngữ này và gửi kết quả về cho chúng con qua địa chỉ email: tapsan.bbt@plumvillage.org.

Hạn cuối nhận bài gửi về là vào ngày 31-12-2022.

Những phần giải nghĩa nào đạt yêu cầu sẽ được chọn để đăng trong số tiếp theo, đồng thời tác giả cũng nhận được nhuận bút từ Ban biên tập.



Sắc Xuân Yên bình

Một thoáng yên bình một sắc xuân
Nhẹ đưa bước chân phủ bụi trần
Niềm vui huynh đệ cùng về tới
Bình minh rạng rỡ chiếu muôn nơi.
Thoáng qua ngõ nhỏ nhìn chiếc lá
Bên đường thô thể cùng ngàn hoa
Bỗng thấy tim mình cười hàm tiếu
Bỗng thấy Tôi Người chẳng hề xa.
Phiến đá ngày nào kỳ diệu quá
Khắc lên rêu bạc một lời ca
Thiên thu nhìn lại trong khoảnh khắc
Thấy lại chỉ còn Ta với Ta

Chân Trời Định Hướng

Chuyên
Mục
V

Văn nghệ

“Mục đích của văn nghệ là gây hứng thú mỹ cảm cho người thưởng thức và đồng thời trình bày thực tại theo tinh thần tứ diệu để dễ làm phát sinh nơi người đọc nhận thức cần thiết về những vấn đề thiết thực nhất của sự sống, phát triển và nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp trong lòng họ, và cuối cùng động viên họ tham dự vào công việc diệt trừ khổ đau và kiến tạo an lạc. Một nghệ phẩm mà đạt được từng đó mục đích thì là một nghệ phẩm lý tưởng. Một nghệ phẩm chỉ đạt tới một phần của mục đích trên thì cũng là một nghệ phẩm có ích.” (Đạo Phật Hiện Đại Hóa)



Nhớ khi xưa người cùng ta biểu hiện
Giữa khung trời thình vãng mệnh mông
Khoảnh khắc xưa luôn thồn thức trong lòng
Sống!
Biết rằng chữ đèn đáp nghĩa núi sông?
Người lặng hỏi
Đám mây cười không nói
Trống liên hồi
Đàn chim xa vắng gọi
Mỗi cánh nhìn
Rong ruổi ánh bình minh
Ta sóng bước nguyện xưa tình ước cũ
Thử nghiệm mình trong nếp sống tâm linh
Bước chân đi mang nặng gánh ân tình
Giữa dòng đời trên nền giấy trắng tinh
Ta chợt nhớ khoảng không gian thực tại
Nhưng lại nhìn vạn vật lắm khi khinh
Đã lắm khi giết mình trong quên lãng
Mộng ước nhiều nên đời lắm chông chênh
Hôm ngang qua bao khoảnh khắc trong mình
Biết nói rằng chữ sau những chuyến lênh đênh
Người ngao ngễ
Chút khó khăn chi nản
Bước đồng hành người hát khúc vô sinh
Mấy bận ta chần chừ khôn biết
Giữa ngã đường rẽ bốn rẽ năm
Người nhạo báng
Ta! Kẻ lữ hành cô độc
Chốn phiêu bạt sống như kẻ vô danh
Lối ta đi không kẻ đồng hành
Đếm ngược thời gian người hỏi ta
Sao được?
Phí đời hoài chạy mãi bóng lợi danh
Dầm ba bữa thân tan thành cát bụi
Tiếc nuôi chi hề
Thôi chữ bỏ
mãi tắt bật tháng năm
Lượm châu báu trong thùng rác rến

Chà rửa đi đến khi sạch thì thôi
Những tình hoa chữ ta không đánh đổi
Trời cao núi biếc
Một thời bao nông nổi
Một đời say- còn mơ- còn luân hồi mãi
Phút bồi hồi
Mỉm cười chào
áng mây nhẹ thông dong
Rủ bỏ đi bao bụi đất trong lòng
Để trống không ta thấy ra mầu nhiệm
Để cuộc đời hoá màu vẽ mệnh mông
Rồi những khi
Ta chùng vai mệt mỏi
Sân khấu cuộc đời lắm vai diễn đa mang
Chợt nhận ra sau giây phút ngỡ ngàng
Những rối ren trong lòng bao xúc cảm
Bước tiến lùi dẫm nát cõi thênh thang
Người cười vang
Sao cứ mãi buộc ràng
Trong nhỏ nhen những tầm thường phân biệt
Nẻo an nhiên một lần ta phải quyết
Áo một màu hoà nhịp với thiên nhiên
Khung quá khứ đã làm nên hiện tại
Chữ học buông ta bỏ nỗi ưu phiền
Trò chơi ly biệt
Cách trở thời gian
Như nắng nhạt xuân tàn
Như hoa đông ẩn diệt
Có những khi người trú đông biến biệt
Trời mây độ vào thu

Hỏi có nghe thấy tiếng ta chẳng?
Tiếng va đập muôn trùng
Vô thường trong sinh diệt
Ta lặng nhìn vạn pháp hoá không gian
Chợt thấy ta muôn ngàn
Đời rong ruổi đã bao kiếp lang thang
Người chỉ ta những sự thật phủ phàng
Học đối diện gọi tên dù phiền diện
Người cười bảo
Hề hấn chi dăm ba chuyện
Cõi thế gian vạn điều khôn tả xiết
Miệng chỉ nói thêm lời thêm phân biệt
Biết rằng chữ!
Chắc gì ai đã biết
Mỗi một người là vạn khối không gian
Nên ta thôi
Than vãn bớt lắm than
Được mất chỉ chữ ván cuộc thời gian
Ta xin
Tháng ngày chút bình an
Về ngắm lại nụ cười trong tịch diệt

Tĩnh tú muôn ngàn
Người yên lặng
Gợi lời mời gió nắng
Khẽ nhẩn ta nhắm mắt mở trái tim
Vạn lối lắm rút ra làm kinh nghiệm
Người nhẹ nhàng
Thôi bỏ chớ đeo mang
Người - ta chợt ngỡ ngàng
Đã bao kiếp gùm công xiết chặt
Giờ buông xuống người cười trong tĩnh mặc
Chốn cũ năm xưa người - ta về góp nhặt
Hỏi chỉ chữ!
Bây giờ ta phó mặc
Tự do chữ
Vạn sự hoá thênh thang
Chiều ngang qua chén trà ta ngắm lặng
Phút bình yên người cùng ta đối mặt
Mọi bận lòng tất yếu có thành không.

Nguyễn Xưa

Chân Tiếp Nghiêm

truyện **Sở ý**

Trích trong tập san
văn nghệ "Giữ thơm
quê mẹ" Số 1 tháng
bảy năm 1965 do Lá
Bối xuất bản.

Nguyên tác: *Thầy Làng Mai*
Vẽ minh họa: *Trăng Mãn Chiếu*

Bé Dũng nhảy tung tăng trên con đường đi đến ngọn đồi trước chùa Thanh Tịnh. Chú điệu Hương đã hứa với Bé chiều nay đưa Bé lên đồi chơi và hái hoa. Chú đã dặn với Bé rằng sau khi tan học thì Bé đến dưới chân đồi, có chú đợi ở đây. Chiều nay bãi học sớm hơn mọi hôm một giờ, Bé đã tạt vào nhà cất sách vở và uống một ly nước mưa, nhưng hình như vẫn còn sớm. Nắng vẫn còn nhuộm đủ ngọn đồi. Nhưng gió chiều đã thổi. Trời cũng mát như buổi sớm mai, và cũng hồng như buổi sớm mai. Con đường tới chùa ngoan ngoan nằm dài, in hình bóng cây bóng lá.

Bé đã đến dưới chân đồi. Nhưng lạ chưa, cảnh vật hình như thay đổi. Mái tam quan vẫn in hình mờ nhạt trên ngọn đồi bên kia. Nhưng ngọn đồi bên này hình như không còn nữa. Bé thấy một đồng cỏ xanh tận ngút ngàn, cỏ mượt như nhung và màu xanh quyến rũ Bé một cách lạ lùng. Bé chạy lại và lẫn mình trên nệm cỏ. Hương cỏ ngát ngào, à mà không, những cây hoa có bông tím bông vàng trà trộn trong cỏ đã tỏa ra một thứ hương diệu kỳ pha lẫn với màu cỏ đồng quê quen thuộc. Bé đứng dậy. Một cửa rừng hé mở

trước mặt Bé: tiếng đón chào líu lo của một đôi hoàng anh trên cành một thứ cây lạ khiến Bé không còn ngại ngùng. Bé bước vào rừng. Một cảnh tượng đẹp dễ lạ kỳ hiện ra trước mặt Bé. Có những cây mà lá trong xanh như làm bằng ngọc bích. Có những cây mà cánh như bằng vàng, lá như bằng bạc. Có những cây mà hoa trái như lóng lánh ánh Kim cương. Mỗi bước, Bé thấy một kỳ quan mới lạ. Mỗi bước, Bé thấy một thứ hoa trái tuyệt vời. Có những bông Hàm Tiểu đơm sương, có những đoá Mãn Khai trĩu nặng trên cành yếu. Có những chồi non lên mạnh như tuổi thơ nhân loại. Mỗi thứ tỏa một mùi hương diệu kỳ. Bé càng vào sâu, khu rừng càng trình bày trước mắt Bé nhiều kỳ hoa dị thảo. Càng lúc càng thấy mới hơn, lạ hơn. Nhưng Bé đã ngộp, đã quá ngộp. Bé không chịu nổi nữa. Sức Bé không đủ để chịu đựng cái kho vô tận mênh mông của muôn vạn kỳ hoa dị thảo này. Bé không dám bước tới nữa. Bé trở lui, dần dần ra khỏi khu rừng. Đồng cỏ lại hiện ra với màu xanh mát dịu như tình

mẹ; làm đắm trong màu xanh đó là muôn màu khác nhau của các cây hoa nhỏ rải rác đó đây. Bé lại thấy ước ao được lẫn mình trong nệm cỏ. Bé ngồi xuống, mở giấy giấy, cời giấy cầm tay, hai chiếc giấy nhỏ xíu như hai bàn chân nhỏ xíu của Bé. Bé rón rén bước trên cỏ mềm, sung sướng đặt chân trên màu xanh êm mát của cỏ.

Bé đã quên hết. Quên rằng mình mới ở trường về. Quên rằng mình đang đi tới nơi hẹn với chú điệu Hương. Bé ngồi xuống cỏ, đặt giấy xuống cạnh và vuốt ve một bông hoa tím. "Hay là ta hái bông tím này chơi": bé nghĩ. Và Bé đưa bàn tay nhỏ bé định ngắt. Nhưng bỗng dưng đất động, cả đồng cỏ hình như rung chuyển thật mạnh, làm bé thất thần. Bé vội đứng dậy, tay trái nắm lấy đôi giấy, mắt nhìn ngơ ngác. Đồng cỏ vẫn rung chuyển, như đất dưới chân bé sắp sụp đổ đến nơi. Bé hoảng hốt bỏ chạy. Bé chạy thật mau. Bé nhảy vọt ra đường. Và khi quay lại, đồng cỏ biến mất.

Đồi thông trước chùa vẫn y nguyên như mọi hôm.



Bé dụi mắt nhìn kỹ lại: chẳng có đồng cỏ, chẳng có khu rừng nào cả. Chỉ có những cây thông cần cỗi mọc thưa thớt trên đồi. Dựa lưng nơi một gốc thông, chú điểu Hương hình như vừa ngủ dậy. Chú dụi mắt. Chú không trông thấy Bé. Chú đưa tay lên vỗ nhẹ trên trán chú. Hình như chú nhúc đầu.

Bé thở hổn hển, tiến lại chào chú. Chú đưa tay ra cho Bé. Nhưng rồi chú rút tay lại và đưa lên trán. Chú vẫn nhúc đầu. Bé thấy chú nhúc đầu. Bé biết chú nhúc đầu. “Nào, dẫn em đi chơi

trên đồi, đi chú.” Nhưng “không,” chú không trả lời. Hình như chú không muốn đưa Bé đi chơi chiều hôm nay. Chú đứng dậy nắm tay Bé, cố gắng dìu Bé đi. Nhưng chú lão đảo suýt ngã. Chú phải ngồi xuống bên một gốc thông. Bé nhìn chú. Chú nhìn Bé: “Sao em chỉ có một chiếc giấy?”

Bé nhìn lại thì quả thật trong tay Bé chỉ có một chiếc giấy. Chiếc giấy nhỏ xiu, phẳng phất một thoáng hương kỳ ảo. Chiếc kia, Bé đã làm rơi trong đồng cỏ .



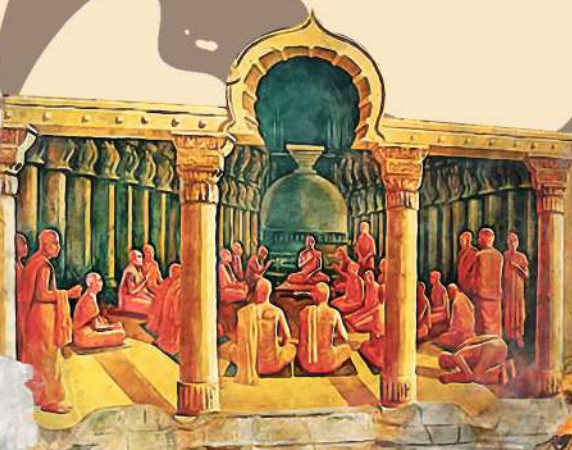
Trong Tay Nhận Thức

Trời Hải Thượng
Trăng Bối Diệp
Trời Học Sơn

Trong số báo này và hai số báo sắp tới, nhóm biên tập xin giới thiệu tiểu sử của mười bốn nhân vật lớn trong lịch sử của đạo Bụt theo chọn lựa của cuốn Buddhist World ấn bản 2016 – nhà xuất bản Routledge. Đây là tổng hợp mới nhất các kết quả nghiên cứu Phật giáo dành cho các học giả và sinh viên quan tâm. Cuốn sách đã dành một phần không nhỏ để trình bày về tiểu sử, tư tưởng của những người con Bụt có ảnh hưởng đặc biệt hoặc tiêu biểu từ khởi nguyên đến thời hiện đại. Trong lời nói đầu, tổng biên tập viết: “Việc lựa chọn những người nào để giới thiệu gặp phải rất nhiều khó khăn. Trong suốt lịch sử 2.500 năm, Phật giáo đã tạo ra hàng ngàn danh nhân... Tất cả những người được chọn giới thiệu đều đã có những đóng góp đáng kể cho phương diện giáo lý, thực hành hoặc cho xã hội. Tất cả đều đại diện cho một khía cạnh cụ thể của truyền thống, chẳng hạn như triết học (ví dụ: các ngài Nāgārjuna, Wōnhyo, Asaṅga và Vasubandhu) hoặc sự thực hành (ví dụ, ngài Nichiren và Milarepa). Những người khác được chọn vì tầm quan trọng của họ đối với xã hội hoặc đối với nền Phật giáo toàn cầu đương đại (ví dụ: Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ XIV, thiền sư Thích Nhất Hạnh và Đại sư Ấn Thuận). Không có bài viết nào trong phần này có thể coi là toàn diện hoặc thậm chí đại diện hết cho các truyền thống của Phật giáo – sự lựa chọn chỉ là những mong muốn làm nổi bật một số cá nhân đã ảnh hưởng đáng kể đến một hoặc nhiều lĩnh vực mà thôi... Thế giới Phật giáo tổng thể bao gồm hàng trăm triệu người có chung một cam kết đức tin đối với lời dạy của Đức Bụt. Không thể nói rằng một vài minh họa về các nhân vật này cung cấp một cái nhìn đầy đủ, nhưng chúng tô điểm cho sự đa dạng của thế giới Phật giáo quá khứ và đương đại trong các biểu hiện khác nhau của nó.”

Có lẽ vì tổng biên tập lần này là một học giả mạnh mẽ lên tiếng bảo vệ Tây Tạng nên đã không có tên tuổi nào của Phật giáo Trung Quốc đại lục được chọn (Đại sư Ấn Thuận là một đại diện của Đài Loan). Vì các bài viết gốc nặng về nghiên cứu nên nhóm biên tập chỉ giới thiệu một số ý chính của các học giả. Dù vẫn trung thành với tinh thần chung của bản gốc, một số thông tin thiết thực bên ngoài đã được dẫn thêm để quý thầy quý sư cô có được liên hệ gần gũi hơn. Nhóm biên tập cũng xin dịch và đăng tải bằng niên đại để chúng ta có được cái nhìn xuyên suốt chiều dài lịch sử Phật giáo, cũng như đặt các nhân vật vào đúng thời điểm lịch sử bên cạnh những tên tuổi khác chưa được giới thiệu kĩ.

niên biểu Đạo Phật



485-405 TCN

Thời Phật
Śākyamuni
tại thế

405 TCN

Hội đồng kết tập kinh điển
lần đầu tiên ở tại thành
Vương Xá
(Rājagṛha)

327-325 TCN

Alexander Đại Đế
xâm chiếm Ấn Độ

322-298 TCN

Triều đại vua
Candragupta Maurya
(vua Hộ Nguyệt của
triều đại Không Tước)
tại Ấn Độ

305 TCN

Hội đồng kết tập kinh điển
lần thứ II tại
Tỳ Xá Ly
(Vaisali)

284 TCN

Hội đồng kết tập kinh điển
lần thứ III tại
Thành Hoa Thị
(Pataliputra)

272-236 TCN

Triều đại của
Vua A-Dục
(Asoka)

247 TCN

Phái đoàn truyền giáo
của Ngài Mahinda
đến Tích Lan



200 TCN

Bắt đầu thời kì
Phật Giáo Đại Thừa
tại Ấn Độ

200 TCN - 100 CN

Ấn Độ bị xâm chiếm
bởi Śūṅgas, người Iran,
bộ tộc Śakas và Kushans

25-17 CN

Tam tạng kinh điển Pali
được viết xuống
tại Tích Lan

161-137 TCN

Triều đại của vua
Duṭṭhagāmaṇi tại Tích Lan,
bắt đầu thiết lập Phật giáo
thành Quốc Giáo

127-151 CN

Ở triều đại của
Vua *Kaṇiṣka*
(Ca Ni Sắc Ca) thứ I
vùng Tây Bắc Ấn,
kiểm soát
con đường tơ lụa
và ủng hộ mạnh mẽ
truyền bá đạo Phật

0-100 CN

Hội đồng
kết tập kinh điển
lần thứ IV tại
Gandhara

Phật Giáo truyền bá
vào vùng Trung Á
và Trung Quốc

148 CN

Ngài An Thế Cao
tới Trung Quốc
và thiết lập
viện phiên dịch
đầu tiên

150-250 CN

Cuộc đời Ngài
Nāgārjuna (Long Thọ)
tại Ấn Độ

Thế kỉ thứ III

Phật Giáo truyền vào
Miến Điện, Campuchia,
Lào và Indonesia

Thế kỉ thứ IV

Cuộc đời Ngài
Asaṅga (Vô Trước) và
Vasubandhu (Thế Thân)
tại Ấn Độ



334-416 CN

Cuộc đời
Ngài Huệ Viễn
tại Trung Quốc
(đặt nền móng
cho Tịnh Độ tông)

344-413 CN

Cuộc đời Ngài Kumārajīva
(Cưu Ma La Thập),
phiên dịch những
kinh điển quan trọng
sang chữ Hán

350-650 CN

Triều đại Gupta tại Ấn Độ,
sự hưng thịnh của
tâm lý học Phật Giáo và
nghệ thuật Phật Giáo

372 CN

Phật Giáo
truyền vào Hàn Quốc

400-500 CN

Cuộc đời
Ngài Buddhaghosa
(Phật Âm)

400-500 CN

Thành lập trường
đại học Nalanda
tại Ấn Độ



414 CN

Ngài Pháp Hiền
- nhà hành hương
người Trung Quốc
tới Ấn Độ

520 CN

Ngài Bodhidharma
(Bồ Đề Đạt Ma)
tới Trung Quốc

530-600 CN

Cuộc đời
Ngài Dharmakīrti (Pháp Xứng)
sự xuất hiện và hưng thịnh
truyền thống Nhận Thức Luận
của Phật Giáo

538-597 CN

Cuộc đời Ngài Trí Khải,
sự hưng thịnh
của phái Thiên Thai

552 CN

Phật Giáo truyền vào
Nhật Bản từ Hàn Quốc

500-600 CN

Sự phát triển của
Tông Hoa Nghiêm,
Thiền, Tịnh Độ
tại Trung Quốc

574-622 CN

Hoàng Tử Shotoku
đã ủng hộ
Phật Giáo
tại Nhật Bản

589-617 CN

Triều đại nhà Tùy
ở Trung Quốc,
sự hưng thịnh Phật Giáo
tại Trung Quốc

605-660 CN

Cuộc đời Vua
Songtsen Gampo
- vị "vua tôn giáo"
đầu tiên của Tây Tạng

Rõ ràng là trong lịch sử Phật giáo, ngài là cái tên được công chúng trong và ngoài đạo biết đến nhiều hơn tất cả những nhân vật xuất hiện sau này. Các tác giả cho rằng chỉ Bụt là nhân vật duy nhất không thể bàn cãi trong danh sách những nhân vật nổi bật của thế giới Phật giáo. Nhưng có lẽ họ đã hơi lạc quan, bởi chắc chắn có người không chấp nhận được ý tưởng xếp Bụt vào chung hàng với các thế hệ đệ tử của Ngài. Trong bài viết của mình, giáo sư triết học Phật giáo Richard Hayes của đại học New Mexico không đi kể lại tám mươi năm cuộc đời của Bụt mà khảo sát qua tất cả những ý niệm nhân loại có về Bụt theo dòng lịch sử. Sau khi thị tịch hình ảnh của Bụt đã được biến đổi thế nào theo không gian và thời gian hai ngàn năm trăm năm? Tác giả còn mời gọi chính chúng ta tự trả lời câu hỏi: “*Bạn đang quy y nương tựa trong tự thân một Đức Bụt như thế nào?*” Đức Bụt mà bạn quy y đã tu hành qua muôn triệu kiếp, hoàn thành viên mãn các công đức hay chỉ thực hành niệm xứ, quán niệm hơi thở mà đạt được giải thoát? Đức Bụt của bạn có những năng lực siêu phàm như xuyên không để có mặt ở bất kỳ đâu Ngài muốn hay chắc chắn cũng chỉ là một người trần mắt thịt đi bằng hai chân như bạn? Đức Bụt của bạn có thể biết bất cứ điều gì Ngài muốn như thấy được quá khứ, tâm trí và tương lai của người đệ tử, thấy được vi trùng hay hạt Higgs trước cả giới khoa học hay chỉ đơn giản là một người thầy thông thái hơn hầu hết mọi

người và có thể chỉ ra con đường thoát khổ? Đức Bụt của bạn chỉ khuyên bảo bằng lời lẽ giản dị thiết thực không ra ngoài khổ và con đường diệt khổ và đôi khi cũng bó tay trước những đệ tử cứng đầu hay mối lo Ngài đều cao siêu và thâm thúy ít ai lĩnh hội được? Đức Bụt của bạn có còn đau buồn khi gia tộc bị giết hại, còn có năng lượng tình dục sau khi giác ngộ ở tuổi ngoài ba mươi hay là hiện thân từ cõi trời xuống với ba mươi hai tướng tốt, phân và nước tiểu đều có mùi thơm, giả có sinh già bệnh chết? Đức Bụt của bạn duy nhất đáng tin chỉ có Shakyamuni hay các Bụt Di Đà, A Súc, Dược Sư đều có thật? Đức Bụt của bạn có phải là con người dân thân vì công bằng giai cấp, bảo vệ quyền động vật và sinh môi, thiết lập một tầng đoàn dân chủ không giáo điều và giúp nữ quyền hay đơn giản Ngài chỉ đề cao đời sống giải thoát tự thân lấy tiêu chuẩn là một vị A-la-hán tự tại nơi lan-nhã?...

Tính đến thời điểm hiện tại, rất nhiều người trên thế giới đang tiếp cận hình ảnh của Bụt nhờ những nỗ lực của các học giả Tây phương theo sau B.R Ambedkar của đầu thế kỷ XX, lột bỏ những tấm choàng thần bí và siêu nhiên khoác lên hình tượng Đức Bụt để giới thiệu Ngài như một con người, khác biệt với hầu hết chúng ta chỉ ở trí tuệ và từ bi lớn của ngài, xiển dương ý tưởng “*Vì Bụt trước hết là một con người nên chúng ta mới có thể giải thoát được như Bụt*”. Đức Bụt mà bạn nương tựa có phải là một Đức Bụt “*theo thị hiếu*” (từ của giáo sư Hayes) không, dấu đó là ý niệm được coi là tiến bộ, nhân bản, thời thượng nhất về Đức Bụt. Từ gợi ý của tác giả, chúng ta còn có thể tự hỏi: Hình tượng nào của Bụt đang được thờ trong ngôi đền tâm linh của bạn? Và ngược nhìn lên bạn thấy mình cách Ngài bao xa? Rõ ràng ý niệm về Bụt mà bạn đang nương tựa sẽ định hướng cho giáo pháp mà bạn thực hành, cộng đồng tu học mà bạn chọn gia nhập. Một ý niệm đẹp về Bụt có thể giúp nuôi dưỡng nhưng nhiều khi ý niệm sẽ giam hãm, ngăn cản bạn thấy sự thật và đạt tới tự do. “*Nếu bạn tìm ra chân tướng thật của Bụt thì bạn cũng tìm ra chính mình*”.



Long Thọ नागार्जुन

Ngài Long Thọ là tượng đài lớn nhất trong triết học Phật giáo, người tu sĩ làm tốn nhiều giấy mực nhất của các triết gia Tây phương hiện đại. Phật giáo Tây Tạng coi ngài là vị Bụt thứ hai và tượng ngài thường có một nhục kế rất lớn ở trên đỉnh đầu. Sống vào thời kỳ đỉnh cao của văn học Bát Nhã và lĩnh hội sâu sắc rồi hệ thống hóa tư tưởng về tánh Không, ngài đã để lại ảnh hưởng dài nhất trong lịch sử triết học Phật giáo. Mười tám thế kỷ nay các thế hệ Tổ sư kế tiếp đã triển khai tính Không tuyệt đối ấy và mỗi một chữ Không chúng ta dùng trong Phật giáo đều có liên hệ đến Long Thọ, là sự tiếp nối của Long Thọ và mang thông điệp của Long Thọ.

Với các triết gia, phương pháp biện luận của ngài Long Thọ là thông điệp của ngài. Phương pháp

đó ngày nay được gọi là “*reductio ad absurdum*” – phủ định pháp. Ban đầu ngài giả sử các ý niệm đó là đúng và sau đó dùng chính các khái niệm trong mệnh đề đó để chứng minh nó vô lý. Ví dụ như khi nói “*người - đi*” theo nhận thức thông thường không thấy có gì sai cả. Nhưng ngài Long Thọ bắt lỗi: nếu đã đi thì việc đi tự nó phủ nhận người đi; đã xác định một người thì sẽ không thể đi (biến đổi), nếu đã biến đổi thì không còn là “*người*” đã xác định nữa. Hoặc nói: “*Cha không có một người con như vậy!*” cũng vô lý. “*Cha*” chỉ có thể xác lập được khi có “*con*”, nên không thể lấy con ra khỏi cha. Còn nếu không có con thì người đó đâu phải là cha, đâu cần phải từ mặt. Ngài không có ý phủ định hiện hữu, phủ định đến đi hay cha con, mà ngài chỉ chứng minh rằng không một pháp nào “*có*” độc lập ngoài những liên hệ với các pháp khác, không có một thứ gì có “*tự tánh*”. Hãy thử quan sát những sợi bông gòn lấy từ cây bông. Chúng ta nói rằng cục bông trắng mềm đó là do duyên sinh: hạt, cây, đất, nước, nắng, mưa... Nhưng nhìn vào nắng, mưa, xói đất tách cành ra chúng ta cũng không thấy sợi bông trắng, không thấy tính mềm mượt, đàn hồi... Nếu không tìm thấy thì làm sao gọi chúng là duyên để sinh ra cục bông, nếu tìm thấy thì cục bông đã có sẵn trong các duyên ấy, đâu cần sinh ra nữa. Nên “*duyên sinh*” cũng chỉ là một ý niệm, niết bàn, tứ đế, hiện tại... cũng là những ý niệm không mô tả

Đức Bụt
trong mắt nhân loại

được chính xác thực tại. Cứ như vậy ngài làm lật đổ tất cả những khái niệm hàng ngày chúng ta vẫn tin dùng. Vào thời của ngài, các tông phái thích chủ trương “có cái này”, “không có cái kia”; ít nhiều đã gây mắc kẹt, tranh chấp và không nhằm mục đích giải quyết khổ đau. Và ngài đã phải đứng ra để giúp các Phật tử khỏi rơi vào các chủ thuyết sai lầm.

Đối lập với danh tiếng lớn của ngài, các học giả ngày nay tìm được rất ít thông tin đáng tin cậy về cuộc đời ngài. Sức nổi tiếng và ảnh hưởng của ngài trong lịch sử Phật Giáo lớn bao nhiêu thì những chi tiết về cuộc đời ngài mà chúng ta hiện nay biết được ít bấy nhiêu. Điều có vẻ chắc chắn nhất là ngài là một tu sĩ có xuất thân Bà-la-môn. Còn ngài sinh vào khoảng thế kỉ nào, thuộc tông phái nào, sống và trước tác ở đâu, tác phẩm nào chắc chắn là của ngài hay chỉ được gán cho ngài sau này... đều mơ hồ. Cũng như số người ta biết về Einstein thì nhiều nhưng hiểu lý thuyết của ông thì không có bao nhiêu. Trong thế giới Phật giáo bây giờ, tên tuổi của Long Thọ vĩ đại là vì được ca ngợi bởi các tên tuổi uy tín khác. Còn thứ biện chứng pháp kia có vẻ không mấy gần gũi với ngôn ngữ thường nhật. Lý thuyết của Einstein đã phá vỡ khái niệm ngăn cách không thời gian, vật chất năng lượng... mà cũng đã tạo ra bom nguyên tử. Tánh Không của ngài Long Thọ cũng có thể tạo ra một quả bom rất kinh khiếp, thiêu rụi thực tại, đẩy lui về đoạn diệt. Thế nên sau này mới có những tuyên bố như: “Chấp Có to bằng núi Tu Di còn hơn chấp Không nhỏ bằng hạt cải”, “Thuốc Không để chữa bệnh Có, mắc kẹt vào Không thì hết cách cứu chữa”. Chúng ta nên tự hỏi làm sao để biện chứng pháp của ngài trở nên gần gũi thiết thực hơn, làm sao để bạn phá đổ được những ngăn cách giữa đến-đi, chủ thể-đối tượng, sống-chết...? “Ta có hoài bão đi vào kho tàng Phật giáo để dùng những viên ngọc rất quý giúp đạt đến tự do lớn, hay ta chỉ bằng lòng với một chút chuyển hóa, một chút dễ thương, một chút hạnh phúc mà pháp môn mang lại?” [trích Đập vỡ vỏ hồ đào]



Đệ nhất hệ Thân

Chúng ta có thể đặt câu hỏi vì sao sau sự vĩ đại của ngọn núi Long Thọ vẫn còn cần đến những nhân vật xuất chúng như các luận sư Duy thức tông? Có phải tư tưởng của ngài Long Thọ chỉ còn trên lá bối mà không còn ai kế tục được? Có phải các thế hệ sau đã dùng lời lẽ của ngài như một mô tả về thực hữu nên đã bị rơi vào cực đoan? Hoặc là các vị đi sau đã tiếp cận và giảng bày giáo lý theo một cách khác? Hoặc xã hội đương thời có những đòi hỏi và thách thức khác? Có thể các thầy không chỉ yên lòng với Chân Không mà còn muốn diễn bày Diệu Hữu, không phủ nhận những gì ngay trước mắt. Trong giai đoạn mới Phật giáo lấy tâm học làm trung tâm và triển khai vấn đề từ hướng nhận thức luận.

Ngài Thế Thân là em trai và cũng là học trò của ngài Vô Trước. Có thể nói cả cuộc đời ngài không bao giờ ngừng nghỉ, là một tư tưởng gia luôn sẵn sàng đổi mới. Trong khi còn theo Tiểu thừa ngài đã làm những bộ luận lớn và uy tín, rồi lại đổi hướng khi anh trai gửi cho đọc những tư tưởng Đại Thừa, và cuối cùng hai anh em trở thành những người xiển dương Đại thừa vĩ đại. Tuy vậy theo tác giả Jonathan Gold từ trường đại học Princeton, ngài có thể thừa nhận những quan điểm sai lầm của chính mình trước đây nhưng không từ bỏ những tinh túy của Tiểu thừa và cũng không chấp nhận những tư

tưởng Đại thừa truyền lại từ thế hệ đi trước một cách giáo điều. Ngài lựa chọn trung thành với kinh điển nguyên thủy và bác bỏ những diễn dịch lệch lạc các ý tưởng ban đầu của Bụt, từ đó tổng hợp, hệ thống nên tư tưởng của riêng mình. Nhìn vào những lĩnh vực ngài nghiên cứu và số lượng các trước tác, chúng ta thấy hiện ra một nhà bách khoa vĩ đại, thấu tóm tất cả các trường phái đương thời và đặt nền móng rộng rãi và vững chắc cho một dòng chảy chính cho Phật Giáo trong ngàn năm kế tiếp. Trong bài viết, tác giả chỉ tiếp cận tư tưởng của ngài Thế Thân ở hai điểm mà tác giả cho rằng ngày nay ít ai ghi nhận: cách chứng minh tri giác sai lầm về bản ngã mà ngài đã dùng trong phẩm cuối cùng của Câu xá luận (Phá ngã) và nền tảng cho nhận thức luận dựa trên hiện lượng và tỉ lượng mà sau này Trần Na và Pháp Xứng sẽ khai thác sâu hơn trong những thế kỉ sau. Tác giả cho rằng những tinh túy của nhận thức luận Phật giáo thường bị gán cho các thế hệ sau, đã có ngay trong các trước tác của Thế Thân. Hiện nay, số lượng các nghiên cứu về ngài ở giới học giả Tây phương không thể bằng Long Thọ nhưng nhận được sự quan tâm của giới học giả ít hơn không có nghĩa là sức ảnh hưởng của ngài trong không gian và thời gian của lịch sử Phật giáo là ít hơn. Một trong số đó phải kể đến nền tảng tâm học Duy Biểu mà chúng ta đang thừa kế từ hai anh em ngài Thế Thân. Các học giả Tây phương thường quan tâm tìm xem ai là “người đầu tiên” – một điều không được mấy chú trọng trong lịch sử Tăng già. Cốt lõi uyên thâm nhất của nhận thức luận có thể đã được ngài Thế Thân nêu ra (hoặc tiếp nối?) rồi lẫn lộn trong các trước tác đồ sộ khác, còn rõ ràng sau này Pháp Xứng lại xiển dương và đặt cho giáo lý ấy một vị trí trung tâm. Nếu ngài Long Thọ hiện ngang trên đỉnh cao tột của tánh Không thì có thể nói tất cả phần đất còn lại là của ngài Thế Thân. Nhưng di sản đồ sộ đó đã giúp đả kích các chủ thuyết sai lạc, tiếp cận chân lý hay để lại gánh nặng kéo dài đến mức sau này các Tổ sư thiền đã phải bác bỏ hết các chia chẻ của luận tạng? Điều đó tùy thuộc vào thái độ tiếp nhận của thế hệ hậu học, trong đó có cả các triết gia hiện đại.

(Còn tiếp)

Ban biên tập

SỐ THỨ NHẤT

BAN CỐ VẤN



Thầy Chân Pháp Niệm



Thầy Chân Pháp Khâm



Thầy Chân Pháp Anh



Sư cô Chân Quy Nghiêm

BAN BIÊN TẬP

Mục Văn hóa Làng Mai: Thầy Thích Trung Thuận, Trời Đại Đồng, Trời Thịnh Không; sư cô Chân Trường Nghiêm, Chân Áo Nghiêm, Trăng Thiên Hà.

Mục Chuyên đề: Thầy Trời Nguyễn Ước, Trời Hải Thượng; sư cô Trăng Bối Diệp, Trăng Thông Chiếu.

Mục Luận văn: Sư cô Chân Trường Nghiêm, thầy Trời Nguyễn Ước.

Mục Nghiên cứu: Thầy Trời Đại Đồng, sư cô Trăng Thông Chiếu.

Mục Văn nghệ: Sư cô Chân Áo Nghiêm, thầy Thích Trung Thuận.

Mục Vòng tay nhận thức: Sư cô Trăng Bối Diệp, thầy Trời Hải Thượng.

BAN THIẾT KẾ

Thiết kế: Thầy Trời Kỳ Ngộ

Vẽ minh họa: Sư cô Chân Trăng Mẫn Chiếu, Nguyễn Mạnh Dũng